

THƯ VIỆN TỈNH PHÚ YÊN

324.259755

L302S



DCVN.001740

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

**LỊCH SỬ**  
**ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ YÊN**  
**(1975 - 2000)**

**BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY PHÚ YÊN**

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐÃ ĐƯỢC HỘI ĐỒNG KHOA HỌC TỈNH  
NGHIỆM THU NGÀY 5 THÁNG 12 NĂM 2006**

**Cơ quan quản lý:**

**SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ TỈNH PHÚ YÊN**

**Cơ quan chủ trì:**

**BAN TUYÊN GIÁO TỈNH ỦY PHÚ YÊN**

*Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Yên lần thứ XIII (12-2000) về việc biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh từ năm 1975 đến năm 2000 và Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28-8-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khoá IX) về tăng cường và nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 23/5/2003, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên ra Quyết định số 898-QĐ/TU về việc biên soạn **Lịch sử Đảng bộ tỉnh Phú Yên thời kỳ 1975-2000**, nhằm góp phần vào công tác giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trong tỉnh.*

*Chặng đường lịch sử 1975-2000 là một thời kỳ có nhiều biến động lớn: Đất nước chuyển từ trạng thái chiến tranh sang hoà bình xây dựng, cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội; là giai đoạn hợp nhất tỉnh Phú Yên với Khánh Hoà thành tỉnh Phú Khánh, sau đó lại tái lập tỉnh; là quá trình từ một nền kinh tế tập trung quan liêu, bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; là giai đoạn chịu những tác động tiêu cực về tư tưởng chính trị từ sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô; đồng thời là giai đoạn tiến hành đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đưa tỉnh nhà đi lên, cùng hội nhập với sự phát triển chung của đất nước.*

*Những đặc điểm nêu trên có tác động chi phối cả mặt tích cực và tiêu cực đến toàn bộ quá trình phát triển của Phú Yên từ 1975-2000. Trên chặng đường 25 năm đó, cuốn sử sẽ làm nhiệm vụ tổng kết những thành tựu đã đạt được, nêu ra những yếu kém tồn tại, rút ra những bài học có giá trị thực tiễn phục vụ cho sự phát triển của tỉnh nhà và của Đảng bộ. Trên cơ sở đó tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng bộ là nhân tố quyết định tạo nên sức mạnh mới trên bước đường phấn đấu thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh” ở Phú Yên theo đường lối “công nghiệp hoá, hiện đại hoá” đất nước của Đảng.*

*Sau một thời gian tổ chức sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn, được sự giúp đỡ, đóng góp ý kiến và cung cấp tư liệu của các đồng chí lão thành cách mạng và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh, của các cơ quan, ban ngành trong tỉnh, đến nay tập **“Lịch sử Đảng bộ tỉnh Phú Yên thời kỳ 1975-2000”** đã hoàn thành. Mặc dù Ban biên soạn có nhiều cố gắng trong công tác nghiên cứu, biên soạn, nhưng viết về một thời kỳ có nhiều biến động, nhất là việc hợp nhất và chia tách tỉnh, thì cũng phải thấy rằng để phân tích, đánh giá một cách khoa học, khách quan các sự kiện đã diễn ra trên địa bàn mà ngày nay đã tách thành hai Đảng bộ, hai tỉnh là điều hết sức khó khăn, không thể tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế. Chúng tôi rất mong đồng chí, đồng bào, bạn đọc gần xa phê bình góp ý, tiếp tục cung cấp các nguồn tư liệu để lần tái bản lần sau đạt chất lượng cao hơn.*

*Nhân dịp xuất bản cuốn sách “**Lịch sử Đảng bộ tỉnh Phú Yên thời kỳ 1975-2000**”, chúng tôi xin chân thành cảm ơn Viện Lịch sử Đảng – Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phòng Lưu trữ và Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Khánh Hoà cùng các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân đã tận tình giúp đỡ và đóng góp ý kiến cho việc hoàn thành cuốn sách này.*

*Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Phú Yên xin trân trọng giới thiệu với đồng chí, đồng bào trong tỉnh và bạn đọc gần xa cuốn “**Lịch sử Đảng bộ tỉnh Phú Yên thời kỳ 1975-2000**”.*

.....  
**MỤC LỤC**  
—————

**Chương I: Đảng bộ Phú Yên lãnh đạo ổn định tình hình sau ngày giải phóng và thực hiện chủ trương của Trung ương về việc hợp nhất tỉnh (từ 1/4/1975 đến 3/11/1975).**

**I. Lãnh đạo ổn định tình hình sau ngày giải phóng 1-4-1975.**

**II. Lãnh đạo hợp nhất tỉnh Phú Yên với tỉnh Khánh Hoà.**

**Chương II: Đảng bộ Phú Khánh lãnh đạo cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (11/1975-6/1989).**

**I. Lãnh đạo nhân dân khắc phục hậu quả chiến tranh, cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội (11/1975-1980).**

**II. Lãnh đạo thực hiện Kế hoạch Nhà nước 5 năm 1980-1985.**

**III. Những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986-1989).**

**Chương III: Đảng bộ tỉnh Phú Yên tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp đổi mới, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên địa bàn tỉnh (7/1989-2000).**

**I. Lãnh đạo ổn định tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội (7/1989-1991).**

**II. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (vòng 2), thực hiện đổi mới kinh tế - xã hội (1992-1995).**

**III. Đảng bộ Phú Yên lãnh đạo đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá (1996-2000).**

**Chương kết: Đảng bộ Phú Yên qua 25 xây dựng, phát triển và bài học kinh nghiệm.**

**Phần Phụ lục**

- 1. Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh các khóa từ 1975-2000. Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ Phú Khánh (từ tháng 11-1975 đến tháng 3-1977)**
- 2. Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Khánh khóa I (3/1977 – 10/1979)**
- 3. Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Khánh khóa II (10/1979 – 2/1983)**
- 4. Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Khánh khóa III (2/1983 – 11/1986)**
- 5. Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Khánh khóa IV (11/1986 – 2/1989)**
- 6. Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Yên từ tháng 4-1989 đến tháng 1-1992**

7. Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Yên khóa XI (1/1992 – 5/1996)
8. Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Yên khóa XII (5/1996-12/2000)
9. Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Yên khóa XIII (12/2000)

.....

## **BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY PHÚ YÊN**

### **CHƯƠNG I**

## **ĐẢNG BỘ PHÚ YÊN LÃNH ĐẠO ỔN ĐỊNH TÌNH HÌNH SAU NGÀY GIẢI PHÓNG VÀ THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG CỦA TRUNG ƯƠNG VỀ VIỆC HỢP NHẤT TỈNH (TỪ 1/4/1975 ĐẾN 3/11/1975)**

### **I. LÃNH ĐẠO ỔN ĐỊNH TÌNH HÌNH SAU NGÀY GIẢI PHÓNG 1-4-1975:**

Ngày 1-4-1975, Phú Yên được hoàn toàn giải phóng, mở ra một thời kỳ mới trong tiến trình phát triển của lịch sử tỉnh nhà. Đó là thời kỳ cùng cả nước sống trong hoà bình, độc lập, tự do và đi lên chủ nghĩa xã hội. Bên cạnh thuận lợi cơ bản đó, Phú Yên phải đương đầu với những khó khăn, thử thách do hậu quả của chiến tranh để lại: Nền kinh tế của tỉnh chủ yếu là sản xuất nhỏ, mất cân đối và lệ thuộc nước ngoài cả về vốn, kỹ thuật, vật tư, hàng hóa. Sản xuất công nghiệp hầu như không có gì, sản xuất tiểu thủ công nghiệp là chủ yếu. Sản xuất nông nghiệp manh mún với kỹ thuật thô sơ, lạc hậu<sup>1[1]</sup>. Đời sống của đại bộ phận nhân dân trong tỉnh gặp rất nhiều khó khăn, nhất là ở những vùng căn cứ và vùng mới giải phóng. Hệ thống giáo dục, y tế cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị dạy học, trang thiết bị khám, chữa bệnh hết sức lạc hậu và xuống cấp nghiêm trọng<sup>2[2]</sup>. Bên cạnh đó, Phú Yên còn tiếp nhận hàng vạn nạn nhân, nạn quyền vừa mới rã ngũ ra trình diện, học tập và cải tạo<sup>3[3]</sup>. Lợi dụng chính sách nhân đạo, khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta, hơn 1 nghìn tên ác ôn, mật vụ, thám báo của chế độ cũ không chịu ra trình diện, cải tạo mà tìm cách lẩn trốn, kích động, tung tin thất thiệt bịa đặt chống phá chính quyền cách mạng và nhân dân, làm cho tình hình càng thêm khó khăn phức tạp<sup>4[4]</sup>. Cùng với những khó khăn về kinh tế - xã hội, hệ thống chính trị của tỉnh chưa được củng cố, kiện toàn. Đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành vừa thiếu vừa yếu về trình độ nhận thức, vừa yếu về năng lực quản lý điều

---

<sup>1[1]</sup> Sau giải phóng, tổng giá trị tài sản toàn tỉnh mà ta tiếp quản được sau giải phóng như một số cơ sở sản xuất, ngân hàng, nhà máy điện, bưu điện... với thiết bị cũ kỹ lạc hậu, không đồng bộ; hàng ngàn ha ruộng đất bị bỏ hoang vì dân bị dồn vào các ấp chiến lược, trong khi đó, hơn 7,3 vạn đồng bào ở các khu dồn dân của địch nay trở về quê cũ gần như tay trắng không vốn liếng, nhà ở, đất sản xuất

<sup>2[2]</sup> Sau giải phóng, 3 cấp học ở Phú Yên có 1.265 lớp, với trên 5,1 vạn học sinh và 1.254 giáo viên do chế độ cũ đào tạo; Toàn tỉnh chỉ có 1 bệnh viện đa khoa và 8 bệnh xá cấp huyện, do đó không đủ khả năng để khám và chữa bệnh cho nhân dân.

<sup>3[3]</sup> Trên địa bàn tỉnh có các Đảng phái phản động như: Đảng Dân chủ 21.320 người; Việt Nam quốc dân Đảng 4049 người; Đại Việt 1770 người; Việt Nam nhân xã Đảng 1595 người; Lực lượng nhân dân cứu quốc 675 người; Lực lượng đại đoàn kết 511 người; Lực lượng dân tộc Việt 350 người; Phong trào quốc gia cấp tiến 250 người; Việt Duy Tân 300 người; Đảng tự do 300 người.

<sup>4[4]</sup> Toàn tỉnh có gần 1.400 tên làm việc cho CIA và có nhiều nợ máu với cách mạng thay tên đổi họ tìm cách lẩn trốn.

hành chưa đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ của cách mạng trong thời kỳ mới.

Có thể nói, những khó khăn, thử thách mà Đảng bộ và nhân dân Phú Yên phải đối mặt sau ngày giải phóng là hết sức to lớn. Nhưng trong không khí sôi động của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 của quân và dân ta sắp giành được thắng lợi hoàn toàn, miền Nam sắp được giải phóng, Tổ quốc sắp được thống nhất, Đảng bộ, quân và dân Phú Yên quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách, khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội.

Để ổn định tình hình, Tỉnh ủy yêu cầu Ủy ban quân quản phải quán triệt và vận dụng sáng tạo tư tưởng chỉ đạo của Đảng, tránh những lời nói và việc làm tạo ra ra những hiểu lầm về chủ trương, chính sách của chính quyền cách mạng; đối với đồng bào từ các khu dồn dân mới trở về không để xảy ra thiếu đói, nhanh chóng giúp ổn định đời sống và sản xuất. Ngày 7-4-1975, đồng chí Võ Chí Công - Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Bí thư Khu ủy khu V trên đường khảo sát tình hình đã trực tiếp làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên, đồng chí có lưu ý Tỉnh ủy Phú Yên phải xem vấn đề ổn định đời sống sản xuất, trật tự trị an là vấn đề cấp bách, đặc biệt đời sống của hàng vạn người từ các khu dồn dân của địch vừa mới trở về. Đồng chí chỉ rõ: Nếu giải quyết tốt các vấn đề nêu trên sẽ góp phần quan trọng sớm ổn định tình hình, đồng thời đập tan mọi luận điệu xuyên tạc của các thế lực phản động trong các đảng phái, trong nguy quân, nguy quyền vừa bị tan rã.

Với sự quyết tâm cao của toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân trong tỉnh, cùng với sự chi viện của cấp trên, trong tháng 4-1975 về cơ bản Phú Yên đã ổn định được một số tình hình và hoàn thành nhiệm vụ đón tiếp và tiễn các binh đoàn chủ lực hành quân qua Phú Yên vào giải phóng Sài Gòn<sup>5[5]</sup>. Trong hai ngày 29 và 30-4-1975, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị lần thứ nhất tiến hành phân tích, đánh giá tình hình trong tỉnh sau ngày giải phóng 1-4. Hội nghị đánh giá: *“Kết quả của việc tiếp quản thị xã, thị trấn và các vùng nông thôn khá thuận lợi”, “ta đã nhanh chóng thiết lập được bộ máy chính quyền cách mạng từ tỉnh đến cơ sở. Điều hành và xử lý công việc quản lý tạo điều kiện sớm ổn định tình hình kinh tế và đời sống của đồng bào. Trật tự trị an về cơ bản đảm bảo được. Số đồng bào trong 40 khu dồn và sống lưu lạc ở các nơi lần lượt về lại quê cũ chăm lo sản xuất”*. Tuy nhiên, *“công tác tiếp quản, quản lý, điều hành còn lúng túng. Một số ít cán bộ có biểu hiện thỏa mãn xả hơi. Tư tưởng công thần xuất hiện. Việc tiếp nhận và sử dụng các nhân viên kỹ thuật của chế độ cũ vừa thiếu triệt để, vừa thiếu chặt chẽ. Khó khăn lớn nhất là số đồng bào mới về, những điều kiện tối thiểu trong sinh hoạt và đời sống còn nhiều thiếu thốn, nên diễn biến tư tưởng khá phức tạp. Hoạt động của các đoàn thể còn lúng túng, vật tư xăng dầu cho sản xuất và đi lại thiếu thốn...”*.

Những yếu kém này đã ảnh hưởng và tác động xấu đến tình hình tư tưởng của quần chúng nhân dân, hạn chế đến khí thế chung trong quá trình phát triển. Trước tình hình đó, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng

---

<sup>5[5]</sup> Thực hiện Công điện ngày 3-4-1975 của Ban Thường vụ Khu ủy Khu V về việc yêu cầu Tỉnh ủy Phú Yên huy động lực lượng tổ chức các trạm đón tiếp và tiễn các binh đoàn chủ lực hành quân qua Phú Yên vào giải phóng Sài Gòn, tỉnh tổ chức các trạm đón tiếp các binh đoàn ở đèo Cù Mông trên tuyến quốc lộ 1A và Mục Thịnh, La Hai ở phía Tây. Đồng thời, chuẩn bị các điểm cung cấp lương thực cho bộ đội chủ lực ở xã Xuân Thọ huyện Sông Cầu; xã An Hoà, An Mỹ huyện Tuy An; xã Hoà Vinh, Hoà Xuân huyện Tuy Hoà và lập hai trạm sửa chữa ô tô đặt tại thị xã Tuy Hoà và thị trấn Phú Lâm. Ngoài ra, tỉnh còn quyết định lập 7 trạm theo trục quốc lộ 1A, mỗi trạm có cán bộ, nhân viên của các ngành, đoàn thể như: Y tế, Tài chính, Thương nghiệp, Vật tư, Lương thực, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, cùng một số quần chúng để hỗ trợ và động viên cổ vũ cuộc hành quân của các binh đoàn chủ lực, góp phần vào chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

lần thứ 3 họp từ ngày 21 đến 23-5-1975 đã quyết định thực hiện các công tác lớn.

*Thứ nhất*, Phải tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, phấn đấu sớm ổn định tình hình. Tiến hành truy quét bọn lẩn trốn, trấn áp bọn phản cách mạng, giữ gìn trật tự trị an. Thực hiện nghiêm các Chỉ thị, Nghị quyết và các chính sách của Đảng. Nghiêm cấm những việc làm tùy tiện do địa phương tự đặt ra. Phải làm cho mọi người hiểu rõ về những điều quy định cụ thể của các chính sách. Phải kiểm tra rà soát kỹ và thả hết số người đã bị giam giữ chưa đúng theo chính sách đã quy định. Đồng thời giam giữ chặt chẽ những tên có nhiều nợ máu cần phải cải tạo thời gian dài, đúng theo pháp luật.

*Thứ hai*, về phát triển kinh tế nhằm vào các yêu cầu là phải sớm ổn định và giữ vững đời sống nhân dân. Từng bước khôi phục sản xuất nông nghiệp (cả ngư nghiệp, diêm nghiệp, lâm nghiệp) công nghiệp, thương nghiệp, giao thông vận tải.

*Thứ ba* về công tác tài chính: Tổ chức tuyên truyền rộng rãi cho quần chúng nhận thức được về việc chính quyền cách mạng thu các loại thuế đã có từ trước trên cơ sở đó phát huy tinh thần tự nguyện của quần chúng, không gán ép, không động viên quá mức. Quản lý chặt chẽ các khoản chi, thực hành tiết kiệm, chấm dứt việc thu lạc quyền ngoài quy định.

*Thứ tư*, về công tác giáo dục y tế, văn hóa xã hội: Khôi phục các trường phổ thông ở căn cứ, nông thôn đồng bằng, đảm bảo có trường lớp thu nạp hết số học sinh đang học. Trong vùng mới giải phóng cần sắp xếp điều chỉnh một số trường cho hợp lý. Sử dụng lại chương trình sách giáo khoa của chế độ cũ, bỏ phần chính trị và xã hội thay vào chương trình giáo dục công dân của chính quyền cách mạng. Học sinh các trường từ cấp I đến cấp III phải có giờ lao động. Thu nhận số giáo viên cũ (trừ số có tội ác, đảng viên đảng Đại Việt). Các cấp học phải có giáo viên của cách mạng làm nòng cốt. Mở ngay lớp bồi dưỡng chính trị và nghiệp vụ ngắn ngày cho cán bộ, giáo viên. Tiếp tục mở trường sư phạm, đào tạo đủ giáo viên cấp I.

Củng cố bệnh xá huyện Miền Tây ở Trà Kê để sớm đi vào hoạt động; tổ chức phòng khám bệnh cho nhân dân ở thị xã, bệnh viện tỉnh phải đảm bảo đủ giường phục vụ bệnh nhân. Vận động nhân dân các xã phường xây dựng tủ thuốc dân lập, nhà hộ sinh... Có kế hoạch sử dụng điều hòa số nhân viên y tế cũ, đưa người của cách mạng vào làm nòng cốt. Ban dân y có kế hoạch giáo dục quan điểm phục vụ nhân dân cả số hoạt động y tế tư nhân tiếp tục hành nghề theo sự quản lý của ngành.

Đối với công tác cứu tế xã hội, phải tập trung giải quyết số người hành khất không để họ đi lang thang trên đường phố. Nắm và thống kê số người tàn tật neo đơn mất sức lao động để tổ chức cứu tế. Nắm chắc số người mới trở về quê cũ có kế hoạch giải quyết cụ thể để họ có ăn và tiếp tục sản xuất.

*Thứ năm*, về công tác quốc phòng: Thực hiện đầy đủ các quy định của trên về biên chế xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh, huyện (kể cả các binh chủng) đảm bảo chất lượng. Tăng cường công tác chính trị tư tưởng, chấp hành nghiêm kỷ luật dân vận. Cán bộ chiến sĩ phải làm tốt công tác dân vận ở nơi đóng quân chấp hành tốt các chính sách của Đảng và Chính phủ. Tăng cường trách nhiệm của lực lượng vũ trang trong nhiệm vụ bảo vệ cơ quan, kho tàng. Tham gia giữ gìn trật tự trị an trong xã hội. Du kích xã thôn không được thoát ly sản xuất, không thoát ly gia đình.

*Thứ sáu*, về công tác Dân vận Mặt trận: Tỉnh ủy khẳng định đây là một trong những công tác cơ bản quan trọng để tập hợp đoàn kết quần chúng làm chỗ dựa cho chính quyền cách mạng, là nơi giáo

dục và thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, trên cơ sở đó mà tập hợp rộng rãi lực lượng các tầng lớp quần chúng. Dựa vào cao trào cách mạng của các tầng lớp quần chúng thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị của Đảng trong giai đoạn mới của cách mạng.

Hội nghị Tỉnh uỷ cũng chỉ rõ những hạn chế của Đảng bộ như: Sự chỉ đạo và lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng trong toàn Đảng bộ vẫn còn theo nếp cũ, tư tưởng và phong cách, phương pháp lãnh đạo chưa theo kịp với tình hình. Nhiều chính sách của Đảng chưa được nghiên cứu, quán triệt đầy đủ và tổ chức thực hiện lảng lẻo. Để khắc phục tình hình đó, Hội nghị Tỉnh uỷ nêu rõ: *“Hiện nay cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, thống nhất nước nhà, thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc để xây dựng đất nước. Cụ thể là dựa vào công nhân, nông dân, lao động lấy công nông làm nền tảng đoàn kết toàn dân. Mở rộng Mặt trận dân tộc giải phóng; thu hút trí thức lớp trên, tư sản dân tộc, phú nông; những người trong lực lượng thứ ba trước đây yêu nước tiến bộ, những nhân sỹ yêu nước tiến bộ; các dân tộc, các tôn giáo...”*.

Về hệ thống tổ chức Đảng, Tỉnh uỷ có 8 Đảng bộ trực thuộc (7 Đảng bộ Huyện, Thị và Đảng bộ Dân Chính Đảng tỉnh) với 210 chi bộ cơ sở và 2.494 đảng viên. Chất lượng đảng viên về cơ bản tốt, có quan điểm lập trường vững vàng, tuổi đời còn trẻ, xông xáo đều được tôi rèn thử thách trong khải lữ của chiến tranh cách mạng. Song trình độ văn hoá, chuyên môn so với yêu cầu mới còn nhiều bất cập; số cán bộ chuyên môn ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa mới được tăng cường chưa quen với môi trường công tác mới; một số khá lớn đảng viên, cán bộ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ chưa bố trí hợp lý. Do đó, nhiệm vụ cơ bản của Đảng bộ là củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền ở tất cả các cấp để đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng và sự điều hành quản lý của chính quyền trong quá trình hàn gắn vết thương chiến tranh.

Về bộ máy chính quyền cách mạng: Sau giải phóng, tổ chức bộ máy chính quyền các cấp bước đầu được kiện toàn củng cố. Ủy ban nhân dân cách mạng cấp tỉnh có 11 thành viên, do đồng chí Nguyễn Duy Luân, Bí thư Tỉnh uỷ kiêm Chủ tịch Ủy ban; đồng chí Nguyễn Hữu Ái, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ làm Phó chủ tịch trực; đồng chí Ông Văn Bru, Phó chủ tịch. Ủy ban nhân dân cách mạng huyện, thị có 67 thành viên; xã, phường, thị trấn có 488 uỷ viên uỷ ban (xã lớn đông dân có 13 uỷ viên uỷ ban, xã nhỏ có từ 5 đến 7 uỷ viên uỷ ban). Trong tổng số 456 thôn, buôn và khu phố có 413 thôn, buôn khu phố có Ban nhân dân cách mạng bao gồm 4.724 người.

Để quản lý và điều hành công việc của chính quyền cách mạng, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh thành lập 14 ty, 4 ban và 3 phòng. Trung bình mỗi ty chuyên môn có 20 cán bộ nhân viên. Riêng Ty Giáo dục (cả giáo viên cấp I trở lên) có 1.900 người, Ty Y tế 390 người, Ty Giao thông vận tải 300 người.

Do yêu cầu tăng cường công tác quản lý hành chính và chuyên môn để nhanh chóng hàn gắn các vết thương chiến tranh, phát triển kinh tế, Trung ương tăng cường cho Phú Yên 395 cán bộ chuyên môn kỹ thuật (trong đó 15 đồng chí ở khu V). Số cán bộ được Trung ương chi viện đã góp phần quan trọng trong việc củng cố và kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp từ tỉnh đến cơ sở xã, phường.

Biên chế hành chính toàn tỉnh có 1.544 cán bộ nhân viên, trong đó có 114 người tạm tuyển dụng; số nhân viên lưu dụng 129 người. Các doanh nghiệp như nhà máy điện, xí nghiệp sửa chữa ô tô, nông

trường, đường sắt...có 699 người, trong đó có 417 người là nhân viên lưu dung và tạm tuyển.

Đội ngũ cán bộ xã phường, khu phố, thôn buôn toàn tỉnh 3.024 người. Lực lượng vũ trang của tỉnh, của huyện có 3.170 cán bộ chiến sỹ, trong đó có 1.146 đảng viên. Lực lượng an ninh, biên phòng toàn tỉnh có 550 cán bộ, chiến sỹ. Lực lượng du kích đang sinh hoạt, công tác và sản xuất ở trên địa bàn xã, thôn có 4.796 người.

Để củng cố và phát triển các đoàn thể quần chúng cách mạng như Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân, Công đoàn, Tỉnh ủy đã đề ra một số nhiệm vụ chính như sau:

*Đối với Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng Hồ Chí Minh:* Nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn cách mạng mới phải phấn đấu đẩy mạnh việc thực hiện “6 mục tiêu” và “3 phong trào” do Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng Hồ Chí Minh Khu V phát động. Sáu mục tiêu là: Lao động xây dựng Tổ quốc; chiến đấu bảo vệ thành quả của cách mạng; ra sức xây dựng con người mới, nếp sống mới; thanh niên phải ra sức học tập rèn luyện nâng cao giác ngộ chính trị; phấn đấu xây dựng tổ chức Đoàn vững mạnh; phải bảo vệ thiếu niên nhi đồng. Ba phong trào gồm: Xây dựng lực lượng du kích, tự vệ ra sức lao động sản xuất khôi phục kinh tế; sẵn sàng đi bất cứ đâu để chiến đấu bảo vệ quê hương; thanh niên đi đầu xung kích trong việc xây dựng con người mới. Với 6 mục tiêu và 3 phong trào của *Đoàn thanh niên*, tư tưởng chỉ đạo của Tỉnh ủy là phải đặc biệt quan tâm đến các quyền lợi học tập, vui chơi của thanh niên. Đoàn Thanh niên nhân dân cách mạng Hồ Chí Minh phải thực sự là một lực lượng nòng cốt trong các phong trào văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, qua đó thu hút đông đảo quần chúng tham gia tạo nên khí thế mới trong toàn xã hội.

*Hội phụ nữ giải phóng:* Phát động mạnh mẽ phong trào Phụ nữ bốn đảm đang do Hội Liên hiệp Phụ nữ Khu V phát động trong chiến tranh chống Mỹ, đồng thời tiếp tục tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu giữ gìn an ninh trật tự ở địa phương. Ra sức sản xuất, đóng góp lương thực, thực phẩm cho cuộc chiến đấu còn đang tiếp diễn; ra sức học tập nâng cao trình độ mọi mặt; ra sức xây dựng chính quyền địa phương, đảm đang công việc gia đình; mở rộng mặt trận đoàn kết phụ nữ, phát triển hội viên mới; củng cố tổ chức Hội các cấp, mở lớp tập huấn ngắn ngày cho cán bộ mới ở cơ sở.

*Hội nông dân giải phóng:* Ra sức củng cố, kiện toàn tổ chức hội từ xã đến huyện. Sắp xếp bố trí đủ chức danh Bí thư Nông hội ở 2 cấp huyện, xã. Cùng với Chính quyền và các ngành liên quan tiến hành điều tra, phân loại ruộng đất. Lập bộ điền thổ để quản lý trong giai đoạn mới. Tổ chức cho hội viên nông hội học tập nghiên cứu chính sách ruộng đất của Đảng. Đồng thời có kế hoạch cụ thể triển khai việc thực hiện chính sách ruộng đất theo quy định của Khu uỷ khu V nhằm sớm ổn định sản xuất, phát triển kinh tế, làm cho tình hình kinh tế xã hội ngày một ổn định hơn. Đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

*Công đoàn giải phóng:* Củng cố các tổ chức công đoàn cơ sở, tiếp tục phát triển đoàn viên mới. Có kế hoạch hướng dẫn hoạt động của các nghiệp đoàn. Chú ý là các nghiệp đoàn vận tải, ngư nghiệp đề ra các biện pháp giải quyết việc làm cho công nhân lao động, dân nghèo thành thị thất nghiệp nhằm sớm ổn định đời sống, phát triển sản xuất.

Để phù hợp với tình hình mới, Tỉnh ủy chủ trương sắp xếp lại một số đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh, theo đó, đến tháng 9/1975, Huyện Tây Nam, huyện Sơn Hoà nhập lại thành huyện Sơn Hòa, lỵ Cầu Sơn làm huyện lỵ. Huyện Đồng Xuân, huyện Sông Cầu nhập lại thành huyện Đồng Xuân, lỵ



thị trấn Sông Cầu làm huyện lỵ. Huyện Tuy Hoà 1, huyện Tuy Hoà 2 nhập lại thành huyện Tuy Hoà lấy thị trấn Phú Lâm làm huyện lỵ<sup>(1)</sup>.

Nhằm giải quyết khó khăn về lương thực, tỉnh phát động phong trào khai hoang phục hoá, mở rộng diện tích sản xuất, ngoài trồng lúa, chú ý trồng thêm các loại cây hoa màu ngắn ngày. Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất, trong tỉnh còn đẩy lên phong trào nhường cơm xẻ áo, “lá lành đùm lá rách” giúp nhân dân ở các khu dồn mới trở về. Nhờ vậy, bước đầu giải quyết được tình hình thiếu đói, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân, trước hết là ở vùng nông thôn. Về giáo dục, hệ thống trường lớp của các cấp học phổ thông được sắp xếp lại, chuẩn bị cho năm học 1975-1976. Số giáo viên lưu dụng có 1.749 người trong đó có 1.416 giáo viên được bố trí bồi dưỡng chương trình nghiệp vụ sư phạm của chính quyền cách mạng. Hệ thống y tế cũng được sắp xếp lại, bổ sung thêm một số cán bộ, nhân viên, bước đầu đáp ứng về nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân.

Như vậy, hơn 7 tháng sau ngày giải phóng (1/4 - 3/11/1975) dưới sự lãnh đạo năng động và sát hợp với tình hình của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, tỉnh Phú Yên bước đầu khắc phục được khó khăn, thử thách, ổn định đời sống nhân dân; củng cố và giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Đó là tiền đề quan trọng cho những bước phát triển tiếp theo thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về hợp nhất hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa.

## II. LÃNH ĐẠO HỢP NHẤT TỈNH PHÚ YÊN VỚI TỈNH KHÁNH HÒA

Để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng - an ninh trong thời kỳ mới, ngày 29-9-1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khóa III) ra Nghị quyết số 245-NQ/TW về việc bỏ cấp khu, hợp nhất một số tỉnh ở miền Nam. ***Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, ngày 3-11-1975, hai tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa được hợp nhất, lấy tên tỉnh là Phú Khánh.*** Tỉnh Phú Khánh có diện tích gần 10 ngàn km<sup>2</sup>, với dân số 1.047.250 người. Trong đó, khu vực thị trấn, thị xã 331.470 người; nông thôn, đồng bằng 680.780 người; miền núi 35.000 người (dân tộc thiểu số 24.000 người).

Tỉnh Phú Khánh có 6 huyện đồng bằng: Đồng Xuân, Tuy An, Tuy Hòa, Khánh Ninh, Khánh Xương, Cam Ranh. 4 huyện miền núi gồm: Miền Tây, Sơn Hòa, Khánh Sơn, Khánh Vĩnh. Hai thị xã là Nha Trang và Tuy Hòa, lấy Nha Trang làm tỉnh lỵ của tỉnh Phú Khánh.

*“Tỉnh mới có nền kinh tế tương đối toàn diện. Tiềm lực và khả năng phát triển kinh tế thuận lợi hơn. Diện tích nông nghiệp toàn tỉnh 130.000 ha. Cánh đồng lúa Tuy Hòa chiếm 25.000 ha. Ngư nghiệp là tỉnh có sản lượng cá hàng năm từ 8 đến 10 vạn tấn. Lâm nghiệp có trữ lượng gỗ tương đối lớn. Nhiều loại gỗ quý có khoảng 10 triệu mét khối. Khoáng sản có cát làm thủy tinh... Ngoài ra có nhiều đồng cỏ có thể phát triển chăn nuôi đàn gia súc với quy mô lớn. Nghề làm muối có gần 800 ha (đã khai thác 195 ha) giao thông đường bộ, đường sắt, đường biển, đường không khá thuận lợi. Hai cảng biển là Nha Trang, Cam Ranh. Về văn hóa số người có học chiếm tỷ lệ gần 1/3 dân số trong đó có 8 vạn học sinh cấp 2; 4 vạn học sinh cấp 3. sinh viên và trí thức có 2.650 người. Có một lực lượng cán bộ và công nhân kỹ thuật của chế độ cũ được bố trí sử dụng lại.*

*Đội ngũ cán bộ, đảng viên của một tỉnh hợp nhất đã có quá trình chiến đấu gian khổ hy sinh.*

---

<sup>(1)</sup> Theo báo cáo tháng 10/1975 của Tỉnh ủy Phú Yên.

*Trước đây, tuy ở xa sự chỉ đạo và chi viện của Trung ương, của khu ủy khu V, nhưng toàn Đảng bộ, quân và dân hai tỉnh đã khắc phục và vượt qua mọi khó khăn thử thách, đoàn kết nhất trí, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp chung của dân tộc trong hai cuộc kháng chiến lâu dài và cuối cùng đi đến thắng lợi hoàn toàn, bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước thống nhất.*

*Với tiềm lực toàn diện ấy là điều kiện thuận lợi để tiến hành công cuộc xây dựng tỉnh Phú Khánh, thành một tỉnh có nền kinh tế nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ phát triển”<sup>6[6]</sup>.*

Để chuẩn bị việc hợp nhất tỉnh mới Phú Khánh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên chuẩn bị một bản báo cáo tổng quát tình hình các mặt về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh phục vụ cho buổi bàn giao giữa lãnh đạo hai tỉnh.

Ngày 10-11-1975, buổi làm việc về việc hợp nhất tỉnh, bàn giao hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa cho tỉnh Phú Khánh được tiến hành tại Nha Trang, có sự tham dự của đồng chí Nguyễn Xuân Hữu, ủy viên Ban Thường vụ khu ủy khu 5. Đại diện lãnh đạo tỉnh Phú Yên có đồng chí Nguyễn Duy Luân, Bí thư tỉnh ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh và đồng chí Trần Văn Thu, Thư ký Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh. Đại diện lãnh đạo tỉnh Khánh Hòa có đồng chí Mai Dương, Bí thư Tỉnh ủy và đồng chí Lê Tụng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh<sup>7[7]</sup>.

Theo sự chỉ đạo của Ban Bí Thư Trung ương Đảng, Ban chấp hành lâm thời của Đảng bộ Phú Khánh gồm các thành viên của Ban chấp hành Đảng bộ Phú Yên và của Ban chấp hành Đảng bộ Khánh Hòa hợp nhất lại. Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh Phú Khánh do đồng chí Nguyễn Xuân Hữu, ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy khu V làm Bí thư Tỉnh ủy<sup>8[8]</sup>.

Sau Hội nghị hợp nhất về mặt Nhà nước giữa hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa ngày 29-10-1975, Ủy ban nhân dân cách mạng Khu Trung Trung Bộ ra quyết định thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Phú Khánh, do đồng chí Mai Dương làm Chủ tịch.

Hợp nhất tỉnh Phú Yên với tỉnh Khánh Hòa là một nhiệm vụ mới, phát sinh nhiều vấn đề về tư tưởng, tổ chức và một số vấn đề khác. Toàn bộ các cơ quan quân, dân, chính, đảng cấp tỉnh đều phải chuyển về Nha Trang để sớm ổn định tổ chức quản lý và điều hành theo cơ chế của một Tỉnh mới như quyết định của Trung ương Đảng và Chính Phủ..

Tuy công việc mới mẻ, bộn bề, tình hình chung về tư tưởng, tổ chức, cũng như các sinh hoạt khác của các gia đình cán bộ công chức ở Phú Yên có những phát sinh phức tạp song nhờ có sự lãnh đạo và chỉ đạo kịp thời của Ban chấp hành Đảng bộ lâm thời tỉnh Phú Khánh nên về cơ bản ổn định được tình hình kinh tế và đời sống của gia đình viên chức cũng như trong nhân dân, tiếp tục đưa sự nghiệp xây dựng tỉnh Phú Khánh, ngày càng phát triển.

---

<sup>6[6]</sup> Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ I.

<sup>7[7]</sup> Tụm liÖu do ©ång chÝ NguyÔn Duy Lu©n, nguyªn UVTW §¶ng, nguyªn BÝ th TÕnh uê cung cËp.

<sup>8[8]</sup> Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh các khoá được đưa vào phần phụ lục.

## CHƯƠNG II

### ĐẢNG BỘ PHÚ KHÁNH LÃNH ĐẠO CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (11/1975 – 6/1989)

#### I. LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (11/1975 - 1980).

Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Khánh họp từ ngày 20/10 - 3/11/1975 đã đề ra phương hướng và nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới: *"Phát huy thắng lợi sự nghiệp giải phóng miền Nam, nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, động viên một cao trào cách mạng sôi nổi của quần chúng, trấn áp bọn phản cách mạng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội. Ra sức xây dựng và củng cố hệ thống chuyên chính cách mạng nhất là ở cơ sở, tăng cường đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh và khôi phục kinh tế toàn diện, giữ vững và cải thiện đời sống nhân dân, trước mắt tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, khôi phục và phát triển các ngành nghề thủ công, công nghiệp chế biến và các cơ sở công nghiệp sẵn có, tích cực giải quyết nạn thất nghiệp, quét sạch tàn dư về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội nô dịch và phân động, xây dựng văn hoá xã hội lành mạnh, hoàn thành những việc còn lại của nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ, tạo điều kiện cải tạo và xây dựng cách mạng xã hội chủ nghĩa, tiến hành 3 cuộc cách mạng, tăng cường xây dựng Đảng đủ sức thực hiện nhiệm vụ mới."* Trong đó, *"nhiệm vụ trung tâm là ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, giữ vững và cải thiện đời sống nhân dân"*.

Bước vào công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội, Phú Khánh được đồng chí Lê Duẩn - Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng về thăm và làm việc trong hai ngày 29 và 30/3/1976. Sau khi nghe đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ báo cáo tình hình, đồng chí Lê Duẩn đã có những ý kiến chỉ đạo quan trọng, góp phần nâng cao nhận thức và chỉ rõ công tác của Đảng bộ trong giai đoạn mới. Đồng chí đã vạch ra cho Đảng bộ phương hướng suy nghĩ và công tác nhằm thực hiện một cách sáng tạo và đạt hiệu quả cao đường lối cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội vào hoàn cảnh của địa phương.

Ngày 25/4/1976, cử tri cả nước nô nức thực hiện quyền công dân đi bầu cử Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất "biểu thị hùng hồn ý chí của toàn dân ta đối với việc xây dựng một nước Việt Nam độc lập thống nhất và xã hội chủ nghĩa"<sup>1</sup>. Ngày 2/7/1976, tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá VI đã quyết định lấy tên nước là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong không khí hết sức phấn khởi khi miền Nam được giải phóng, Tổ quốc được thống nhất, Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh bắt tay vào sự nghiệp khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, hàn gắn vết thương chiến tranh. Bằng nhiều chủ trương và biện pháp tích cực, cụ thể phù hợp với tình hình địa phương và sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, sau hơn một năm Phú Khánh đã giành được những thắng lợi bước đầu hết sức quan trọng trên các lĩnh vực.

Tháng 11-1975, Tỉnh uỷ Phú Khánh ra Nghị quyết đặt vấn đề phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ

<sup>1</sup> Báo cáo chính trị của BCH TW Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Nxb Sự thật, HN 1977, tr.41-42.

hàng đầu của toàn Đảng bộ. Tỉnh uỷ tập trung lãnh đạo đẩy mạnh phong trào làm thuỷ lợi, thâm canh, tăng vụ, khai hoang, phục hoá mở rộng diện tích, kết hợp với dân dân ở thành thị, tăng cường chỉ đạo các vùng trọng điểm lúa. Đến cuối năm 1976, các huyện, thị trên địa bàn Bắc Phú Khánh khai hoang được 3.619 héc ta, đưa diện tích gieo trồng lên hơn 50 ngàn ha, riêng diện tích gieo trồng lúa đạt 46.365 ha, thu hút thêm vào sản xuất nông nghiệp hàng chục ngàn lao động. Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 139.469 tấn. Thắng lợi trên lĩnh vực sản xuất lương thực, đã vượt qua khó khăn về lương thực, không để xảy ra nạn đói, góp phần quan trọng làm cho tình hình các mặt trong tỉnh ổn định, đời sống nhân dân một số vùng được cải thiện hơn trước. Bên cạnh việc khôi phục và phát triển nông nghiệp, các cấp uỷ Đảng và chính quyền đã phát động quần chúng, hoàn thành sớm cải cách ruộng đất. Tính đến tháng 9 năm 1976, về cơ bản giai cấp địa chủ bị xoá bỏ, các hình thức bóc lột phong kiến bị thủ tiêu, tịch thu ruộng đất ruộng đất chia cho các hộ nông dân không có ruộng hoặc thiếu ruộng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đưa nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể.

Đối với sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, đến cuối năm 1976 phần lớn các cơ sở cũ được khôi phục đi vào hoạt động, sản xuất được một số mặt hàng như: công cụ cầm tay và cải tiến, máy tuốt lúa, máy ép mía, thái sắn, sơ chế bông, ván sắn, gỗ xẻ... phục vụ cho sản xuất và đời sống, giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động ở thị xã; Về điện, xây dựng công trình mới ở Hoà Xuân và tổ chức một số cụm điện mới ở Tây Sơn. Cũng trong thời gian này, ở khu vực thành thị, tư sản mại bản về cơ bản bị xoá bỏ, tất cả tài sản được quốc hữu hoá phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Hoạt động giao thông vận tải và bưu điện có nhiều chuyển biến: vận chuyển hàng hoá đạt 83% kế hoạch, vận chuyển hành khách tăng gấp đôi năm 1975, làm mới nhiều tuyến đường phục vụ các vùng kinh tế mới, nối liền các huyện miền núi và đồng bằng, tạo điều kiện giao lưu kinh tế giữa các vùng, góp phần cải thiện đời sống đồng bào một số vùng miền núi. Những yêu cầu về thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo của Đảng và chính quyền, yêu cầu về báo chí và thư tín của nhân dân được giải quyết tốt hơn.

Là cầu nối giữa sản xuất và đời sống, ngành thương nghiệp đã cố gắng tổ chức nắm nguồn hàng, thu mua, trao đổi hàng hoá phục vụ nhân dân. Năm 1976, thu mua lương thực đạt 83% kế hoạch, tăng 4,5 lần so với năm 1975. Cửa hàng mậu dịch có tăng lên, mạng lưới Hợp tác xã mua bán phát triển tương đối rộng. Thu ngân sách đạt 97,6% kế hoạch, quản lý thu chi ngân sách và công tác ngân hàng có tiến bộ. Ngành vật tư có nhiều cố gắng khai thác, thu hồi các loại vật tư phế thải, tiếp nhận tốt các loại vật tư do Trung ương chi viện, kịp thời phục vụ sản xuất, công tác quản lý vật tư đi dần vào nề nếp. Tuy nhiên, lưu thông phân phối vẫn còn là khâu yếu trong nền kinh tế của tỉnh, thu tài chính còn nhiều vấn đề vướng mắc về chính sách chưa được giải quyết kịp thời.

Bên cạnh việc chăm lo khôi phục và phát triển sản xuất, đảm bảo những nhu cầu vật chất tối thiểu cho nhân dân, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh cũng rất quan tâm đến công tác giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội nên đã đạt được một số thành tựu. Hệ thống giáo dục phổ thông được mở rộng thêm, hệ mẫu giáo phát triển, công tác xoá nạn mù chữ được nhân dân hưởng ứng. Tính đến cuối năm 1976, tất cả các huyện và một số lớn xã đã có trường bổ túc văn hoá. Trong năm học 1976 -1977, trên địa bàn Bắc Phú

Khánh có 98 trường phổ thông các cấp<sup>9[9]</sup>, với 2.147 giáo viên và 94.759 học sinh các cấp.

Mạng lưới y tế có bước phát triển, năm 1976, trên địa bàn Bắc Phú Khánh có 62 cơ sở khám chữa bệnh với 864 giường bệnh, kịp thời dập tắt các bệnh dịch, tổ chức phun thuốc diệt muỗi ở các xã miền núi và các vùng kinh tế mới. Các hoạt động thông tin văn hoá cũng phát triển thêm một bước, tập trung tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng đến với nhân dân; hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao diễn ra sôi nổi nhất là ở thị xã, thị trấn, giải quyết một bước ảnh hưởng văn hoá nô dịch, đòi hỏi của chế độ cũ để lại, bước đầu tạo nếp sống mới vui tươi lành mạnh trong nhân dân.

An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong tỉnh được giữ vững và ngày càng ổn định. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các lực lượng an ninh, chính trị, vũ trang liên tục truy quét địch, đối phó có hiệu quả với âm mưu, hoạt động của bọn phản cách mạng hiện hành. Phá hàng chục tổ chức chính trị phản động có vũ trang mới nhen nhóm, bắt một số tên cầm đầu các ổ vũ trang phản cách mạng. Đi đôi với truy quét địch, đã tổ chức giáo dục, cải tạo có kết quả hàng vạn nguỵ quân, nguỵ quyền. Chính vì thế, đến cuối năm 1976 môi trường chính trị, xã hội của tỉnh được trong lành hơn rất nhiều so với trước.

Sau hơn một năm phấn đấu khắc phục khó khăn, Đảng bộ Phú Khánh đã giành được những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, nhất là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, thu được kết quả bước đầu trong việc tự lực giải quyết vấn đề lương thực, đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Mặc dù vậy, so với khả năng và tiềm lực các mặt của tỉnh thì những kết quả đạt được còn rất hạn chế, bước phát triển của phong trào nhìn chung còn chậm, có mặt quá chậm, chưa phát động được phong trào cách mạng của quần chúng với khí thế thật sôi nổi trong toàn tỉnh với tinh thần làm chủ tập thể, đi vào sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Hội nghị Tỉnh uỷ Phú Khánh lần thứ 3 (8 - 1976) nhận định: "*Thực tiễn cải tạo Xã hội chủ nghĩa và xây dựng Chủ nghĩa xã hội trong hơn một năm qua cho thấy những khả năng mới, những chỗ mạnh cần phát huy, những chỗ yếu cần được khắc phục để đưa tỉnh nhà mau chóng bắt kịp và đồng nhất trong Chủ nghĩa xã hội với các tỉnh miền Bắc, nhất là về kinh tế*". Cũng tại Hội nghị này, Tỉnh uỷ ra Nghị quyết nhập các huyện theo chủ trương chung của Trung ương. Theo đó, trên địa bàn Phú Yên, huyện Sơn Hoà và Miền Tây nhập lại thành huyện Tây Sơn do đồng chí Văn Công, Tỉnh uỷ viên làm Bí thư; huyện Đồng Xuân, Tuy An và Sông Cầu nhập lại thành huyện Xuân An do đồng chí Bùi Tân, Uỷ viên Thường vụ Tỉnh uỷ làm Bí thư; Huyện Tuy Hoà và thị xã Tuy Hoà nhập lại thành huyện Tuy Hoà do đồng chí Công Minh, Tỉnh uỷ viên làm Bí thư Huyện uỷ.

Để chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng, Đại hội đại biểu Đảng bộ Phú Khánh lần thứ nhất (vòng 1) được tiến hành tại thành phố Nha Trang, từ ngày 11 đến ngày 17/11/1976. Tham dự Đại hội có 223 đại biểu chính thức, thay mặt cho trên 1 vạn đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đã nghiên cứu dự thảo báo cáo về Điều lệ Đảng (sửa đổi) và bầu đại biểu đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng.

Ngày 20/12/1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng tổ chức trọng thể tại Thủ đô Hà Nội. Dự Đại hội có 1.008 đại biểu thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trong toàn quốc. Đây là Đại hội thống nhất Tổ quốc và đưa cả nước đi lên Chủ nghĩa xã hội. Trên cơ sở phân tích đặc điểm tình hình đất

<sup>9[9]</sup> Gồm 4 trường cấp III (riêng huyện Tây Sơn chưa có), 26 trường cấp II và 68 trường cấp I

nước, Đại hội xác định đường lối chung của cách mạng Xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta là: *"Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học-kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học-kỹ thuật là then chốt, đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội, xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội"*. Đại hội quyết định một số vấn đề về phương hướng, nhiệm vụ, chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1976 - 1980 nhằm hai mục tiêu vừa cơ bản, vừa cấp bách là bảo đảm nhu cầu đời sống nhân dân, đồng thời tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của Chủ nghĩa xã hội. Đại hội quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng cộng sản Việt Nam, đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đại hội IV là đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn của Đảng ta sau khi đất nước thống nhất, có tác động mạnh mẽ đến mọi mặt đời sống chính trị, tư tưởng và kinh tế - xã hội của đất nước nói chung, của Đảng bộ và nhân dân Phú Khánh nói riêng.

Sau Đại hội, Tỉnh uỷ chỉ đạo toàn Đảng bộ tập trung lãnh đạo, tổ chức nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội IV của Đảng. Qua đợt sinh hoạt chính trị, trình độ nhận thức về cách mạng Xã hội chủ nghĩa trong Đảng bộ và nhân dân được nâng lên, củng cố sự nhất trí, tin tưởng vào đường lối cách mạng của Đảng. Tư tưởng của Đại hội IV cùng với thực tiễn sinh động của tỉnh là cơ sở quan trọng để Đảng bộ Phú Khánh vận dụng, xây dựng các văn kiện chuẩn bị Đại hội lần thứ nhất của Đảng bộ (vòng 2), đưa tỉnh nhà bước vào giai đoạn phát triển mới.

Dưới ánh sáng các Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV, Đại hội đại biểu Đảng bộ Phú Khánh lần thứ nhất (vòng 2), họp từ ngày 21 đến ngày 26/3/1977, tại thành phố Nha Trang. Trên cơ sở phân tích một cách sâu sắc tình hình mọi mặt của tỉnh, nhận rõ những thuận lợi và khó khăn, đánh giá các thành tích và khuyết điểm, Đại hội khẳng định những khả năng to lớn của tỉnh về 3 thế mạnh, có điều kiện để giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, phát triển nghề biển, nghề rừng, sản xuất các mặt hàng tiêu dùng cần thiết cho đời sống và xuất khẩu.

Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ chung và các mục tiêu lớn của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) và đề ra nhiệm vụ của Đảng bộ tỉnh trong hai năm 1977 - 1978 là: *"Nắm vững chuyên chính vô sản, ra sức xây dựng, kiện toàn hệ thống chuyên chính vô sản từ tỉnh đến cơ sở; thực hiện và không ngừng phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; quán triệt nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ là công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, khẩn trương thực hiện cải tạo Xã hội chủ nghĩa và xây dựng Chủ nghĩa xã hội, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng, tổ chức lại sản xuất, phân bố lại lao động, giải quyết thất nghiệp, sắp xếp lại ngành nghề; xây dựng và mở rộng các cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho Chủ nghĩa xã hội, hình thành từng bước cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp, từng bước xây*

*dựng huyện thị thành đơn vị kinh tế nông - công nghiệp, hay nông - công - ngư nghiệp ở đồng bằng, nông - lâm - công nghiệp ở miền núi theo hướng tiến lên sản xuất lớn Xã hội chủ nghĩa. Tăng cường quản lý kinh tế, đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và xuất khẩu, ổn định thị trường và giá cả, phát triển công tác văn hoá, y tế, giáo dục, xây dựng các cơ sở phúc lợi; cải thiện từng bước đời sống nhân dân; luôn luôn đề cao cảnh giác, xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh, sẵn sàng đập tan mọi hành động phá hoại của kẻ địch, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội; ra sức phấn đấu xây dựng Đảng, nhất là tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, đủ sức đáp ứng nhiệm vụ chính trị trước mắt và chuẩn bị đầy đủ cho kế hoạch các năm tiếp theo".*

Đại hội bầu Ban chấp hành mới của Đảng bộ gồm 37 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết, đồng chí Nguyễn Xuân Hữu được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Sau Đại hội, các huyện, thị trên địa bàn Bắc Phú Khánh đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, trong đó, trọng tâm là vấn đề sản xuất lương thực. Hai năm 1977 - 1978, sản xuất nông nghiệp gặp rất nhiều khó khăn về thời tiết: hạn hán kéo dài, bão lụt liên tiếp xảy ra, nạn sâu rầy phá hoại nghiêm trọng, vật tư cho trồng trọt và thức ăn cho chăn nuôi đều thiếu, gây khó khăn cho nông nghiệp, nhưng toàn dân, toàn quân trong tỉnh dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, ra sức phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách và giành được những thắng lợi hết sức quan trọng.

Ngày 3/6/1977, Thường vụ Tỉnh uỷ Phú Khánh ra Chỉ thị số 17-TV/CT về việc phát động quần chúng khai hoang mở rộng diện tích đã xác định: "*Khai hoang, mở rộng diện tích canh tác là vấn đề mấu chốt nhất, quyết định nhất để phát triển nông nghiệp, phát triển kinh tế ở tỉnh ta*". Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh uỷ, nhân dân trong tỉnh thi đua khai hoang, phục hoá, mở rộng diện tích, tính riêng trong năm 1978, trên địa bàn Bắc Phú Khánh, khai hoang được 4.252 ha, góp phần tăng diện tích gieo trồng lúa từ 46.365 héc ta năm 1976 lên 54.634 héc ta năm 1978. Năng suất lúa bình quân đạt 17,9 tạ/ha, riêng vùng trọng điểm lúa huyện Tuy Hoà có năng suất cao nhất toàn tỉnh, đạt 28,57 tạ/ha. Các loại cây hoa màu như sắn, bắp, khoai lang năng suất đều có sự tăng trưởng hơn trước. Sản lượng lương thực quy thóc tính theo đầu người đạt 283,5 kg/người/năm, đóng góp cho Nhà nước 26.994 tấn, tăng 4.544 tấn so với năm 1976. Ngoài ra, tỉnh còn trợ giúp đồng bào vùng bị bão lụt ở hai tỉnh Nghệ Tĩnh và Long An 500 tấn lúa giống. Mặc dù không đạt được năng suất, sản lượng cao như cây lương thực, nhưng các loại cây công nghiệp ngắn ngày như đậu, lạc, vừng, bông và nhất là cây mía có sự phát triển tương đối khá. Năm 1978, diện tích cây mía trên địa bàn Bắc Phú Khánh đạt 2.871 héc ta, năng suất bình quân đạt 412,6 tạ/ha. Chăn nuôi cũng phát triển thêm một bước, đưa đàn trâu tăng lên 1.866 con, đàn bò 74.528 con, đàn lợn 74.190 con... năm 1979.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác thuỷ lợi trong sản xuất nông nghiệp, các huyện thị ra sức củng cố và phát huy các công trình thuỷ lợi đã có, tiến hành điều tra cơ bản, xây dựng mới thêm một số công trình, phát động phong trào làm thuỷ lợi nhỏ. Trong năm 1978, một số công trình thuỷ lợi căn bản hoàn thành như: trạm bơm Nam Bình (Tuy Hoà), trạm bơm Sơn Bình, Chí Thán xã Đức Bình (Tây Sơn) và hàng chục công trình thuỷ lợi nhỏ; tu sửa hệ thống đập Đông Cam (Tuy Hoà), đập Tam Giang (Xuân An), tăng diện tích tưới thêm cho hàng ngàn héc ta lúa. Tỉnh cũng áp dụng tiến bộ khoa học kỹ

thuật trong lai tạo, nhân giống mới để thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát động phong trào dùng phân hữu cơ để bón cho cây trồng, đi đầu trong phong trào này là Hợp tác xã Hoà Bình của huyện Tuy Hoà.

Đi đôi với phát triển sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ chú ý chỉ đạo giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, tạo thuận lợi để tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Phú Khánh lần thứ I đã chỉ rõ: "*Phải khẩn trương tiến hành cải tạo quan hệ sản xuất, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại sản xuất, nhằm nhanh chóng xoá bỏ chế độ người bóc lột người, thúc đẩy sản xuất phát triển, đưa sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, cải thiện đời sống nhân dân, tích lũy cho Nhà nước*".

Để triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ, Chỉ thị số 27- TU/CT (1/8/1977) của Tỉnh uỷ quyết định: "*Tiến hành đợt 1 thí điểm cuộc vận động cải tạo quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất, lấy xã Hoà Bình và huyện Tuy Hoà làm nơi thí điểm của tỉnh*". Được sự quan tâm của Tỉnh uỷ và sự giúp đỡ nhiệt tình của đoàn cán bộ Nghệ Tĩnh, đến cuối tháng 11/1977, Hợp tác xã Hoà Bình có 99,40% số hộ nông dân tham gia cùng với tư liệu sản xuất và không có hộ nào xin ra khỏi Hợp tác xã. Thành công bước đầu của Hợp tác xã Hoà Bình và một số Hợp tác xã làm thử ở các huyện đã có những đóng góp về kinh nghiệm cho cuộc vận động hợp tác hoá toàn tỉnh lúc bấy giờ.

Thực hiện Chỉ thị số 43 của Bộ chính trị "*Về việc nắm vững và đẩy mạnh công tác cải tạo nông nghiệp ở miền Nam*" (14/4/1978), tỉnh tiếp tục phát huy những thành quả đã đạt được, đẩy mạnh phong trào làm ăn tập thể lên một bước. Năm 1978, toàn tỉnh xây dựng được 63 Hợp tác xã và trên 170 Tập đoàn sản xuất, thu hút hơn 90% hộ nông dân tham gia. Các huyện Tuy Hoà, Đồng Xuân, Tuy An, Tây Sơn căn bản hoàn thành tổ chức tập đoàn sản xuất. Để nhanh chóng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, Tỉnh uỷ Phú Khánh chủ trương: "*Tập trung sức đẩy mạnh xây dựng Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, đưa lên thành cao trào, cơ bản hoàn thành hợp tác hoá trong năm 1979*". Tính đến tháng 10-1979, toàn tỉnh thu hút được 90% hộ nông dân vào trên 200 Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và trên 200 Tập đoàn sản xuất, tập thể hoá 85% ruộng đất và trâu bò, các huyện Tuy Hoà, Tuy An, và thị xã Tuy Hoà xây dựng xong các Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp. Kinh tế Hợp tác xã tỏ rõ tính ưu việt trong việc huy động lực lượng lao động giải quyết các yêu cầu về thủy lợi, thâm canh, mở rộng diện tích, khai hoang, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, mở rộng ngành nghề, phân công lại lao động, nhất là đối với trung nông ít ruộng và người không có ruộng. Các Hợp tác xã miền núi thực sự phát huy tác dụng trong việc từng bước làm thay đổi bộ mặt cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Đi đôi với cải tạo nông nghiệp, tỉnh tiến hành có kết quả việc phân bố lại lao động và đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới. Trong hai năm 1978 - 1979, các huyện, thị ở Bắc Phú Khánh đã đưa được 918 hộ gia đình, với 4.300 nhân khẩu đi xây dựng vùng kinh tế mới.

Kết quả bước đầu về cải tạo nông nghiệp và sản xuất nông nghiệp trong hơn hai năm (3/1977-10/1979) có ý nghĩa quan trọng, tạo cơ sở bước đầu cho phát triển công nghiệp và các hoạt động khác. Tuy vậy, trong sản xuất nông nghiệp và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp còn nhiều hạn chế: năng suất bình quân cả năm tăng chậm, tổng sản lượng lương thực còn thấp, chưa có lương thực dự trữ.



Phục hoá, khai hoang, thâm canh tăng vụ chưa coi trọng đúng mức. Chăn nuôi phát triển chậm, chưa cân đối giữa chăn nuôi với trồng trọt. Trong công tác thuỷ lợi, còn xem nhẹ thuỷ lợi nhỏ, chưa kết hợp chặt chẽ giữa thuỷ lợi hoá với hợp tác hoá... Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, có một số Hợp tác xã bắt ép quần chúng tham gia và xuất hiện một số mặt tiêu cực như tham ô, ức hiếp quần chúng. Trình độ quản lý, cơ sở vật chất kỹ thuật trong các hợp tác xã còn thấp kém.

Về nghề cá, ngư dân được tổ chức lại, đấu tranh xoá bỏ bóc lột của tư sản nậu, vừa, thành lập các tổ hợp tác và tập đoàn đánh cá; lập đội tàu quốc doanh đánh tôm, cá, xây dựng hệ thống bến cá, bước đầu quy hoạch và tổ chức lại việc nuôi trồng thuỷ sản ở các đầm, đìa lớn như đầm Ô Loan, vận động nhân dân nuôi cá đầm, đìa nước mặn, nước lợ, nước ngọt... phát động phong trào làm "ao cá Bác Hồ". Mỗi năm, các huyện, thị trên địa bàn Bắc Phú Khánh đánh bắt được hơn 2 vạn tấn cá, tôm, thu mua hàng ngàn tấn hải sản, riêng năm 1978 thu mua tăng lên gấp 2,5 lần so với năm 1977. Bên cạnh đó, hàng năm còn chế biến được gần 3 triệu lít nước mắm, sản xuất được khoảng 2,5 vạn tấn muối. Nhưng công tác đánh bắt hải sản giảm sút, riêng năm 1978 giảm gần 1 vạn tấn so với năm 1976, chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của tỉnh.

Nghề rừng đã được quy hoạch lại, có kế hoạch bảo vệ rừng, trồng rừng. Các lực lượng khai thác tư nhân được cải tạo, chuyển thành tổ chức sản xuất theo kế hoạch Nhà nước. Bộ máy tổ chức lâm nghiệp với một đội ngũ cán bộ, công nhân và hệ thống cơ sở vật chất bao gồm các lâm trường, vườn ươm, xưởng chế biến, trạm cung ứng lâm sản bước đầu được xây dựng. Tuy nhiên, công tác quản lý, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh trên đất đồi rừng của tỉnh trong thời gian này còn hạn chế như chưa lập được quy hoạch trồng rừng theo hướng sản xuất lớn Xã hội chủ nghĩa, còn xem nhẹ việc tổ chức nhân dân trồng rừng và bảo vệ rừng. Khai thác gỗ chưa bảo đảm được nhu cầu xây dựng của Nhà nước và nhân dân. Nạn chặt phá rừng, đốt rừng chưa ngăn chặn được.

Cũng như nông nghiệp, sản xuất công nghiệp gặp nhiều khó khăn như điện không đủ, vật tư cung ứng không đồng bộ, kịp thời; máy móc, thiết bị cũ kỹ, không có phụ tùng thay thế; xăng dầu, phương tiện vận chuyển thiếu; lao động có trình độ kỹ thuật, tay nghề không cao, nên sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp tăng trưởng chậm, không đủ sản phẩm cung cấp cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Mặc dù vậy, trong hơn hai năm (1977 - 1979), toàn tỉnh khôi phục và xây dựng được 37 cơ sở quốc doanh, trên 3.000 cơ sở tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, giải quyết công ăn việc làm cho gần hai vạn lao động. Bước đầu hình thành mạng lưới cơ khí ở tỉnh, huyện, xã, các huyện đều có cơ sở cơ khí có trình độ trùng tu, đã sản xuất và cung ứng được phần lớn nông cụ cầm tay, sản xuất công cụ cải tiến và sửa chữa máy móc nông nghiệp, giao thông vận tải, tàu thuyền. Khôi phục, mở rộng và xây dựng mới các cơ sở gia công, chế biến các mặt hàng bằng nguyên liệu địa phương như đồ gỗ, giấy, dệt, thuỷ tinh, đường, nước đá, nước ngọt, xà phòng, thuốc chữa bệnh, vật liệu xây dựng, hạn chế được một phần tình trạng khó khăn về thiếu hàng tiêu dùng cho nhân dân.

Hoạt động giao thông vận tải và xây dựng cơ bản được đầu tư, mở rộng. Về giao thông vận tải, xây dựng mới các tuyến đường nối liền đồng bằng với miền núi và vùng kinh tế mới, tạo được hệ thống các trục đường chính từ tỉnh về địa phương và nhiều đường về các xã, thôn. Tổ chức lại và xây dựng được hai công ty quốc doanh vận chuyển hàng hoá và hành khách, cùng với các cơ sở công tư hợp

doanh và hợp tác xã hình thành mạng lưới vận tải, kết hợp cơ giới với thô sơ, bảo đảm nhu cầu vận chuyển của tỉnh. Công tác xây dựng cơ bản tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng như nhà máy, xí nghiệp, các cơ quan, trường học, bệnh viện, nhà ở cho cán bộ công nhân viên...; Ngành sản xuất vật liệu xây dựng phát triển khá tốt, tăng gấp đôi so với năm 1976. Nhiều hợp tác xã có cơ sở gạch ngói, tiêu biểu là hợp tác xã Hoà Bình, mỗi năm sản xuất được khoảng 3 triệu viên gạch, ngói, đáp ứng được nhu cầu tối thiểu về xây dựng của Nhà nước và nhân dân.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng bộ và nhân dân trong giai đoạn cách mạng mới. Đây là một cuộc đấu tranh giai cấp nhằm xoá bỏ bóc lột của giai cấp tư sản, xoá bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Đầu năm 1977, lực lượng và hoạt động của tư doanh bao gồm cả công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp và thương nghiệp tư doanh các loại, chiếm trên 90% lực lượng và hoạt động của công, thương nghiệp nói chung toàn tỉnh. Các thành phần này tập trung chủ yếu ở thị xã và các thị trấn lớn, hoạt động không có tổ chức, chuyên đầu cơ, gây rối loạn giá cả thị trường ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống của nhân dân và trật tự an ninh. Trước tình hình đó, ngày 20/4/1977, Tỉnh uỷ Phú Khánh ra Nghị quyết xác định: "*Trong hai năm 1977-1978 hoàn thành về cơ bản nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công, thương nghiệp tư bản tư doanh, trước hết là xoá bỏ thương nghiệp tư bản chủ nghĩa; đồng thời tổ chức lại các ngành, nghề quan trọng trong tiểu công nghiệp, sắp xếp và chuyển phần lớn tiểu thương sang sản xuất*". Trong năm 1977, tình hình cải tạo chuyển biến chậm, chỉ mới cải tạo được bước 1 trong lĩnh vực giao thông vận tải và hoàn thành cơ bản cải tạo khách sạn, quán trọ. Năm 1978, về căn bản đã xoá bỏ tư sản thương nghiệp, chuyển phần lớn hộ tư sản trung và tiểu thương sang sản xuất, xây dựng các cơ sở mậu dịch quốc doanh, hợp tác xã mua bán và tiêu thụ. Xoá bỏ hoàn toàn các hiệu thuốc tư nhân. Ngoài ra, các ngành văn hoá, giao thông vận tải, nhà đất đều được cải tạo bước đầu bằng các hình thức quốc doanh và công tư hợp doanh. Đến tháng 10 - 1979, toàn tỉnh chuyển 1.000 trong tổng số 12.000 hộ thương nghiệp sang sản xuất, tuyển dụng lại 3.100 chủ, thợ, sắp xếp và tổ chức lại 1.654 đơn vị sản xuất. Hình thành mạng lưới kinh tế - kỹ thuật bao gồm các cơ sở công nghiệp cơ khí, Hợp tác xã cơ khí, tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông vận tải từ tỉnh đến cơ sở...

Qua hơn 2 năm tiến hành cải tạo, tổ chức lại một bước các thành phần kinh tế cá thể. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động trở thành những người chủ tập thể. Tuy vậy, trong cải tạo công thương nghiệp tư doanh do chưa chuẩn bị được đầy đủ các yếu tố nhất là đội ngũ cán bộ quản lý, chưa kết hợp chặt chẽ giữa cải tạo với xây dựng, xây dựng là chủ yếu, vận dụng các chính sách kinh tế trong thời kỳ quá độ chưa tốt, nóng vội, chủ quan, đi ngược lại chủ trương của Hội nghị Trung ương lần thứ 24 (khoá III), tháng 9 - 1975: "*Trong một thời gian nhất định ở miền Nam còn nhiều thành phần kinh tế: kinh tế quốc doanh xã hội chủ nghĩa, kinh tế hợp doanh nửa xã hội chủ nghĩa, kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư doanh; cần ra sức sử dụng mọi khả năng lao động, kỹ thuật tiên tiến, kinh nghiệm quản lý để đẩy mạnh sản xuất*"<sup>(1)</sup>. Do đó, sau cải tạo một số cơ sở sản xuất không phát triển hoặc phát triển chậm, ảnh hưởng

---

<sup>(1)</sup> Đảng cộng sản Việt Nam. *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của BCHTW Đảng về nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới*, tr.22-23.

không tốt đến sự phát triển của các lĩnh vực khác.

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế, công tác lưu thông phân phối không ngừng phát triển. Mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa được xây dựng bao gồm hệ thống các cửa hàng quốc doanh, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tiêu thụ, cửa hàng thu mua và phân phối lương thực, thực phẩm, cung ứng vật tư từ tỉnh đến cơ sở. Nhờ đó, hạn chế được nạn đầu cơ của tầng lớp tư thương, Nhà nước nắm được nguồn hàng địa phương để phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống nhân dân và xuất khẩu. Nhưng công tác lưu thông phân phối còn nhiều nhược điểm: thị trường có tổ chức mới chiếm 35% thị trường xã hội. Hoạt động của các hợp tác xã mua bán quá yếu, thiếu chủ động tạo nguồn hàng và nắm nguồn hàng địa phương; phương thức phân phối hàng chưa hợp lý, hiện tượng tham ô, móc ngoặc, ăn cắp và buôn bán hàng cung cấp của Nhà nước như xăng, dầu, phân bón... vẫn còn diễn ra.

Để tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất hàng hoá phát triển, tháng 8/1979, Chính phủ ban hành quyết định bãi bỏ các trạm kiểm soát mang tính "ngăn sông, cấm chợ" cho phép lưu thông hàng hoá. Quyết định đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu hàng hoá giữa các địa phương trong tỉnh và các tỉnh, thành khác trong cả nước, thúc đẩy ngành thương nghiệp phát triển.

Hoạt động xuất khẩu hình thành được một số mặt hàng có giá trị là tôm, mực, cá đông lạnh và gỗ ván sàn. Đồng thời phát triển được một số mặt hàng mới sản xuất từ nguyên liệu địa phương. Giá trị hàng xuất khẩu mỗi năm tăng lên từ 50% đến 60%. Tuy nhiên, so với tiềm năng của tỉnh thì xuất khẩu chưa đạt yêu cầu.

Các ngành tài chính, ngân hàng có những cố gắng phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, nhưng vẫn chưa làm chủ được nguồn vốn, chưa quản lý tốt vốn trong xây dựng cơ bản, trong sử dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài sản cố định và khả năng lao động, do đó chưa thúc đẩy được sản xuất, mở rộng phân công lao động, tăng năng suất lao động và tăng thu nhập quốc dân. Hoạt động ngân hàng, có sự đầu tư vốn dài hạn và ngắn hạn cho các ngành kinh tế, có tác động tích cực đến việc hình thành và củng cố các tổ chức kinh tế cấp huyện, góp phần giành thắng lợi lớn trong phong trào xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

Thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 1/4/1978 của Ban chấp hành Trung ương và Quyết định 87-QĐ/HĐBT ngày 25/4/1978 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thống nhất tiền tệ trong cả nước, từ ngày 2/5 đến ngày 10/5/1978, các huyện, thị trong tỉnh đã hoàn thành công tác thu, đổi tiền.

Sau một thời gian thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ về việc nhập huyện, tỉnh nhận thấy huyện quá rộng khó quản lý, không sát cơ sở, do đó, tỉnh đã kiến nghị Chính phủ cho chia tách các huyện Xuân An và Tuy Hoà. Ngày 22-9-1978, Hội đồng Chính phủ ra Quyết định 241/CP chia huyện Xuân An thành huyện Tuy An và Đông Xuân; chia huyện Tuy Hoà thành thị xã Tuy Hoà và huyện Tuy Hoà.

Tình hình đời sống nhân dân miền núi và vùng bị chiến tranh tàn phá trước đây ở tỉnh được cải thiện thêm một bước, nhà cửa được xây dựng lại, đời sống nhân dân ở nông thôn, đồng bằng và miền biển tương đối ổn định; ở thành thị, đã tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn người. Tuy nhiên, đời sống của nhân dân lao động, nhất là ở miền núi còn quá thấp, đời sống của cán bộ, công nhân viên ăn lương gặp rất nhiều khó khăn.

Nền văn hoá xã hội chủ nghĩa ra đời, loại bỏ một bước quan trọng ảnh hưởng văn hoá nô dịch thực dân mới của đế quốc Mỹ. Nạn mù chữ bị xoá bỏ, hệ thống nhà trường xã hội chủ nghĩa bao gồm giáo dục phổ thông, mẫu giáo, bổ túc văn hoá được xây dựng và mở rộng. Năm học 1978 - 1979, các huyện, thị trên địa bàn Bắc Phú Khánh có 96 trường phổ thông các cấp, với 118.938 học sinh. Tuy đất nước còn nhiều khó khăn, nhưng Đảng và Nhà nước đã thực hiện miễn học phí cho học sinh. Phong trào giáo dục ở miền núi thu được những thành tích lớn về thanh toán nạn mù chữ, bổ túc văn hoá cho cán bộ và nhân dân. Xây dựng được mạng lưới trường phổ thông ở khắp các buôn, xã, với một đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đông đảo, nhiệt tình phục vụ sự nghiệp giáo dục của Đảng.

Nền y tế xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển. Năm 1978, Bắc Phú Khánh có 68 cơ sở chữa bệnh với 1.123 giường. Cũng như giáo dục, Nhà nước thực hiện khám và chữa bệnh miễn phí cho nhân dân. Từ năm 1977 đến tháng 10- 1979, ngành y tế cứu chữa cho nhiều lượt người nghiện xì ke, ma tuý, gái mại dâm, biến đổi họ thành những người lao động chân chính, có ích cho xã hội; kịp thời dập tắt các dịch bệnh, từng bước hạn chế bệnh sốt rét; phát triển trồng cây thuốc nam và sản xuất thuốc nam để chữa bệnh cho nhân dân. Công tác y tế ở miền núi đạt nhiều tiến bộ. Hầu hết các xã đều có trạm xá và cán bộ y tế xã phụ trách. Phòng y tế huyện thường cử cán bộ đi sát cơ sở vận động quần chúng thực hiện nếp sống mới, làm hố xí hai ngăn, nhà tắm, đào giếng nước và làm chuồng gia súc xa nhà ở.

Công tác báo chí, thông tin, phát thanh, văn nghệ, thể dục thể thao phát triển góp phần đưa đường lối, chủ trương của Đảng, những kiến thức về khoa học kỹ thuật và tình hình thời sự đến với quần chúng nhân dân.

Quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động được xác lập và phát huy. Quần chúng nhân dân trong tỉnh ngày càng thấy rõ mình là người chủ của đất nước, thấy rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình đối với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Nhiều nơi trong tỉnh có phong trào cách mạng sôi nổi trên các lĩnh vực sản xuất, phục hoá, khai hoang, làm thủy lợi, thâm canh tăng vụ, đi xây dựng vùng kinh tế mới, làm nghĩa vụ quân sự... với quy mô hàng chục ngàn người tham gia. Những cánh đồng 6 - 7 tấn thóc trên 1 ha/năm, những vùng kinh tế mới được ổn định; những xã khai hoang trên 100 ha/năm, những công trình văn hoá mới, nhà trẻ, trường học... được xây dựng. Nhân dân trong tỉnh ngày càng ý thức được trách nhiệm của mình trong xây dựng chính quyền cách mạng. Qua các lần bầu cử Hội đồng nhân dân, cử tri hăng hái đi bỏ phiếu lựa chọn những người tiêu biểu thay mặt cho mình tham gia công tác quản lý Nhà nước.

Trong lúc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đang hăng hái thi đua cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội thì các thế lực thù địch cấu kết với chủ nghĩa đế quốc tiến hành các hoạt động khiêu khích, chống phá cách mạng nước ta, nhất là ở biên giới hai đầu đất nước. Tình hình chính trị và trật tự an toàn xã hội có lúc, có nơi diễn ra hết sức căng thẳng và phức tạp.

Ở Phú Khánh, bọn tình báo gián điệp quốc tế và bọn phản động trong nước hoạt động ráo riết, với đầu óc phục thù giai cấp rất quyết liệt. Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã tăng cường cảnh giác, kiên quyết đấu tranh trấn áp bọn phản cách mạng, kịp thời ngăn chặn và làm thất bại âm mưu phá hoại của địch, truy lùng và tiêu diệt các toán vũ trang phản cách mạng, phá các tổ chức chính trị phản động vừa nhen nhóm. Từ năm 1977 đến tháng 10 - 1979, có 12 tổ chức phản động như "Việt Nam Quốc dân

đảng", "Hội đồng nhân dân kháng chiến", "Đảng liên minh Việt Nam" ở huyện Tuy Hoà; "Quân lực Mặt trận quốc gia giải phóng" ở thị xã Tuy Hoà, "Mặt trận cứu nguy dân tộc" ở Tuy An, "Phi Long chiến" ở Tây Sơn, "Đệ tam cộng hoà" ở Đồng Xuân... bị xoá sổ. Ngoài ra, ta còn phát hiện, bắt giữ hàng trăm vụ vượt biên, đưa người trốn đi nước ngoài trái phép và các tổ chức phản động từ bên ngoài thâm nhập vào; an ninh kinh tế, trật tự xã hội và công tác bảo vệ Đảng được củng cố. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong tỉnh được giữ vững.

Công cuộc phòng thủ, bảo vệ Tổ quốc được tỉnh chú trọng. Hưởng ứng lời kêu gọi ngày 4/3/1979 của Ban chấp hành Trung ương Đảng và lệnh tổng động viên của Chủ tịch nước ngày 5/3/1979, tỉnh tiến hành một bước quân sự hoá toàn dân, thực hiện luyện tập quân sự trong các cơ quan, xí nghiệp, trường học... lực lượng vũ trang quần chúng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Bộ đội tỉnh, huyện được tăng cường về tổ chức, trang bị, triển khai bố trí theo yêu cầu phòng thủ và sẵn sàng chiến đấu, chất lượng chiến đấu và tinh thần sẵn sàng chiến đấu của quân đội được nâng lên.

Qua hơn hai năm (3/1977 - 10/1979) thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ I, tỉnh đã thu được những thành tựu rất quan trọng trên tất cả các lĩnh vực trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là tiền đề, cơ sở hết sức quan trọng để tỉnh tiếp tục phát huy trong năm 1980, năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) và trong giai đoạn cách mạng tiếp theo.

Từ ngày 12 đến ngày 19/10/1979, Đại hội đại biểu Đảng bộ Phú Khánh lần thứ II được triệu tập tại thành phố Nha Trang, dự Đại hội có 330 đại biểu chính thức, thay mặt cho 11.400 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội họp sau khi Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng kết thúc (9/1979) tổng kết tình hình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong 4 năm (1976-1979). Nghị quyết của Trung ương Đảng chỉ rõ nước ta vừa có hoà bình, vừa có thể xảy ra chiến tranh. Tình hình kinh tế và đời sống nhân dân đang có nhiều khó khăn. Đảng và Nhà nước ta phải có những chủ trương và biện pháp cấp bách, mạnh mẽ, kiên quyết, đem lại hiệu quả thiết thực, nhằm đẩy mạnh sản xuất, ổn định và bảo đảm đời sống nhân dân, khắc phục những mặt tiêu cực trong hoạt động kinh tế và xã hội, đồng thời ra sức củng cố quốc phòng, giữ vững trật tự an ninh, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Dưới ánh sáng Nghị quyết lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV), Đại hội nhận định: Trong hơn hai năm qua, Đảng bộ đã ra sức đoàn kết phấn đấu, lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, xoá bỏ chế độ người bóc lột người, cơ bản hoàn thành hợp tác hoá nông nghiệp, phân công lại một bước lực lượng lao động xã hội, bảo đảm yêu cầu tối thiểu đời sống của nhân dân, tạo được cơ sở bước đầu cho phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, xây dựng một số công trình kinh tế mới, phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, xây dựng và củng cố hệ thống chuyên chính vô sản, kịp thời phát hiện và đập tan các âm mưu và hành động phá hoại của bọn phản cách mạng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội.

Đại hội nhận định: Trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, từ tình trạng một nền sản xuất nhỏ là phổ biến tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, có những khuyết điểm thấy đã lâu nhưng sửa chữa chậm, nhất là trong quản lý kinh tế. Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp chưa thật tập

trung. Rừng và biển là hai thế mạnh của tỉnh nhưng chưa được đầu tư và phát triển đúng mức. Còn những biểu hiện giản đơn trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đối với nông nghiệp và công thương nghiệp. Vận dụng các chính sách kinh tế, tài chính có những mặt chưa khuyến khích sản xuất phát triển, trái lại đã làm cho người lao động thiếu hứng hái sản xuất, tình trạng ăn cắp, hối lộ, ức hiếp quần chúng xảy ra ở nhiều nơi chưa được sửa chữa kiên quyết và kịp thời.

Đại hội đã thông qua Nghị quyết về phương hướng và nhiệm vụ của Đảng bộ trong hai năm 1980 - 1981 là "*Tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV của Đảng và các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng trong tình hình mới, nhất là Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 6, động viên cao độ tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, truyền thống đoàn kết chống ngoại xâm, tinh thần tự lực, tự cường của toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân trong tỉnh, nắm vững chuyên chính vô sản, ra sức phát huy quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động, đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng, tăng nhanh tiềm lực kinh tế và quốc phòng, xây dựng hậu phương vững mạnh, luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu tốt, kiên quyết đập tan mọi âm mưu của địch hòng làm suy yếu, phá hoại và xâm lược nước ta; chăm lo tốt đời sống các mặt của nhân dân, tăng cường tổ chức quản lý kinh tế, quản lý xã hội...*" Nhiệm vụ quan trọng nhất của tỉnh là "*động viên cao độ và tổ chức toàn dân, toàn quân đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, nghề cá, nghề rừng, nhằm trước hết bảo đảm vững chắc lương thực, thực phẩm, đồng thời cung ứng nhiều nguyên liệu cho công nghiệp thực phẩm, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và tăng nhanh hàng xuất khẩu*".

Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 43 uỷ viên chính thức và 2 uỷ viên dự khuyết. Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu, uỷ viên Trung ương Đảng được bầu lại làm Bí thư tỉnh uỷ.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Phú Khánh, trên mặt trận nông nghiệp, Tỉnh uỷ chủ trương mở rộng diện tích canh tác, thâm canh, tăng vụ, trồng xen canh các loại hoa màu, chuẩn bị tốt các khâu làm đất, giống, phân, thuỷ lợi và đảm bảo kỹ thuật, đúng thời vụ. Trên tinh thần đó, nông dân các huyện, thị trên địa bàn Bắc Phú Khánh đẩy lên phong trào thi đua lao động sản xuất sôi nổi. Công cuộc khai hoang mở rộng diện tích được đẩy mạnh, gần 1.000 ha diện tích mới được đưa vào sử dụng, nâng tổng diện tích gieo trồng lên gần 69 nghìn ha, trong đó, diện tích gieo trồng lúa chiếm 54.173 ha (chiếm hơn 1 nửa diện tích gieo trồng toàn tỉnh). Nhờ tăng vụ nên một số vùng trồng màu tập trung được hình thành như sản (Đồng Xuân, Tây Sơn), bắp (Tây Sơn), vùng chuyên canh rau xung quanh khu vực thị xã Tuy Hoà... Tính đến cuối năm 1980, tổng sản lượng lương thực quy thóc trên địa bàn Bắc Phú Khánh đạt 171.158 tấn, tăng 15.463 tấn so với năm 1979, khắc phục được tình trạng năng suất sản lượng giảm sút của năm 1979. Để đạt được kết quả đó, tỉnh tập trung chỉ đạo gieo trồng đúng thời vụ, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật mới vào nông nghiệp như đưa giống lúa mới kháng rầy vào các vùng trọng điểm lúa, kết hợp dùng phân hữu cơ và phân vô cơ để bón cho cây trồng. Công tác thuỷ lợi đóng vai trò quan trọng, đã hoàn chỉnh, nâng cấp các công trình và hệ thống thuỷ nông hiện có như đập Đồng Cam, Tam Giang, phát động phong trào làm thuỷ lợi vừa và nhỏ, làm được hàng trăm ao giếng, hàng chục bờ xe nước... Hầu hết các huyện đã thành lập được tổ quản lý thuỷ nông, các hệ thống lớn có công ty quản lý

thủy nông.

Bên cạnh cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày như đậu phụng, mè, bông, mía cũng có bước phát triển. Hình thành được hai vùng mía tập trung ở Đồng Xuân và Tuy Hoà. Diện tích gieo trồng mía tăng nhanh từ 1.889 ha năm 1979 lên 3.045 ha năm 1980, năng suất sản lượng đạt 315,8 tạ/ha.

Chăn nuôi là một thế mạnh của các huyện, thị ở Bắc Phú Khánh, nhất là chăn nuôi trâu, bò và heo. Được sự quan tâm đầu tư của tỉnh về các khâu giống, thức ăn, thú y và nhất là phong trào chăn nuôi gia đình phát triển nên đàn lợn tăng trưởng mạnh, đạt 82.583 con, tăng 8.393 con so với năm 1979, đàn bò tăng 6.506 con đưa tổng số đàn bò lên 81.034 con, đàn trâu cũng tăng so với trước đạt 1.991 con.

Công cuộc cải tạo quan hệ sản xuất trong nông nghiệp ở tỉnh trong thời gian này chủ yếu đi vào củng cố và xác định lại quy mô hợp tác xã cho phù hợp với trình độ quản lý, lao động và tài nguyên. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ hai đã đề ra nhiệm vụ cho công tác cải tạo nông nghiệp là "*ra sức củng cố các hợp tác xã đã có, đồng thời phát triển các hợp tác xã mới một cách vững chắc theo đúng ba nguyên tắc: tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ*". Tiếp đó, Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh uỷ họp ngày 31/12/1979 quyết định "*Toàn Đảng bộ phải khẩn trương và tập trung sức vào củng cố hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, coi đây là một công tác trung tâm của năm 1980 và là cái trục của việc xây dựng nông thôn mới của tỉnh*". Cũng tại hội Hội nghị này, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ phân công đồng chí Nguyễn Duy Luân, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách nông nghiệp về làm Bí thư Huyện uỷ Tuy Hoà<sup>10[10]</sup>.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Phú Khánh và Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, tỉnh tiến hành chia lại 19 hợp tác xã yếu và có quy mô lớn thành 38 hợp tác xã, chuyển đổi 9 hợp tác xã yếu, kém thành 50 tập đoàn sản xuất. Trên địa bàn Bắc Phú Khánh, đến cuối năm 1980 có 124 hợp tác xã, thu hút được gần 90% số hộ gia đình và hơn 90% số trâu, bò kéo cày và tư liệu sản xuất tham gia hợp tác xã. Riêng huyện trọng điểm lúa Tuy Hoà, Tuy An có 98% số hộ và tư liệu sản xuất vào hợp tác xã. Huyện miền núi Tây Sơn cũng có đến 50% số hộ tham gia hợp tác xã. Hầu hết các hợp tác xã đã tiến hành khoán khâu, khoán việc và đã có một số hợp tác xã tiến hành khoán sản phẩm cuối cùng cho đội sản xuất. Các hợp tác xã mở được tài khoản, xây dựng phương án phân phối hoa lợi, bước đầu thực hiện "5 công khai hoá" (công khai hoá về công điểm, hàng hoá, thu chi, công quỹ và kho tàng). Đi đôi với củng cố hợp tác xã, việc củng cố các tập đoàn sản xuất cũng có sự tiến bộ, nhưng các tập đoàn sản xuất yếu, kém còn chiếm hơn 60%, các tập đoàn sản xuất khá chỉ chiếm 6%.

Kết quả công tác củng cố, cải tạo quan hệ sản xuất trong nông nghiệp tạo điều kiện thuận lợi phát động các phong trào gây giống mới, làm thủy lợi, cải tạo đất, làm phân hữu cơ. Nhiều hợp tác xã mở rộng sản xuất từ 2 đến 3 vụ, đời sống xã viên được nâng lên, đóng góp cho Nhà nước được nhiều hơn, vốn tích lũy và tài sản cố định bình quân cứ 2 hợp tác xã có một máy kéo lớn, 2 đến 3 máy kéo nhỏ và gần 1/4 hợp tác xã có 6 tổ vận chuyển. Tuy nhiên, phong trào hợp tác hoá trong năm 1980 còn một số mặt yếu kém: Các hợp tác xã yếu kém chiếm gần 30%, chủ yếu tập trung ở huyện Đồng Xuân và Tây

---

<sup>10[10]</sup> Sau sự kiện "Phương ôn 2" cú lòn quan đến 1 số đồng chí lãnh đạo tỉnh và củng an tỉnh Phú Khánh, đầu quý III năm 1980, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ cử đồng chí Nguyễn Duy Luân về làm Giám đốc Củng an tỉnh và phõn củng đồng chí Trần Suyền, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về làm Bí thư Huyện uỷ Tuy Hoà.

Sơn; việc quản lý ruộng đất, lao động ở nhiều hợp tác xã chưa đi vào nề nếp, đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển trong tình hình mới. Nguyên nhân là do cách làm ồ ạt, máy móc, cuốn chiếu, nóng vội, nhất là ở vùng trung du miền núi, làm cho lực lượng sản xuất chậm phát triển, đời sống một bộ phận nhân dân khó khăn kéo dài.

Lâm nghiệp được xác định là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, nhưng trong năm 1980 do điều kiện khó khăn như: phương tiện khai thác, vận chuyển hư hỏng nhiều nhưng không có đủ phụ tùng, thiết bị thay thế, sửa chữa; công tác quản lý sản xuất, quy hoạch đầu tư nghề rừng còn nhiều hạn chế, lực lượng lao động khai thác ít... nên sản lượng gỗ khai thác được không bằng một nửa của năm 1979, chỉ đạt 1,6 vạn m<sup>3</sup>. Vì vậy, không đủ gỗ tròn cung ứng cho đóng tàu thuyền, xây dựng cơ bản, làm đồ mộc dân dụng và chế biến gỗ ván sản xuất khẩu.

Cũng như lâm nghiệp, ngành đánh bắt hải sản trong năm 1980 giảm sút nhiều so với trước. Mặc dù ngành hải sản có nhiều cố gắng để đẩy mạnh đánh bắt với nhiều hình thức thích hợp theo từng ngư trường, trong từng địa phương, kết hợp quản lý kinh tế với quản lý hành chính, đồng thời tổ chức vận động ngư dân, phát triển đánh bắt cá quốc doanh ở các ngư trường xa bờ. Nhưng phương tiện đánh bắt hư hỏng, mất mát nhiều, nhiên liệu không đủ cung cấp cho tàu thuyền, công tác quản lý tổ chức chỉ đạo thu mua ở các địa phương chưa làm kịp thời vụ... Vì thế mà sản lượng hải sản đánh bắt và thu mua trong năm không đủ cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và xuất khẩu.

Cuối năm 1979, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư doanh về cơ bản hoàn thành. Trong quá trình cải tạo có nhiều khuyết điểm dẫn đến tình trạng ngăn sông cấm chợ, thị trường nghèo nàn, công nghiệp sa sút, thương mại dịch vụ quốc doanh không đảm đương được yêu cầu phục vụ nhân dân. Mặt khác, các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh hoạt động có hiệu quả nhưng không được thừa nhận, thể hiện nhận thức về quy luật giá trị, về kinh tế thị trường không theo kịp sự phát triển của tình hình.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh, tình hình sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp gặp nhiều khó khăn, năng suất sản lượng đạt kết quả thấp, do thiếu vốn, vật tư, nguyên liệu. Trước tình hình đó, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khoá II) họp ngày 10/5/1980 đề ra 3 nhiệm vụ cấp bách của sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp là: "*Sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất hàng xuất khẩu và sản xuất tư liệu sản xuất*". Thực hiện 3 nhiệm vụ trên "*có ý nghĩa quan trọng đối với giải quyết đời sống trước mắt và tạo cơ sở vật chất kỹ thuật bước đầu trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt vấn đề xuất khẩu có ý nghĩa chiến lược lớn nhằm cân đối xuất - nhập, mở rộng hợp tác quốc tế, tích lũy để công nghiệp hoá, đẩy nhanh tiến độ xây dựng chủ nghĩa xã hội*". Thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ, toàn tỉnh thi đua đẩy mạnh phát triển sản xuất công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp. Trong quá trình thực hiện, tỉnh đã vận dụng các chính sách mới vào sản xuất như trả lương theo sản phẩm, lương khoán và thực hiện chế độ tiền thưởng ở một số xí nghiệp. Do đó, năng suất được tăng lên một bước. Đến cuối năm 1980, các nhà máy, xí nghiệp làm ăn có hiệu quả, tạo công ăn việc làm ổn định cho hàng ngàn người lao động, sản xuất được nhiều mặt hàng phục vụ cho tiêu dùng, sản xuất và xuất khẩu như điện, phân hữu cơ, đường, rượu, giấy, các loại nông cụ, gạch ngói, vải màn, khăn mặt, thảm xơ dừa, đồ mộc dân dụng và xuất khẩu...



Hoạt động giao thông vận tải, bưu điện và xây dựng cơ bản có nhiều cố gắng phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Để khắc phục tình trạng thiếu nhiên liệu, phụ tùng sửa chữa và số lượng đầu xe hoạt động giảm ảnh hưởng lớn đến vận chuyển hành khách và luân chuyển hàng hoá, tỉnh chủ trương phát triển mạnh lực lượng vận tải thô sơ như trâu, bò kéo, xe ngựa kéo, xe cải tiến, xe ba gác và xe đạp thồ đã góp phần khắc phục được tình trạng thiếu phương tiện vận tải trong tỉnh. Bên cạnh đó, tỉnh cũng chú ý phát triển lực lượng vận tải thuỷ, thành lập được công ty vận tải biển nhưng chưa đi vào hoạt động rộng rãi. Công tác bưu điện hoạt động có hiệu quả, đảm bảo được yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo, hoạt động kinh tế, quốc phòng và thư tín của nhân dân. Mặc dù kinh tế gặp nhiều khó khăn nhưng tỉnh vẫn quan tâm, tập trung đầu tư vào lĩnh vực xây dựng cơ bản. Tính đến cuối năm 1980, tỉnh đầu tư xây dựng 10 công trình và 43 hạng mục công trình như phân xưởng, trường học, nơi làm việc, nhà ở cho cán bộ, công nhân viên.

Hoạt động tài chính, ngân hàng có nhiều tiến bộ, giảm dần trợ cấp của Trung ương, bước đầu cân đối và ổn định được thu, chi. Ngành ngân hàng tích cực vận động nhân dân gửi tiền tiết kiệm, mở rộng hoạt động tín dụng cho vay vốn, hỗ trợ đắc lực cho các ngành kinh tế phát triển.

Mặc dù nền kinh tế còn nhiều khó khăn nhưng đời sống của nhân dân các vùng được cải thiện thêm một bước và tương đối ổn định. Đối với cán bộ, công nhân viên chức ăn lương Nhà nước, trong số 11 mặt hàng theo tiêu chuẩn định lượng đã cung cấp được những mặt hàng thiết yếu như: thịt, cá, nước mắm, đường, vải, muối, rau. Năm 1979, xảy ra cơn bão số 7 và đợt áp thấp nhiệt đới số 8 gây ra một số thiệt hại về tính mạng và tài sản của nhân dân nhưng tỉnh kịp thời khắc phục. Đến năm 1980, khắc phục được tình trạng thiếu ăn, giải quyết việc làm cho hàng ngàn người lao động.

Công tác giáo dục, y tế, văn hoá được sự quan tâm đầu tư của tỉnh nên đạt được những kết quả đáng khích lệ. Trong năm học 1980 - 1981, trên địa bàn Bắc Phú Khánh, ngành giáo dục phổ thông có 91 trường với 3.048 giáo viên và 128.863 học sinh. Phong trào thi đua dạy tốt, học tốt được phát động, học sinh tốt nghiệp đạt loại khá, giải chiếm 30%, tỷ lệ giáo viên dạy khá, giải tăng hơn năm học trước 4%. Phong trào học bổ túc văn hoá tại chức phát triển mạnh. Các trường đào tạo kỹ thuật, nghiệp vụ như trường Trung cấp Lao động tiền lương, trường Trung cấp nông nghiệp Hoà Thắng, trường Trung học sư phạm Bắc Phú Khánh tham gia đào tạo hàng trăm cán bộ, giáo viên và công nhân kỹ thuật góp phần nâng cao trình độ dân trí lên một bước.

Mạng lưới y tế được củng cố và mở rộng. Đến cuối năm 1980, trên địa bàn Bắc Phú Khánh có 78 cơ sở chữa bệnh và 1.268 giường bệnh tăng 8 cơ sở chữa bệnh và 91 giường bệnh so với năm 1979. Đội ngũ y, bác sỹ được tăng cường cả về số lượng cũng như chất lượng. Tính bình quân cứ 60 ngàn dân có một cơ sở chữa bệnh, 352 người dân có 1 giường bệnh và trong 1 vạn dân có 22,2 cán bộ y tế Nhà nước và 1,3 bác sỹ phục vụ. Ngành y tế kết hợp Đông y và Tây y đã thực hiện khám và chữa bệnh cho hàng trăm ngàn lượt người; phong trào "5 dứt điểm"<sup>11[11]</sup> được đẩy mạnh và thu được kết quả khá tốt, nhất là trong việc vận động sinh đẻ có kế hoạch và làm tốt 3 công trình vệ sinh, đi đầu trong phong trào này là thị xã Tuy Hoà; phối hợp với chính quyền và các đoàn thể các cấp tổ chức phát động nhân dân tổng vệ

---

<sup>11[11]</sup> Dứt điểm 3 công trình vệ sinh, sinh đẻ có kế hoạch, quản lý sức khoẻ, trồng và sử dụng thuốc Nam và kiện toàn tổ chức y tế.

sinh diệt bọ gậy, chống muỗi nên đã ngăn chặn được các dịch bệnh xảy ra.

Hoạt động văn hoá - thông tin phát triển thêm một bước, hàng ngàn buổi chiếu bóng, biểu diễn nghệ thuật tuyên truyền truyền thống cách mạng, nếp sống mới, con người mới xã hội chủ nghĩa, phục vụ cán bộ và quần chúng nhân dân kể cả ở những vùng xa xôi hẻo lánh và hải đảo. Các cơ quan ngôn luận của Đảng là Báo Phú Khánh, Đài phát thanh Phú Khánh chất lượng được nâng lên, hoạt động có hiệu quả, phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị và kinh tế - xã hội của tỉnh. Phong trào thể dục, thể thao với tinh thần "khoẻ để xây dựng và bảo vệ tổ quốc" được đẩy mạnh trong các ngành và các địa phương trong tỉnh.

Thực hiện Chỉ thị số 03/CT của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Phú Khánh và kế hoạch số 71, 470/KH-BNV của Bộ Nội vụ<sup>(12[12])</sup> về đấu tranh chống tham ô, lãng phí, trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, chống hối lộ, ức hiếp quần chúng, tỉnh đẩy mạnh công tác chống tiêu cực trong các hoạt động kinh tế, xã hội, tiến hành xử lý 205 vụ, bắt 449 đối tượng tham ô, trộm cắp, thu hồi tài sản trị giá 65 triệu đồng, góp phần phục vụ tốt cho công cuộc cải tạo các ngành kinh tế của tỉnh.

Sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của nước ta trong thời kỳ này phải đối mặt với chính sách thù địch của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động tiến hành chiến tranh phá hoại toàn diện chống phá Việt Nam. Ở Phú Khánh, chúng hoạt động ráo riết, gây ra những vụ phá hoại máy móc, đốt kho thóc, tiến hành chiến tranh tâm lý, xuyên tạc các chính sách mới ban hành, nói xấu một số đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ở địa phương, lôi kéo người trốn ra nước ngoài, mua chuộc cán bộ, đảng viên, làm mất ổn định tình hình và gây hoang mang trong nhân dân. Bên cạnh đó, các vụ phạm pháp hình sự vẫn không giảm so với trước, các băng nhóm tội phạm chuyên nghiệp tăng 16,8% so với năm 1979.

Trước tình hình đó, các cấp uỷ Đảng và chính quyền tích cực tuyên truyền, giáo dục nêu cao tinh thần cảnh giác, phát động phong trào quần chúng nhân dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, kết hợp mở nhiều đợt truy quét các tổ chức phản động và băng nhóm tội phạm. Đến cuối năm 1980, ngăn chặn được 175 vụ trốn ra nước ngoài bằng đường biển, gồm có 2.480 người (có 244 người trong nội bộ)<sup>13[13]</sup>. Phá nhiều tổ chức phản động như: "Mặt trận Tam quốc phục quốc liên minh Đông Á", "Mặt trận Nhân Dân yêu nước" ở huyện Tuy Hoà, tiến hành truy quét bọn Fulrô ở huyện Tây Sơn. Đồng thời lực lượng an ninh tỉnh cũng phá tan hàng chục ổ nhóm lưu manh chuyên nghiệp, hàng nghìn vụ phạm pháp hình sự...

Công tác xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang được đẩy mạnh. Lực lượng dân quân tự vệ ở các địa phương trong tỉnh phát triển với tổng số quân gần 34 ngàn người, bộ đội tỉnh, huyện trình độ chiến đấu được nâng lên. Cuộc vận động "quân với dân một ý chí", "xây dựng công an nhân dân trong sạch" trong lực lượng vũ trang và công an nhân dân đạt kết quả, góp phần nâng cao hiệu quả công tác của lực lượng vũ trang và an ninh của tỉnh. Với sự cố gắng của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong tỉnh, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, tạo ra môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội.

Công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ chính trị quan trọng hàng đầu của Đảng bộ Phú Khánh trong giai đoạn cách mạng mới. Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (12/1976) và

---

<sup>12[12]</sup> Nay là Bộ Công an.

<sup>13[13]</sup> Công an nhân dân Phú Yên Lịch sử biên niên (1975-1996), Nxb Chính trị quốc gia. HN-1999, tr.95.

căn cứ vào đặc điểm, tình hình của địa phương, Đại hội đại biểu Đảng bộ Phú Khánh lần thứ nhất (3/1977) đề ra nhiệm vụ xây dựng Đảng là: "*Ra sức xây dựng Đảng bộ vững mạnh về các mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức, nâng cao tính chất giai cấp công nhân, bảo đảm cho Đảng bộ luôn luôn đoàn kết nhất trí, gắn bó chặt chẽ với quần chúng trên cơ sở phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, ra sức tuyên truyền, giáo dục, xây dựng và củng cố các đoàn thể quần chúng. Thông qua các phong trào quần chúng thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng mà phát triển đảng viên mới, xây dựng và củng cố Đảng, hết sức chăm lo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, nâng cao năng lực, phẩm chất của cán bộ, đảng viên, kiện toàn bộ máy chuyên chính vô sản các cấp, xây dựng tác phong công tác, lề lối làm việc phù hợp với đặc điểm tình hình và yêu cầu nhiệm vụ mới*".

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được các cấp uỷ Đảng quan tâm. Các cấp uỷ Đảng thường xuyên tổ chức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần IV của Đảng, các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, lần thứ II. Qua đó, tạo được sự nhất trí cao về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, về đánh giá tình hình, về phương hướng, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới, củng cố lòng tin của cán bộ, đảng viên và quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng.

Từ năm 1976 - 1980, bộ máy cấp uỷ Đảng từ tỉnh đến cơ sở qua các lần Đại hội từng bước được kiện toàn, chất lượng các cấp uỷ huyện, thị được nâng lên, số đồng chí có trình độ chuyên môn, khoa học kỹ thuật năm 1979 tăng hơn 15% so với năm 1976, tuổi đời bình quân so với trước thấp hơn 2 tuổi. Đến cuối năm 1980, toàn Đảng bộ có 669 tổ chức cơ sở Đảng với 12.187 đảng viên, tăng 95 cơ sở Đảng và 2.907 đảng viên so với đầu năm 1976. Hầu hết các xã, phường, các cơ sở hành chính, sự nghiệp đã có tổ chức Đảng. Qua thực tiễn hoạt động và thực hiện các Nghị quyết của Trung ương về củng cố tổ chức cơ sở Đảng và nâng cao chất lượng đảng viên, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng từng bước được nâng lên, sinh hoạt Đảng đi dần vào nề nếp, quản lý đảng viên, thực hiện tự phê bình và phê bình, đấu tranh chống tiêu cực tiến bộ. Thực hiện thông tri số 103 của Ban Bí thư Trung ương, trong năm 1980, Tỉnh uỷ đã biểu dương và tặng cờ "Đảng bộ vững mạnh" cho nhiều tổ chức cơ sở Đảng.

Công tác phát triển Đảng được các cấp uỷ Đảng chú trọng. Từ năm 1976 đến năm 1980, toàn Đảng bộ kết nạp được 1.637 đảng viên mới, riêng hai năm 1979 - 1980 (từ khi có Chi thị 72 của Ban Bí thư) kết nạp được 1.024 đảng viên. Hầu hết đảng viên mới trưởng thành nhanh, phát huy tốt tác dụng lãnh đạo, nhiều đồng chí được phân công đảm nhiệm những vị trí chủ chốt ở xã, phường, hợp tác xã.

Thực hiện Chi thị 83 của Ban Bí thư Trung ương về phát triển đảng viên, từ ngày 3/2/1980, Đảng bộ tiến hành phát triển đảng viên. Công tác phát triển Đảng được chỉ đạo chặt chẽ, có tác dụng nâng cao ý thức về Đảng, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm của đảng viên, góp phần củng cố một bước tổ chức Đảng ở cơ sở và đưa công tác quản lý đảng viên đi vào nề nếp.

Để đáp ứng yêu cầu đội ngũ cán bộ phục vụ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, hệ thống Trường Đảng tỉnh, huyện từng bước được kiện toàn, chất lượng được nâng lên. Với các hình thức đào tạo tập trung và tại chức, hàng năm đào tạo hàng ngàn cán bộ có trình độ từ sơ cấp trở lên. Ngoài ra, Trung ương còn chi viện cho tỉnh nhiều cán bộ có năng lực, có kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội

ở Miền Bắc. Đến cuối năm 1980 số cán bộ khoa học kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ từ sơ cấp trở lên chiếm 65%. Qua thực tiễn công tác, đội ngũ cán bộ ngày càng hiểu rõ tình hình thực tế ở địa phương, ngành mình hoạt động, tích lũy được nhiều kinh nghiệm. Số đông cán bộ giữ vững phẩm chất cách mạng, nếp sống giản dị, lành mạnh, tận tụy với nhiệm vụ được giao.

Đi đôi với công tác củng cố tổ chức, bồi dưỡng và phát triển đảng viên mới, công tác kiểm tra, giữ gìn kỷ luật Đảng được đẩy mạnh. Tính riêng trong 3 năm (1978 - 1980), Đảng bộ đã xử lý kỷ luật 868 trường hợp vi phạm Điều lệ Đảng. Thông qua việc kiểm tra, kỷ luật các trường hợp vi phạm góp phần ngăn chặn, hạn chế tiêu cực, phát huy dân chủ và đề cao kỷ luật Đảng. Đồng thời, nhận thức về vị trí, vai trò lãnh đạo, tính tiên phong gương mẫu của đảng viên được nâng lên rõ rệt. Nhiều tổ chức cơ sở đảng phát huy vai trò lãnh đạo trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị.

Song song với xây dựng Đảng, hệ thống chính quyền các cấp từ tỉnh đến huyện từng bước được củng cố và kiện toàn. Trong đó, công tác xây dựng huyện được chú trọng. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV chỉ rõ: *"Xây dựng huyện thực sự vững mạnh, thực sự trở thành đơn vị kinh tế nông, công nghiệp, lấy huyện làm địa bàn tổ chức lại sản xuất, tổ chức và phân công lại lao động và kết hợp công nghiệp với nông nghiệp. Xây dựng chính quyền cấp huyện thành một cấp Nhà nước quản lý kế hoạch toàn diện và có ngân sách"*. Thực hiện Nghị quyết Đại hội IV đề ra, dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng và qua các lần bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, bộ máy chính quyền các huyện, thị từng bước được kiện toàn, phát huy được chức năng của mình trong chỉ đạo sản xuất, giữ gìn trật tự, trị an, chăm lo đời sống nhân dân. Nhưng bộ máy chính quyền trong những năm 1976 - 1977 năng lực quản lý còn yếu, chỉ đạo thực hiện thiếu đồng bộ, thiếu phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, giữa cấp tỉnh và cấp huyện; việc tăng cường cấp huyện, phân cấp, phân công quản lý giữa tỉnh và huyện, nhất là về xây dựng, quản lý kinh tế vẫn chưa thực hiện được nhiều.

Từ giữa năm 1978, thực hiện Quyết định số 139-CP ngày 14/6/1978 của Hội đồng Chính phủ, Chỉ thị số 33 và Nghị quyết 16 ngày 3/3/1979 của Bộ Chính trị về tổ chức bộ máy chính quyền, tinh tiến hành phân cấp, phân công quản lý giữa các ngành trong tỉnh, tăng cường phân cấp quản lý cho huyện, bước đầu giao cho huyện quản lý các đơn vị kinh tế, văn hoá, xã hội trên địa bàn. Chính vì vậy, các huyện, thị đã phát huy được sự chỉ đạo của mình trong công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, tăng cường công tác quốc phòng - an ninh, phát triển văn hoá, xã hội, chăm lo các mặt đời sống cho nhân dân.

Để đưa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào hoạt động thực tiễn, các đoàn thể quần chúng đóng vai trò rất quan trọng. Từ năm 1976 đến năm 1980, các đoàn thể quần chúng được sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, từng bước kiện toàn về mặt tổ chức, số lượng và chất lượng của đoàn viên, hội viên được nâng lên, hăng hái thi đua đẩy mạnh các phong trào cách mạng, thực hiện và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phát huy truyền thống *"nơi nào cần thanh niên có, nơi nào khó có thanh niên"*, đi đầu trong phong trào *"3 xung kích"*, *"3 sẵn sàng"* trong 3 cuộc cách mạng và bảo vệ Tổ quốc. Chăm sóc và giáo dục thiếu niên, nhi đồng, bồi dưỡng và giới thiệu những đoàn viên ưu tú cho Đảng để phát triển Đảng; Hội Phụ nữ đẩy mạnh các phong trào *"người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"*, *"phụ nữ 3 đảm đang"*, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch,

xây dựng gia đình văn hoá mới...; Hội nông dân đi đầu trong phong trào lao động tập thể, sản xuất đạt 5 điểm cao: thuỷ lợi, diện tích, năng suất, chăn nuôi, nghề phụ; Công đoàn thực hiện phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất lao động, tham gia quản lý cơ quan, xí nghiệp, nhà máy, công trường, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; Mặt trận Tổ quốc các cấp củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội vào trong các đoàn thể quần chúng, vận động tầng lớp trí thức hăng hái thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội... tạo nên sự nhất trí cao về chính trị và tinh thần trong toàn xã hội, thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên làm chỗ dựa vững chắc cho chính quyền.

Bằng sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng bộ, công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng thu được nhiều kết quả quan trọng, đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ của cách mạng trong giai đoạn mới. Tuy nhiên, trong tình hình khó khăn và có nhiều diễn biến phức tạp, công tác tư tưởng không theo kịp diễn biến tình hình, ảnh hưởng không tốt đến một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Một số cán bộ, đảng viên còn mơ hồ về đấu tranh giai cấp, hoài nghi, bi quan, ngại khó, bàng quan, thiếu trách nhiệm, sa sút ý chí chiến đấu, tham ô của công, hối lộ, lợi dụng chức quyền vi phạm pháp luật, ức hiếp quần chúng, có người thực sự thoái hoá biến chất. Một số Chi bộ yếu cả về tư tưởng và tổ chức, quản lý đảng viên chưa tốt, sinh hoạt Đảng chưa đảm bảo tốt chất lượng, nề nếp. Số cán bộ trẻ, cán bộ nữ chưa được đề bạt cất nhắc nhiều. Công tác đào tạo cán bộ, phát triển đảng viên mới còn chậm, việc đưa ra khỏi Đảng những phần tử xấu, thoái hoá biến chất chưa kiên quyết và kịp thời. Tổ chức và kỷ luật Đảng ở nhiều nơi còn lỏng lẻo, đã ảnh hưởng đến sức chiến đấu của Đảng.

Bộ máy chính quyền cấp tỉnh còn công kênh, kém hiệu lực, thực hiện kiểm tra, đôn đốc, phân công, phối hợp giữa các ty, ngành chưa tốt. Chính quyền ở cơ sở chưa mạnh, còn một bộ phận chưa trong sạch. Xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện còn chắp vá, thiếu đồng bộ, huyện vẫn chưa thực sự trở thành một cấp quản lý toàn diện. Lề lối làm việc hành chính sự vụ, chưa bám sát thực tế, bám sát phong trào. Các đoàn thể quần chúng chưa phát huy hết các chức năng của mình trong việc thực hiện đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

Sau 5 năm (1976 - 1980) tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng bộ Phú Khánh, quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất và thượng tầng kiến trúc từng bước được xác lập và hoàn thiện. Giai cấp công nhân, nông dân tập thể, trí thức xã hội chủ nghĩa và các tầng lớp nhân dân đang trở thành những người chủ tập thể trong các cơ quan, xí nghiệp, nhà máy, hợp tác xã... Sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân ngày càng phát triển và củng cố. Nền kinh tế có sự khởi sắc trên tất cả các mặt, đời sống nhân dân được ổn định, cơ sở vật chất kỹ thuật bước đầu được xây dựng. Những thành tựu đạt được là nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của Tỉnh uỷ. Tỉnh uỷ tập trung nghiên cứu và quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần IV, các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng, của Bộ Chính trị và Ban Bí thư, vận dụng có sự sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, Đảng bộ còn chủ quan, nóng vội nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp. Công tác khai hoang, phục hoá, đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới làm ô ạt, sản xuất bất chấp quy luật, phá rừng, cách làm còn mang tính cưỡng chế, lãng

phí; Hợp tác hoá nông nghiệp nóng vội, nặng về thành tích, không đi đôi với thủy lợi hoá, cơ giới hoá; cải tạo nghề cá cũng ồ ạt... làm suy giảm lực lượng sản xuất, một bộ phận nhân dân đời sống gặp nhiều khó khăn nhất là ở khu vực trung du miền núi. Bên cạnh đó, Sau khi hợp nhất, bộ máy tinh phình to, bộ máy của các huyện, thị xã thu hẹp; huyện, xã tách nhập, nhập tách gây ra sự xáo trộn, tổn kém.

Có thể nói, thực tiễn phong phú và sinh động của phong trào cách mạng trong 5 năm (1976-1980) cả về mặt thành tựu cũng như hạn chế đã để lại cho Đảng bộ nhiều bài học kinh nghiệm quý giá trong giai đoạn cách mạng tiếp theo.

## **II-LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM 1981 -1985.**

Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 9 (khóa IV) đề ra nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1981 là: *"Đẩy mạnh sản xuất, cải tiến công tác phân phối lưu thông để ổn định và phát triển kinh tế, giảm bớt khó khăn, tiến lên từng bước cải thiện đời sống nhân dân. Tăng cường củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội, sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc thắng lợi. Đẩy mạnh cải tạo Xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất Xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, cải tiến mạnh mẽ quản lý kinh tế, kiên quyết đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực"*.

Ngày 7 tháng 01 năm 1981, Hội nghị Tỉnh ủy Phú Khánh lần thứ 5 (khóa II) đã bàn về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 1981 - 1985 và nhiệm vụ kế hoạch năm 1981; đồng thời ra Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1981 của tỉnh. Hội nghị nhận định đánh giá từ khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương; Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị và các chủ trương chính sách mới của Đảng và Nhà nước trên lĩnh vực kinh tế đã xuất hiện nhiều nhân tố tích cực bước đầu tạo ra khí thế mới, tiến bộ mới trong sản xuất và phân phối lưu thông. Tuy nhiên còn một số khuyết điểm Đảng bộ chưa nắm thật vững 2 nguồn vốn quý nhất là lao động và tài nguyên, chưa coi trọng đúng mức công nghiệp nhẹ, tiểu thủ công nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng, xuất khẩu, công tác quản lý kinh tế và xã hội chậm được sửa chữa, người lao động chưa có việc làm, đời sống cán bộ viên chức và nông dân một số vùng còn khó khăn, các hiện tượng tiêu cực trong xã hội chậm được khắc phục.

Nhiệm vụ hàng đầu của năm 1981 là tập trung cho nông nghiệp cây trồng và chăn nuôi; đặc biệt là lương thực thực phẩm, cây công nghiệp, cây xuất khẩu, đẩy mạnh xuất khẩu; đẩy mạnh sản xuất công nghiệp tiểu thủ công nghiệp; đầu tư thích đáng cho các ngành giao thông vận tải, xây dựng cơ bản nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu của nông nghiệp và công nghiệp nhẹ tạo ra sự chuyển biến trên mặt trận phân phối lưu thông, chuyển mạnh sang phương thức kinh doanh Xã hội chủ nghĩa, mở rộng việc thực hiện và hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm trong nông nghiệp, mở rộng việc trả lương theo sản phẩm, lương khoán.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 của Tỉnh ủy đã chỉ rõ: *"Căn cứ vào đường lối chung và đường lối phát triển kinh tế của Đảng và hướng phấn đấu trong vòng 20 năm tới, nhiệm vụ trọng tâm của thời kỳ quá độ lên công nghiệp hóa Xã hội chủ nghĩa, nắm vững hai nguồn vốn quý báu nhất là lao động và tài nguyên của địa phương... giải quyết cho kỳ được lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu, nhằm phát huy 5 thế mạnh của tỉnh (nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, vật liệu xây dựng và du lịch) tạo cơ sở vật chất kỹ thuật của Chủ nghĩa xã hội"*.

"Năm 1981 phấn đấu đạt sản lượng lương thực 326 nghìn tấn, bình quân đầu người 262 kg, đẩy mạnh thâm canh, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tiếp tục phục hồi khai hoang, mở rộng diện tích 9.000 héc-ta, nhanh chóng hình thành vùng cây công nghiệp chuyên canh của địa phương có khả năng: thuốc lá 2000 héc-ta, mía 4.550 héc-ta, bông 200-300 héc-ta..."

Trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 1981 - 1985 của UBND tỉnh được Hội nghị Tỉnh ủy thông qua có nêu rõ một số giải pháp: "Về năng suất lúa từ bình quân 26,3 tạ/ha năm 1980 lên 30 tạ/ha năm 1985. Đó là cuộc phấn đấu quyết định, bằng cách: giống mới nhưng chủ yếu là phân (cả phân hóa học và phân chuồng) và thủy lợi (có thủy lợi lớn, vừa và hết sức chú trọng thủy lợi nhỏ)".

"Phải thực hiện cho kỳ được chủ trương xây dựng đồng lúa cao sản, đến 1985 đạt:

Tuy Hòa: 10.000 ha - với năng suất 9-10 tấn (2 vụ). Tập trung xây dựng 10.000 ha trồng lúa ở huyện Tuy Hòa đạt năng suất 9-10 tấn/ha/năm.

- Năm 1985 trồng 10.000 ha mía ở Tuy Hòa, tạo vùng trồng tập trung phục vụ cho nhà máy đường 5.000 tấn mía/ngày".

Nhờ những chủ trương và giải pháp đúng đắn của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, các vùng chuyên canh: lúa, mía, dứa, thuốc lá, bông... trên địa bàn Bắc Phú Khánh dần dần được xác định, phương thức mở rộng diện tích theo hướng xây dựng "Cơ sở 2", nhiều hợp tác xã tích cực hưởng ứng, đạt hiệu quả kinh tế tốt.

Thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", năm 1981 chỉ trong một thời gian ngắn các huyện Tuy Hòa, Tây Sơn đã hoàn thành một số công trình thủy lợi như đập Hóc Hoành (Tuy Hòa), Hồ Hòn Một, đập Ma Giai (Tây Sơn)...đảm bảo nước tưới cho hàng trăm héc-ta lúa và tạo điều kiện cải thiện môi sinh, phát triển một số loại cây công nghiệp và cây trồng ngắn ngày.

Bằng các biện pháp thâm canh, mở rộng diện tích đi đôi với phân bổ lao động đã đưa diện tích sản xuất lương thực và hoa màu năm 1981 lên 120.000 héc-ta, đem lại cuộc sống ổn định cho hơn 4 vạn người đang ở các vùng kinh tế mới của Tây Sơn, Tuy Hòa. Một số điểm kinh tế mới ở 2 huyện Tây Sơn và Đồng Xuân người dân đã từng bước thực hiện định canh, định cư. Đồng bào dân tộc thiểu số miền Tây Phú Khánh cơ bản ổn định cuộc sống và định cư.

Ngày 13-01-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 100 về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong sản xuất nông nghiệp. Nội dung cơ bản của Chỉ thị 100 là cải tiến mạnh mẽ các hình thức khoán của đội sản xuất, đối với xã viên mở rộng khoán sản phẩm. Chỉ thị nêu rõ mục đích của công tác khoán là: bảo đảm phát triển sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh tế trên cơ sở lôi cuốn được mọi người hăng hái lao động, kích thích tăng năng suất lao động, sử dụng tốt đất đai và các cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tiết kiệm chi phí sản xuất, củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất Xã hội chủ nghĩa. Ở nông thôn, không ngừng nâng cao thu nhập và đời sống của xã viên, tăng tích lũy của Hợp tác xã, làm tròn nghĩa vụ và không ngừng tăng khối lượng nông sản cung ứng cho Nhà nước. Nhằm mục đích này các Hợp tác xã phải bảo đảm các nguyên tắc quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả tư liệu sản xuất, tổ chức tốt việc quản lý và điều hành lao động, phải nắm được sản phẩm và phát huy quyền tự chủ của Hợp tác xã và quyền làm chủ tập thể của xã viên. Chỉ thị 100 của Ban Bí thư đã tạo điều kiện cho người nông dân có quyền chủ động trong sản xuất nông nghiệp, gắn với

lao động; mở ra một giai đoạn mới của quá trình nhận thức và đổi mới về con đường phát triển của nông nghiệp nước ta, là một mốc quan trọng đánh dấu sự chuyển đổi từ cơ chế tập trung quan liêu sang hạch toán tự chủ.

Thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Khánh đã ra Chỉ thị 17 và 19-CT/TU tích cực chuẩn bị để tiến hành khoán sản phẩm cuối cùng đến hộ xã viên và đề ra chủ trương biện pháp cải tiến công tác khoán, mở rộng nâng cao và hoàn chỉnh khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động gắn với củng cố Hợp tác xã tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động là động lực thúc đẩy phong trào thâm canh, tăng năng suất cây trồng, ứng dụng tích cực và có hiệu quả các tiến bộ khoa học kỹ thuật. Nhiều hợp tác xã ở Hòa Bình, Hòa Phong, Hòa Hiệp, Hòa Thành, Chí Thạnh, Hòa Kiến, An Ninh, An Mỹ, Hòa Thắng, Hòa Trị, Hòa An, Bình Kiến... đạt năng suất lúa từ 8-11/héc ta của 2 vụ lúa trong năm. Một số hợp tác xã kết hợp được công - nông nghiệp, vận dụng có kết quả nhiều chính sách có tác dụng thiết thực thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, xây dựng nông thôn mới, xác lập quan hệ sản xuất mới.

Thành tựu nổi bật của Phú Khánh từ 1981 đến 1985 trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp là thắng lợi về xác lập quan hệ sản xuất mới và phát triển sản xuất nông nghiệp. Là một tỉnh nông nghiệp nhưng sau ngày giải phóng luôn bị thiếu lương thực, đến năm 1981 không chỉ đủ lương thực, thực phẩm tự trang trải cho nhu cầu trong tỉnh, mà còn làm nghĩa vụ với Trung ương, kể cả những năm bị mất mùa. Thắng lợi to lớn đó, có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt, tạo cơ sở để phát triển các ngành kinh tế khác.

Tuy vậy, trong 2 năm 1981, 1982 tình liên tiếp gặp thiên tai, lũ lụt, hạn hán, mất mùa. Trong khó khăn, ý chí tự lực, tự cường phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân được phát huy cao độ. Giai cấp nông dân với phong trào thi đua "làm nông nghiệp giỏi", thi đua "vượt khoán", ra sức thâm canh tăng vụ, tăng năng suất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật. Cuối năm 1981, một trận lũ lụt lớn nhất trong vòng 20 năm đã gây tổn thất nặng nề về người và của, nhất là ở Bắc Phú Khánh, hơn 60% diện tích đất trồng lúa hoa màu bị mất trắng; thời vụ chậm trễ. Để kịp thời gieo trồng hết diện tích vụ đông-xuân 1981-1982, tỉnh đã chủ trương huy động và phát huy tối đa năng lực máy móc, vật tư, phương tiện, nhân lực... tổ chức các đợt ra quân thi đua nhanh chóng khắc phục hậu quả lũ lụt, bảo đảm kịp thời vụ chào mừng kỷ niệm 52 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2/1930 - 3/2/1982). Nhiều đơn vị, cơ quan xí nghiệp tổ chức kết nghĩa với hợp tác xã nông nghiệp đã huy động tối đa lực lượng tham gia đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp. Các đội máy kéo ở Tuy Hòa, Tây Sơn tổ chức ra quân với khẩu hiệu "Máy bằm đồng, nước rút đến đâu, cày ngay đến đó", "Làm việc tại ruộng, ăn cơm tại máy". Các trạm thủy nông kết hợp lực lượng nông dân các hợp tác xã thực hiện: "Nước rút đến đâu, kênh mương nạo vét tu sửa đến đó". Các trạm vật tư "Bảo đảm giống tốt, cung cấp đến hợp tác xã". Phòng giao thông vận tải các huyện, phối hợp các đơn vị vận tải trong tỉnh, xí nghiệp ô tô Bắc Phú khánh huy động tối đa phương tiện cơ giới và thủ công vận chuyển phân, thuốc trừ sâu, vôi... đến hợp tác xã với phương châm "Mở đường nhanh, thông đường sớm". Trên lĩnh vực thủy lợi đào đắp nạo vét 250.000m<sup>3</sup> đất đá, huy động 297.800 ngày công, hoàn thành 1.123km kênh mương, bảo đảm cho 13.000 ha gieo trồng, tăng 25% so với vụ đông-xuân trước. Các xí nghiệp cơ khí ở thị xã Tuy Hòa, Phú Lâm sản xuất được 2.563 xe cải tiến, 24,7 tấn phụ tùng máy bơm, đưa 196.000 KW/h điện lưới diezen phục vụ trạm bơm, sản xuất 130.000 nông cụ cầm tay. Các



trạm vật tư, cơ khí huyện đã huy động phương tiện cày bừa được 11.000ha/36.000 ha gieo trồng, cung cấp 800.000 tấn lúa giống có khả năng chống sâu rầy, có năng suất cao, 8.700 tấn phân đạm, 200 con heo giống, 16 máy cày, 397 tấn thuốc trừ sâu, 1400 tấn xi măng, 300 tấn vôi bột... cho các hợp tác xã. Cán bộ công nhân viên, học sinh hăng hái tham gia các ngày lao động XHCN, đóng góp trên 80.000 ngày công vào việc khôi phục kênh mương thủy lợi hư hỏng sau lũ lụt.

Nhờ những cố gắng nêu trên, tổng sản lượng lương thực từ 26,6 vạn tấn năm 1981 lên 33,9 vạn tấn năm 1982. Năng suất bình quân cả năm 1982 đạt 64 tạ/ha tăng hơn 10 tạ/ha so với 1980. Năng suất vụ đông xuân 1981 - 1982 đạt 32,9 tạ/ha, là năng suất dẫn đầu của các tỉnh ven biển miền Trung và đứng hàng thứ 6 của cả nước. Trong năm 1982, huyện Tuy Hòa và thị xã Tuy Hòa đạt năng suất bình quân trên 70 tạ/ha/năm (có 35 hợp tác xã đạt trên 80 tạ/ha/năm).

Năm 1982, tổng sản lượng lương thực tăng 14% so năm 1981, tổng sản phẩm nông nghiệp (giá cố định) năm 1982 tăng 52,5% so với năm 1981; sản lượng đánh bắt hải sản năm 1982: 366 tấn vượt kế hoạch 22%. Doanh số mua vào năm 1982 tăng 97,3% so năm 1981. Giá trị hàng xuất khẩu tăng 4,1 lần so năm 1981. Thu chi ngân sách và tiền mặt hằng năm được cân đối. Tuyển quân đạt chỉ tiêu. An ninh chính trị và an toàn xã hội được giữ vững. Đời sống công nhân viên chức và nhân dân ở nông thôn được cải thiện thêm một bước.

Trong thắng lợi chung đó, điểm nổi bật là nhiều ngành, nhiều cơ sở đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu, trước từ 2 đến 3 tháng. Phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng khoa học kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động, thực hành tiết kiệm, đạt hiệu quả kinh tế cao.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 (khóa IV) và các Quyết định 25, 26 của Chính phủ về việc phát triển tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp và công nghiệp, Tỉnh ủy chỉ đạo các Sở, ban ngành liên quan và các huyện, thị, thành phố trong tỉnh đẩy nhanh nhịp độ phát triển. Ở các huyện, thị trên địa bàn Bắc Phú Khánh, bước đầu hình thành các ngành quan trọng như làm đường, vật liệu xây dựng, dệt... khôi phục, phát triển một số ngành nghề truyền thống ở các hợp tác xã. Mạng lưới cơ khí các huyện được xây dựng, mỗi huyện hình thành 1 cụm trạm cơ khí, có đội ngũ cán bộ kỹ thuật - công nhân từ 30 -50 người; đồng thời mở các cụm kinh tế - kỹ thuật ở các Hợp tác xã phục vụ cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp. Nhờ vậy, trong năm 1982 hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch nhà nước. Sản lượng gạch tăng 23,8%, gỗ xây dựng cơ bản tăng 88% so với năm 1981; nhiều cơ sở chế biến ở các huyện sản xuất đường kết tinh, cồn, rượu, nước đá... Các Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp không ỷ lại trông chờ, chủ động khai thác nguồn nguyên liệu và thay đổi mặt hàng, duy trì sản xuất nên sản lượng 1982 tăng 10% so với 1981. Các mặt hàng thủ công phát triển mạnh, thu hút gần 2 vạn lao động vào làm ăn trong các cơ sở sản xuất tập thể.

Ngành giao thông vận tải đã sửa chữa, nâng cấp và làm mới hơn 400km đường ô tô, 500 m cầu kiên cố, mở rộng hệ thống giao thông nông thôn và miền núi, phát triển phương tiện vận tải thô sơ và bước đầu phát triển vận tải thủy ở Sông Cầu, Tuy An đáp ứng phần nào nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa và sự đi lại của nhân dân. Mạng lưới Bưu điện được củng cố và mở rộng các thị trấn, thị xã và hơn 1/2 số xã phường đều có mạng lưới điện thoại, bảo đảm thông tin liên lạc từ tỉnh đến huyện.

Trong công tác phân phối lưu thông, thực hiện chủ trương của Trung ương và của tỉnh, sau khi xóa

bỏ giai cấp tư sản mại bản, bước đầu cải tạo và sắp xếp thương nghiệp tư doanh, xây dựng mạng lưới thương nghiệp Xã hội chủ nghĩa. Ở các huyện, thị việc nắm hàng vào tay nhà nước khá hơn, nhất là các mặt hàng chủ yếu như lương thực, thịt, cá... phát triển mạng lưới kinh doanh bán lẻ. Thương nghiệp Xã hội chủ nghĩa chiếm tỷ trọng 24% thị trường xã hội, góp phần đáng kể vào việc bình ổn giá cả thị trường không để bị biến động quá mức. Thu chi ngân sách và tiền mặt giữ được thăng bằng. Giá trị xuất khẩu mỗi năm một tăng, năm 1982 tăng gấp 6 lần so với năm 1980 và qua xuất khẩu của địa phương đã nhập được một số vật tư, hàng hóa cần thiết phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Mặt trận lưu thông phân phối là mặt trận nóng bỏng nhất, nhiều khó khăn thử thách, phức tạp nhất trong thời gian này. Cuộc đấu tranh giữa "2 con đường" xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa diễn ra hết sức gay go. Tình hình mất cân đối của nền kinh tế chưa được khắc phục.

Về văn hóa, xóa bỏ căn bản nền văn hóa đồi trụy và các tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại, phát triển văn hóa văn nghệ Xã hội chủ nghĩa, làm thay đổi dần nếp nghĩ và tập quán cũ. Nhiều người trước đây không quen lao động sản xuất, nay đã trở thành những người lao động thật sự, sống bằng sức lao động của mình. Mạng lưới phát thanh, truyền thanh, chiếu phim... có bước phát triển, góp phần trong việc tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, bước đầu hình thành điểm văn hóa xã, cụm văn hóa huyện, có nhà văn hóa, sân vận động...

Về giáo dục, ở các huyện bốn ngành học được phát triển đồng bộ. Phong trào thi đua "Hai tốt" được phát triển ở các trường học, góp phần giáo dục toàn diện và xây dựng con người mới Xã hội chủ nghĩa. Công tác bổ túc văn hóa phổ cập cấp I cho nhân dân và phổ cập cấp 2,3 cho cán bộ được phát triển mạnh mẽ. Năm học 1981 - 1982 học sinh các cấp thi đỗ tốt nghiệp bình quân 90% và 95% học sinh lên lớp. Thực hiện phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" từ trường phổ thông cơ sở đến lớp mẫu giáo, nhà trẻ được phát triển khá nhanh chóng ở các huyện, xã.

Trên lĩnh vực giao thông vận tải, xí nghiệp ô tô vận tải Bắc Phú Khánh cải tiến 60 đầu xe khách, dùng than thay xăng; cùng với phong trào thi đua "Người lái xe an toàn" "Tổ lái xe Xã hội chủ nghĩa" trong ngành giao thông vận tải đã xuất hiện nhiều tập thể và cá nhân tiên tiến. Để khắc phục hậu quả trận bão lụt cuối năm 1981 cán bộ công nhân viên ngành giao thông vận tải huy động hơn 6 vạn ngày công, đào đắp 1,5 vạn m<sup>3</sup> đất đá, sau 12 ngày đêm lao động khẩn trương thông tuyến đường sắt Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh; đồng thời huy động 15 vạn ngày công giải phóng hàng chục vạn khối đất đá ở Đèo Cả, Đèo Cù Mông, sau 14 ngày thông xe tất cả các tuyến đường.

Năm 1982, xí nghiệp ô tô Bắc Phú Khánh được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tặng Bằng khen. Cán bộ công nhân viên công ty công trình 4/5, phân khu đường bộ, đường sắt Phú Khánh - là những đơn vị trực thuộc Trung ương - đã có nhiều đóng góp công sức trong việc bóc dỡ hàng hóa, cung cấp vật tư, tu sửa đường sá.

Trong phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật đầu những năm 1980 đã đem lại hiệu quả kinh tế cao. Sáng kiến làm đông lạnh tôm cá trên tàu đánh cá 402G, làm tăng sản lượng và giá trị hải sản xuất khẩu. Sáng chế máy cắt, đập lò ô, máy đập và xe sợi xơ dừa làm tăng năng suất các sản phẩm bằng xơ dừa. Nhiều sáng kiến ứng dụng khác trên lĩnh vực giao thông vận tải, sản xuất nông nghiệp, y tế, giáo dục... tập trung giải quyết một số vấn đề về kế hoạch hóa gia đình, quản lý chất lượng sản phẩm, tiêu

chuẩn đo lường chất lượng.

Phong trào văn hóa văn nghệ phát triển ngày càng sâu rộng đến cơ sở, phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị, động viên phong trào thi đua lao động sản xuất và tiết kiệm, xây dựng con người mới Xã hội chủ nghĩa. Các điểm văn hóa xã, cụm văn hóa huyện với các hoạt động triển lãm, hội diễn văn nghệ quần chúng, thi tranh ảnh, xây dựng phòng truyền thống, thư viện... đã có tác dụng nâng cao lòng yêu nước và trình độ giác ngộ cách mạng.

Hầu hết ở các huyện thị, các công, nông, lâm trường đều có bệnh viện, trạm y tế, phòng khám chữa bệnh, nhà hộ sinh. Trong 3 năm 1981-1983, xây dựng mới 2 bệnh viện: Tây Sơn và Tuy An với hơn 300 giường bệnh, có trang thiết bị khám chữa bệnh tương đối đầy đủ; xây dựng 15 cơ sở khám chữa bệnh; đẩy mạnh phong trào "5 dứt điểm", phong trào sinh đẻ có kế hoạch, chăm lo sức khỏe nhân dân.

Phong trào thể dục và các hoạt động thể dục thể thao thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia. Phong trào tập luyện 4 môn điền kinh phối hợp đã phát triển sâu rộng trong các cơ quan, trường học. Phong trào thể dục thể thao được phát triển đúng định hướng góp phần thiết thực bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân. Phong trào "người công dân kiêu mẫu" và "gia đình cách mạng gương mẫu" đã cổ vũ động viên gia đình thương binh liệt sĩ giữ vững danh hiệu cao quý, làm tròn nhiệm vụ của công dân. Phong trào "đền ơn đáp nghĩa", "ăn quả nhớ người trồng cây" được phát động, có tác dụng động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Những kết quả đạt được trong 2 năm 1981, 1982 đã tạo ra thế và lực mới, có điều kiện giải quyết vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm. Với các thế mạnh về nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp lực lượng lao động dồi dào có cơ sở để phát triển kinh tế xã hội một cách toàn diện.

Căn cứ đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đề ra và được Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng khẳng định là đúng đắn. Đó là: *"Hoàn thành về cơ bản công cuộc cải tạo Xã hội chủ nghĩa, tổ chức lại nền sản xuất Xã hội chủ nghĩa và bước đầu xây dựng một số cơ sở vật chất kỹ thuật của Chủ nghĩa xã hội"*.

Nội dung kinh tế của chặng đường đầu tiên trong thời kỳ quá độ được nêu tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ III (vòng 2), ngày 25/1/1983 là: *"Tiếp tục củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp, hoàn thành tốt cải tạo Xã hội chủ nghĩa trong công thương nghiệp; tổ chức lại sản xuất, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất kỹ thuật của Chủ nghĩa xã hội, bảo đảm đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn Xã hội chủ nghĩa, kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, sớm hình thành cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp huyện, công - nông nghiệp tỉnh"*.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 44 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Xuân Hữu được bầu lại làm Bí Thư Tỉnh uỷ.

Trên cơ sở quán triệt và phổ biến sâu rộng Nghị quyết Đại hội V của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III và kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ II (1981 - 1985), Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã tạo ra một sự nhất trí cao về chính trị, tư tưởng, phát động mạnh mẽ phong trào cách mạng của quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tăng cường hiệu lực bộ máy Nhà nước và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng ở các cấp; Đảng bộ và chính quyền các huyện thị đẩy mạnh đồng thời 3 cuộc cách mạng, kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, xây dựng với cải tạo để hoàn

thành tốt cải tạo Xã hội chủ nghĩa và lực lượng sản xuất mới ngày càng lớn mạnh, ra sức xây dựng huyện, bảo đảm thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược, bốn mục tiêu kinh tế - xã hội và hoàn thành tốt nghĩa vụ quốc tế .

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ các huyện, thị triển khai tư tưởng chỉ đạo của Tỉnh ủy sâu rộng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên chủ chốt về nội dung kinh tế của chặng đường đầu tiên, xây dựng tư tưởng công nghiệp hóa và sản xuất lớn. Nắm vững cuộc đấu tranh giữa "2 con đường" gắn liền với cuộc đấu tranh chống các thế lực thù địch . Nắm vững tinh thần tự lực vươn lên, chủ động, sáng tạo, chống quan liêu bao cấp và cục bộ địa phương, nhằm tạo ra sự chuyển biến lớn trong phong trào cách mạng của quần chúng.

Về sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, trên cơ sở những kết quả đạt được trong 2 năm 1981, 1982, các huyện Tuy Hòa, Tuy An, Tây Sơn tiếp tục củng cố, phát triển lực lượng sản xuất mới, đưa tổng sản phẩm xã hội phát triển cao hơn những năm trước. Riêng ở huyện miền núi Tây Sơn đã có bước tiến trong việc chăm lo đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số, xây dựng quan hệ sản xuất và cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với trình độ của đồng bào và yêu cầu phát triển sản xuất. Huyện Tây Sơn đã tổ chức khai hoang phục hóa 500 héc-ta đất đồi, 1 vạn héc ta đồng cỏ được cải tạo và sử dụng ở Suối Trai, Krông pa, Sơn Phước, Sơn Hà; xây dựng các hồ chứa nước vừa và nhỏ.

Tháng 9/1982, Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 13 (khoá III) thảo luận thông qua kế hoạch 3 năm 1983-1985, kế hoạch năm 1983 và sơ kết công tác xây dựng và tăng cường cấp huyện. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Khánh có Nghị quyết 06-NQ/TU ngày 2-11-1983 về đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quản lý, đảm bảo đưa nông nghiệp của tỉnh tiến lên một bước sản xuất lớn Xã hội chủ nghĩa, giải quyết một cách vững chắc nhu cầu lương thực, phát triển nông nghiệp một cách toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi ngành nghề tạo nhiều nông sản hàng hóa. Đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp, cây xuất khẩu, phát triển ngành nghề, kết hợp nông - công nghiệp từ cơ sở và trên địa bàn huyện, xây dựng huyện theo cơ cấu nông - công nghiệp. Hoàn thiện quan hệ sản xuất Xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, hoàn thành tổ chức Hợp tác xã và tập đoàn sản xuất trong toàn tỉnh, hoàn thành tập thể hóa tư liệu sản xuất, cải tiến quản lý Hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đưa phần lớn Hợp tác xã lên loại giải và khá.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, trong năm 1983, các huyện, thị ở Bắc Phú Khánh đẩy mạnh thâm canh, tăng năng suất, đưa sản xuất lương thực quy thóc đạt hơn 20 vạn tấn, bảo đảm cân đối lương thực trong phạm vi các huyện đồng bằng, giao nộp đủ nghĩa vụ với Trung ương và có dự trữ. Xây dựng 12 nghìn héc-ta lúa cao sản đạt 10 tấn/héc-ta ở huyện Tuy Hòa và thị xã Tuy Hòa. Trồng tập trung mía ở huyện Tuy Hòa được 3.000 héc-ta, chuẩn bị cho việc xây dựng nhà máy đường 500 tấn mía một ngày. Các huyện, thị đã chú ý việc trồng, khai thác và chế biến các loại cây làm thuốc, cây lấy sợi, cây tinh dầu...; tận dụng đất đai để trồng màu trên đất chuyển màu, trên đất một vụ lúa, trồng xen trên đất trồng cây công nghiệp, đất mới khai hoang.

Đi đôi với trồng trọt, các huyện, thị, nhất là huyện Tây Sơn, Đồng Xuân đã tích cực phát triển chăn nuôi bò, đưa đàn bò lên hơn 1 vạn con, phát triển mạnh chăn nuôi heo, gà, vịt.

Ở vùng đồng bằng các huyện, thị xã đã xây dựng lại đồng ruộng, làm tăng độ phì nhiêu của đất trên diện rộng, hoàn chỉnh các công trình thủy lợi nhỏ và vừa. Tổ chức và xây dựng các trại giống cây

con, chế biến thức ăn gia súc, phát triển ngành nghề. Các huyện, thị đã tập trung củng cố và chấn chỉnh các trạm máy kéo, tích cực phân bổ lao động, mở mang diện tích. Dưới sự chỉ đạo của tỉnh, huyện Tây Sơn đã khoanh nuôi 3.000 ha đồng cỏ ở vùng Ea trol, Eabia, Ea bá và một số nơi khác để chăn nuôi bò đàn; đồng thời củng cố nông trường quốc doanh Sơn Hội.

Các huyện, thị tập trung sức củng cố các hợp tác xã nông nghiệp, nâng cao công tác hạch toán kinh tế, đưa công tác quản lý vào nề nếp; chỉ đạo chặt chẽ việc mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động theo tinh thần Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Khuyến khích phát triển mạnh và đúng hướng kinh tế gia đình, kinh tế vườn như trồng cây xuất khẩu, cây ăn quả, cây làm thuốc, hoa các loại, cây có sợi, phát triển chăn nuôi gia đình và các ngành nghề thủ công.

Huyện Tây Sơn và Đồng Xuân ra sức bảo vệ, khôi phục và phát triển vốn rừng. Cùng với việc tận dụng lực lượng cơ giới hiện có đầu tư mở thêm một số đường vào vùng gỗ lớn, tăng nhanh lực lượng khai thác và vận chuyển thủ công, khai thác được hơn 1 vạn m<sup>3</sup> gỗ tròn. Tiếp tục trồng hơn 4.000 hecta rừng tập trung và phân tán; trong đó có hơn 2.000 hecta rừng bãi cát ven biển.

Trên địa bàn các huyện, thị đã thực hiện tốt việc giao toàn bộ rừng, đất rừng (trừ các lâm trường của tỉnh đã xác định), bãi cát cho huyện và hợp tác xã quản lý tổ chức kinh doanh theo quy hoạch chung của tỉnh, tạo điều kiện thích đáng cho tập thể, hộ gia đình được hưởng những lợi ích từ việc trồng cây, trồng rừng, bảo vệ rừng, phủ kín đất trống đồi trọc, chấm dứt một bước nạn phá rừng, cháy rừng và lãng phí lâm sản.

Về ngư nghiệp, các huyện thị chú ý tổ chức lại ngành nghề, phát triển đánh cá thủ công và các nghề truyền thống; tổ chức các tổ hợp tác, củng cố hợp tác xã nghề cá kết hợp đánh bắt, nuôi trồng, chế biến và bán buôn, tăng thêm thu nhập cho nhân dân.

Trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp các huyện thị ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, tạo thêm việc làm, tăng thêm nguồn hàng. Bình quân mỗi hợp tác xã có thu nhập trên 1 triệu đồng. Riêng hợp tác xã Hòa Bình I đã đạt 3 triệu đồng. Mạng lưới điện điêzen ở thị xã Tuy Hòa được mở rộng. Các trạm điện ở Tuy An, Đồng Xuân, Tây Sơn được củng cố và tăng cường. Tổ chức sản xuất bánh kẹo và thuốc lá điếu ở thị xã Tuy Hòa, sản xuất xà phòng ở Sông Cầu; sản xuất gốm, sành sứ ở thị xã Tuy Hòa, Tuy An.

Về giao thông vận tải, phát triển vận tải nông thôn bao gồm phát triển xe bò, xe ngựa. Củng cố các tuyến đường như: đường sắt, quốc lộ I, liên tỉnh lộ 5,7. Mở đường khai thác vùng Sông Hinh, bảo đảm thông suốt vận chuyển lương thực, nguyên liệu hàng hóa.

Trong xây dựng cơ bản, ngoài số vốn đầu tư của Trung ương cấp, tỉnh đẩy mạnh việc huy động vốn của ngân sách địa phương, vốn sự nghiệp kinh tế, vốn tín dụng ngân hàng, vốn tự có của các cơ sở tập thể và quốc doanh, vốn của nhân dân, tập trung vào củng cố, mở rộng, nâng cao các cơ sở hiện có, kết hợp với đầu tư các công trình trọng điểm. Ưu tiên đầu tư xây dựng cánh đồng cao sản huyện Tuy Hòa và thị xã Tuy Hòa; đầu tư cho các vùng cây chuyên canh cây công nghiệp, các vùng chăn nuôi tập trung, mở mang vùng Sông Hinh. Các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp cũng được tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật. Đầu tư các cơ sở dệt và công nghiệp chế biến ở thị xã Tuy Hòa, Tuy An, mở rộng giao thông miền núi và vận tải biển. Tăng thêm

năng lực cho ngành hải sản, trồng rừng, kho tàng và phương tiện phục vụ sản xuất, xuất khẩu...

Về xây dựng miền núi, trên địa bàn huyện Tây Sơn, huyện đã xây dựng và hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể; phát triển kinh tế miền núi từng bước hình thành các cụm kinh tế - văn hóa liên xã gắn với việc định canh, định cư; có chính sách khuyến khích người có vốn, có phương tiện, kỹ thuật lên làm ăn ở miền núi.

Trong phân phối lưu thông, các huyện, thị xã tăng cường quản lý thị trường, đấu tranh chống đầu cơ, làm ăn phi pháp, kiên quyết loại trừ tư thương ra khỏi thị trường lương thực, nông sản, nguyên liệu và hàng xuất khẩu; kiểm soát và quản lý lương thực tận gốc. Nhà nước nắm đại bộ phận hàng hóa, chi phối 40% hàng bán lẻ trên thị trường. Tỉnh đã tăng thêm khối lượng hàng hóa bán lẻ ở nông thôn và miền núi, nhất là những mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống hàng ngày của nhân dân.

Các huyện thị thực hiện tốt việc phân bổ lại lao động và công tác dân số, bố trí lại dân cư theo hướng đưa lên phía tây của các huyện miền núi. Tuyên truyền giáo dục rộng rãi việc thực hiện sinh đẻ có kế hoạch.

Về văn hóa xã hội, công tác giáo dục và phát huy truyền thống yêu nước được chú trọng. Kiên quyết đấu tranh quét sạch những tàn dư tư tưởng văn hóa phản động, đồi trụy, xóa bỏ những thói quen thương thức văn hóa trái với nội dung và nghệ thuật của văn hóa hiện thực Xã hội chủ nghĩa; bài trừ tệ mê tín, dị đoan. Các đài, trạm phát thanh huyện được củng cố, mở rộng. Hàng tháng các đội chiếu phim lưu động thường xuyên phục vụ cho đồng bào nông thôn, miền núi, các vùng kinh tế mới. Các địa phương chú ý thực hiện tốt chính sách đối với giáo viên miền núi và hải đảo; củng cố và mở thêm trường vừa học vừa làm, khôi phục và giữ vững phong trào bồi túc văn hóa. Củng cố mạng lưới y tế xã ở miền núi, miền biển, nâng cao chất lượng điều trị ở tuyến huyện, thị xã. Khai thác và nuôi trồng các loại dược liệu, tổ chức chế biến ở xã bảo đảm đủ thuốc chữa bệnh thông thường, nhất là thuốc cho trẻ em. Tích cực triển khai các biện pháp phòng chống sốt rét; đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao; từng bước xây dựng các Câu lạc bộ thể dục thể thao, các sân vận động huyện.

Trong công tác an ninh quốc phòng, tiếp tục làm cho mọi người thấy rõ, không chút mơ hồ về việc đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch tăng cường cấu kết, tiến hành kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt rất thâm độc và nguy hiểm đối với nước ta, hòng làm cho tình hình chính trị, kinh tế - xã hội không ổn định và suy yếu. Ban Thường vụ cấp ủy Đảng từ huyện đến cơ sở tăng cường tuyên truyền làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ chiến tranh phá hoại kinh tế là mưu đồ hiểm độc nhất trong chiến lược chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch. Đi đôi với giáo dục, nâng cao hiểu biết cảnh giác, bảo vệ kho tàng, cơ sở công nghiệp, công trình thủy lợi, điện lực. Tăng cường bảo vệ nội bộ, bảo vệ cơ quan, thực hiện nghiêm ngặt chế độ trách nhiệm cá nhân trong việc chống địch phá hoại kinh tế, gây rối thị trường và chống chiến tranh tâm lý. Cấp ủy các địa phương soát xét lại nội bộ, đề cao tổ chức kỷ luật trong cán bộ, đảng viên, công nhân viên, nói và làm theo Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước. Trừng trị đích đáng bọn chủ mưu tung tin đồn nhảm, xuyên tạc, bịa đặt, truyền bá văn hóa phản động, gieo rắc lối sống ăn chơi, sống gấp, thích hưởng thụ...

Cấp ủy và chính quyền các huyện thị phát động mạnh mẽ phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, động viên, hướng dẫn quần chúng thực hiện quyền làm chủ tập thể, tự nguyện, tự giác làm chủ

nơi cư trú, nơi sản xuất. Tích cực xây dựng các tuyến an ninh nhân dân, nhất là các huyện ven biển và các vùng giáp ranh miền núi. Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch vững mạnh, chú trọng lực lượng công an huyện và cơ sở.

Nhìn chung, từ 1981 đến 1983, các mặt kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng có nhiều tiến bộ. Sản xuất nông - công nghiệp đạt kết quả cao, nổi bật là những thành tựu trên mặt trận nông nghiệp. Đến cuối 1984, một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm đã được thực hiện như: tổng sản lượng lương thực, phát triển đàn bò, giải quyết việc làm, hằng năm sản lượng lương thực tăng bình quân 8,2%. Vùng lúa Tuy Hòa và thị xã Tuy Hòa là một trong những vùng có năng suất lúa cao nhất cả nước. Vùng Sơn Hội, Sơn Long (Sơn Hòa) Sơn Thành (Tuy Hoà), Eabá-Eaba (Sông Hinh) hình thành và phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp. Cơ sở vật chất kỹ thuật của các hợp tác xã nông nghiệp được tăng thêm, phát triển nhiều ngành nghề, giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động. Các hợp tác xã đã nhận hơn 2 vạn hecta rừng, đất rừng để sản xuất kinh doanh có hiệu quả; thực hiện tốt mô hình nông - lâm kết hợp trên đất trồng đồi trọc; vùng cát ven biển (Bình Kiến, Hòa Hiệp).

Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 5 (khóa III) đã đánh giá tình hình kinh tế - xã hội trong 3 năm 1981-1983 và đề ra nhiệm vụ trong 2 năm 1984-1985 giải quyết cho được các vấn đề then chốt cấp bách đó là: Tập trung sức phát triển nông nghiệp toàn diện, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn Xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh công nghiệp chế biến nông lâm hải sản và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, kết hợp chặt chẽ nông nghiệp, công nghiệp từ cơ sở trên địa bàn huyện, xây dựng các cụm kinh tế kỹ thuật, hình thành một bước cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp huyện, công - nông nghiệp tỉnh. Kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng mà xây dựng là chủ yếu, kiện toàn và nâng cao chất lượng kinh tế quốc doanh mở rộng và chấn chỉnh thị trường có tổ chức, tạo thế cân đối từ 4 nguồn khả năng thực hiện phương châm Trung ương và địa phương cùng làm, nhà nước và nhân dân cùng làm, liên kết kinh tế giữa các huyện, các cơ sở sản xuất, các Hợp tác xã trong tỉnh giữa tỉnh với các tỉnh bạn.

Về thủy sản, từ đầu 1985 đã hạn chế được mức giảm sút về năng lực đánh bắt và sản lượng. Bình quân trong năm đánh bắt được trên 3 vạn tấn, thu mua 2,3 vạn tấn; mở rộng hơn 1.000 ha mặt nước nuôi trồng thủy sản; có bước phát triển mới về nghề nuôi tôm sú.

Về công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, giá trị sản lượng từ 1983 - 1985, tăng bình quân hàng năm 22,1%. Khối lượng vận chuyển hàng hóa hành khách tăng bình quân 18%, xây dựng cầu đường 20%. Nhiều ngành nghề và cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp được mở rộng, có thêm nhiều mặt hàng mới cho tiêu dùng và xuất khẩu.

Tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất đi đôi với thực hiện chính sách khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất có bước phát triển mới; nhiều hợp tác xã làm ăn khá, giải. Ở huyện Tuy Hòa có 72% hợp tác xã khá, giải, không có yếu kém. Việc cải tạo ngành hải sản đến nay có 64% lao động với 60% công suất tàu thuyền vào làm ăn tập thể.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa V) về phân phối lưu thông Nhà nước phải nắm hàng, nắm tiền, làm chủ thị trường và giá cả, tăng nhanh mọi nguồn thu bảo đảm cung cấp đủ 9 mặt hàng theo đúng định lượng, chất lượng và thời gian cho người ăn lương. Tỉnh đã cố gắng phấn đấu từng bước duy trì ổn định thị trường phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Thực hiện nắm hàng bằng nhiều phương

thức linh hoạt thu thuế, thu mua theo giá chỉ đạo và giá thỏa thuận, chủ yếu là theo hợp đồng kinh tế 2 chiều.

Từ 1983 - 1985, trên mặt trận phân phối lưu thông tuy đã thu được những thắng lợi quan trọng, nhưng từ tháng 10 - 1985 trở đi tình hình diễn biến phức tạp, bộc lộ nhiều yếu kém trong nhận thức, chỉ đạo và điều hành; kỷ cương quản lý bị vi phạm, giá cả thị trường biến động mạnh. Việc nâng giá tùy tiện của thị trường có tổ chức, gây tâm lý giữ hàng, chờ giá; tư thương lợi dụng cơ hội tự do hoạt động, đẩy giá lên cao, gây rối thị trường ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

Giá cả, tiền lương, tài chính tiền tệ là những vấn đề nóng bỏng liên quan trực tiếp đến sản xuất kinh doanh và đời sống, để đổi mới kế hoạch hóa hạch toán kinh doanh Xã hội chủ nghĩa. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (khóa V), Tỉnh ủy Phú Khánh có Nghị quyết số 23 NQ/TU về chủ trương biện pháp thực hiện trả lương bằng tiền cho tất cả các đối tượng hưởng lương, phụ cấp lương, phạm vi trả lương gồm các mặt hàng định lượng như: gạo, cá thịt, nước mắm, củi... đã góp phần làm rõ yêu cầu bức bách phải xóa bỏ chế độ tập trung quan liêu bao cấp chuyển hẳn sang hạch toán kinh tế và kinh doanh Xã hội chủ nghĩa mà trước hết là xóa bỏ bao cấp trong giá - lương - tiền. Đây là khâu đột phá có tính quyết định để chuyển sang cơ chế mới.

Từ năm 1983 đến thời điểm thu đổi tiền năm 1985, ngân hàng bội thu tiền mặt, cùng với những tồn tại trên mặt trận phân phối lưu thông, gây khó khăn biến động của tình hình. Nhưng sự chỉ đạo của Tỉnh ủy thiếu tập trung, kiên quyết; Ủy ban nhân dân tỉnh trong điều hành công việc không nắm chắc tình hình, không kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh.

Năm 1985, về giáo dục, cứ 3,5 người dân có 1 người đi học, nhưng chất lượng giáo dục chưa cao, phát triển không đồng đều giữa các vùng. Tỷ lệ phát triển dân số 1,7%/năm, các dịch bệnh, bệnh xã hội giảm; cứ 1 vạn dân có 32 giường bệnh. Ở các huyện, thị đều thực hiện tốt chỉ tiêu xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Phong trào thể dục thể thao có nhiều tiến bộ.

Tuy vậy, đời sống văn hóa phát triển chưa đồng đều giữa các vùng, cấp ủy Đảng và chính quyền chưa quan tâm thích đáng đến vùng núi và vùng ven biển. Việc tổ chức đưa lao động đến các vùng kinh tế mới, tổ chức các đội thanh niên xung kích lao động ở các công trình tỉnh, huyện có tiến bộ, nhưng còn hàng vạn lao động chưa thật sự tham gia lao động, hàng vạn người không đủ việc làm. Chính sách xã hội còn nhiều thiếu sót, có việc không công bằng. Công tác phổ biến thông tin tiến bộ khoa học kỹ thuật còn thấp. Sử dụng cán bộ khoa học kỹ thuật chưa cao, bố trí trái ngành nghề, chính sách đãi ngộ chưa thỏa đáng và chưa được quan tâm đúng mức.

Từ 1984 đến 1985, tình hình kinh tế còn gặp nhiều khó khăn nhưng đời sống nông dân tương đối ổn định, có mặt cải thiện so với trước. Song nhân dân miền núi, vùng ven biển, hải đảo còn khó khăn. Mức sống của những người ăn lương, lực lượng vũ trang giảm sút. Năng suất lao động thu nhập của xã viên hợp tác xã thấp. Phong trào làm ăn tập thể ở miền núi, vùng biển chuyển biến chậm.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về việc thành lập đoàn chuyên gia giúp đỡ cách mạng Campuchia, từ năm 1983, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Khánh quyết định thành lập đoàn chuyên gia



tỉnh Phú Khánh sang giúp đỡ tỉnh Stungtreng của Campuchia<sup>14[14]</sup> do đồng chí Nguyễn Quyết, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh làm trưởng đoàn; đồng chí Bùi Khắc Phục, Phó Ban Tổ chức Tỉnh ủy làm Phó đoàn. Đến tháng 5-1985, thực hiện Thông báo của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc cử một đồng chí ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy sang Stung treng làm Trưởng đoàn thay cho đồng chí Nguyễn Quyết, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Khánh đã phân công đồng chí Huỳnh Trúc, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy sang Stung treng làm Trưởng đoàn<sup>15[15]</sup> thay đồng chí Nguyễn Quyết. Đoàn chuyên gia tỉnh Phú Khánh có nhiệm vụ giúp đỡ tỉnh Stung treng trên các lĩnh vực tổ chức, an ninh, nông nghiệp, ngân hàng và xây dựng huyện. Cùng với Đoàn chuyên gia của tỉnh đóng ở Stung treng, lực lượng quân sự của tỉnh Phú Khánh (trước năm 1985 là Tiểu đoàn 96, sau đó thay bằng Tiểu đoàn 97) phối hợp với lực lượng quân sự của tỉnh Đắc Lắc đóng quân tại tỉnh Mônđônkiri có nhiệm vụ giúp tỉnh bạn xây dựng lực lượng vũ trang và tiến hành truy quét, tiêu diệt tàn quân Khơ me đỏ hoạt động ở khu này<sup>16[16]</sup>.

Đi đôi với lãnh đạo thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm 1981-1985, công tác xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng được chú trọng. Thực hiện phương châm xây dựng Đảng mà Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đề ra, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các Huyện ủy, Thị ủy đã đạt được những kết quả quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, xây dựng, củng cố và kiện toàn bộ máy lãnh đạo các cấp.

Các Đảng bộ đã chú ý công tác giáo dục nhận thức cách mạng cho cán bộ đảng viên về lập trường giai cấp công nhân, sự giác ngộ về chủ nghĩa cộng sản luôn nêu cao ý chí cách mạng tiến công. Nâng cao năng lực hành động một cách tự giác, nói và làm theo nghị quyết chỉ thị của Đảng, chống tư tưởng hoài nghi bi quan ngại khó. Nâng cao cảnh giác cách mạng đối phó kịp thời và hiệu quả kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Đảng, bảo vệ Tổ quốc Xã hội chủ nghĩa. Thường xuyên rèn luyện và nâng cao phẩm chất và đạo đức cách mạng của người Cộng sản, sống có lý tưởng và có nhiệt tình cách mạng cao, trung thực gần gũi gắn bó với quần chúng nhân dân.

Qua các đợt sinh hoạt chính trị, phát thẻ đảng viên và qua các phong trào cách mạng của quần chúng, đại đa số cán bộ đảng viên đã thể hiện rõ phẩm chất cách mạng, trung thành với Đảng, tận tụy với nhiệm vụ được giao. Trong đợt tổng kết công tác phát thẻ đảng viên (cuối năm 1982) theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, các Huyện, Thị ủy tiếp tục xem xét tư cách đảng viên, thanh lọc những đảng viên không nhất trí với đường lối, nghị quyết, chỉ thị của Đảng; thoái hóa biến chất, tham ô, móc ngoặc, ức hiếp quần chúng ra khỏi Đảng, nhằm xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh và ngày càng gắn bó chặt chẽ với quần chúng.

---

<sup>14[14]</sup> Việc giúp tỉnh Stung treng theo phân công của Quân khu V, lúc đầu do tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng phụ trách, do đồng chí Ngô Xuân Hạ, UVBTV Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn và đ/c Nguyễn Sanh Tỉnh ủy viên làm Phó đoàn. Đến năm 1983, Quảng Nam - Đà Nẵng bàn giao cho tỉnh Phú Khánh.

<sup>15[15]</sup> Ngoài ra, Đoàn chuyên gia Phú Khánh còn có: đ/c Nguyễn Ngọc Xuân, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Nông nghiệp làm Phó đoàn; đ/c Trần Văn On, Phó Ban Tổ chức Tỉnh ủy làm Phó đoàn; đ/c Nguyễn Văn Phú, Phó Giám đốc Công an tỉnh làm Phó đoàn; đ/c Đào Tấn Lộc, Kỹ sư nông nghiệp, chuyên gia sản xuất nông nghiệp; đ/c Hữu Hồng Thái, chuyên gia an ninh; đ/c Lê Huy Tuất, chuyên gia tổ chức; đ/c Nguyễn Ninh, chuyên gia ngân hàng; và tổ chuyên gia huyện gồm 3 người do đ/c Lưu, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Tuy Hoà phụ trách.

<sup>16[16]</sup> Đoàn chuyên gia Phú Khánh ở Stung treng đến năm 1988 rút về nước, còn đoàn quân sự đóng ở Mônđônkiri đến năm 1989 mới rút về.

Bộ máy lãnh đạo các cấp của Đảng từng bước được kiện toàn. Tuổi đời bình quân của cấp ủy khóa sau thấp hơn khóa trước từ 1-2 tuổi. Đội ngũ cán bộ chỉ đạo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật được rèn luyện và thử thách trong công tác, tích lũy được thêm nhiều kiến thức mới về quản lý kinh tế và kinh nghiệm công tác, đáp ứng một bước yêu cầu của Đảng bộ trong giai đoạn mới.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (1/1983), trên cơ sở quán triệt và phổ biến sâu rộng Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ V của Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ các huyện, thị đã phát động mạnh mẽ phong trào cách mạng của quần chúng, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng ở các cấp, đẩy mạnh đồng thời 3 cuộc cách mạng, kết hợp chặt chẽ cải tạo với xây dựng, xây dựng với cải tạo để hoàn thành tốt cải tạo Xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất Xã hội chủ nghĩa và lực lượng sản xuất mới ngày càng lớn mạnh, ra sức xây dựng huyện, tăng cường xây dựng miền núi, bảo đảm thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược, 4 mục tiêu kinh tế - xã hội và hoàn thành tốt nghĩa vụ quốc tế.

Cấp ủy các huyện, thị không chỉ nắm vững nội dung kinh tế của chặng đường đầu tiên xây dựng tư tưởng công nghiệp hóa sản xuất lớn, mà còn kiên quyết chỉ đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa. Nắm vững cuộc đấu tranh giữa "2 con đường", với tinh thần tự lực vươn lên, chủ động sáng tạo, chống quan liêu bao cấp và cục bộ địa phương, tạo điều kiện phát triển mạnh mẽ nền kinh tế địa phương.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) về việc tăng cường khả năng tổ chức thực hiện và quản lý của bộ máy chính quyền các cấp, Tỉnh ủy đã chỉ đạo kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước cấp huyện, xây dựng và củng cố bộ máy chính quyền xã, phường đảm bảo quản lý toàn diện, điều hành có kết quả các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh.

Từ cuối năm 1983, hoàn thành việc phân cấp quản lý toàn diện cho huyện về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, quốc phòng an ninh, trực tiếp chỉ đạo các tổ chức sản xuất kinh doanh, xây dựng hợp lý cơ cấu kinh tế huyện, bố trí hợp lý cán bộ, sắp xếp và hoàn chỉnh bộ máy cấp huyện. Phân công người chịu trách nhiệm cụ thể từng công việc; xây dựng phong cách làm việc khẩn trương, năng động, sáng tạo, khoa học; xây dựng chế độ trách nhiệm và chế độ kiểm tra nghiêm ngặt đối với mọi tổ chức, mọi cá nhân trên mọi lĩnh vực công tác, đưa công tác kiểm tra, kiểm soát vào nền nếp.

Cấp ủy và chính quyền các cấp thường xuyên phổ biến, giáo dục, giải thích sâu rộng pháp luật cho các tầng lớp nhân dân. Công tác kiểm sát, thanh tra được tiến hành liên tục và có biện pháp xử lý nghiêm các hoạt động vi phạm quyền làm chủ tập thể của nhân dân. Kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, bọn lưu manh, côn đồ, bọn đầu cơ, buôn lậu, tham ô, xử lý nghiêm những cán bộ, nhân viên lợi dụng chức quyền để tư lợi, tham ô, ức hiếp quần chúng.

Song song với việc kiện toàn củng cố bộ máy của các đoàn thể, cấp ủy các huyện, thị đã chú trọng đến chất lượng hoạt động của các đoàn thể, từng bước thay đổi phương thức hoạt động cho phù hợp với điều kiện mới, năng động, nhạy bén trước những vấn đề mới nảy sinh trong cuộc sống với hình thức và nội dung thích hợp, khắc phục bệnh quan liêu, giản đơn trong tổ chức và sinh hoạt. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo các đoàn thể cấp huyện được tăng cường, bảo đảm có cán bộ chuyên trách thông thạo nghiệp vụ,

niệt tình hoạt động; đồng thời sử dụng lực lượng không chuyên trách giúp các đoàn thể sát cơ sở, gần gũi quần chúng nhiều hơn.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các huyện, thị thể hiện tốt vai trò nòng cốt trong các phong trào cách mạng của quần chúng, đẩy mạnh phong trào "3 xung kích làm chủ tập thể" thực hiện tốt "5 chương trình" do Trung ương Đoàn phát động. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện Tuy Hòa và thị xã Tuy Hòa đi đầu thực hiện xây dựng cánh đồng cao sản, trồng cây, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Các cấp bộ Đoàn tích cực vận động đoàn viên và thanh niên tham gia xây dựng Đảng, giới thiệu những đoàn viên ưu tú để bồi dưỡng kết nạp Đảng; thực hành tiết kiệm, học tập, rèn luyện và xây dựng cuộc sống mới; đồng thời thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục thiếu niên, nhi đồng. Phát động thiếu niên nuôi gà, bảo vệ cây trồng, cổ động giữ gìn trật tự, vệ sinh đường phố, làng xóm... Hội nông dân tập thể các huyện, thị giáo dục nông dân thâm canh tăng năng suất cây trồng, ra sức xây dựng và củng cố các Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất. Hội viên nông dân đi đầu trong việc phát triển nông nghiệp, đẩy mạnh khai hoang mở rộng diện tích. Hội Liên hiệp phụ nữ các huyện, thị giáo dục động viên phụ nữ xây dựng người phụ nữ mới, chăm lo phúc lợi, tham gia phong trào tiết kiệm và sinh đẻ có kế hoạch, phát triển kinh tế gia đình. Tổ chức Công đoàn thường xuyên tổ chức và đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu, tham gia quản lý Nhà nước, chăm lo đời sống công nhân, viên chức, làm nòng cốt trong phong trào thi đua Xã hội chủ nghĩa. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các huyện, thị xã tăng cường đoàn kết mọi lực lượng yêu nước, động viên quần chúng trong các tôn giáo, dân tộc, trí thức hăng hái tham gia lao động sản xuất, thực hiện đúng pháp luật.

Cho đến cuối năm 1985, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ các cấp đã quán triệt và thực hiện nghiêm túc nhiệm vụ chung về xây dựng Đảng, nâng cao chất lượng lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Mỗi huyện, thị ra sức xây dựng Đảng bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, chăm lo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phát động mạnh mẽ phong trào cách mạng của quần chúng, đảm bảo đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng được phổ cập rộng rãi trong quần chúng nhân dân.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Khánh xác định công tác xây dựng Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, trong đó công tác tư tưởng và công tác tổ chức phải kết hợp chặt chẽ với nhau và phải xuất phát từ đường lối, nhiệm vụ chính trị, chú trọng tăng cường công tác xây dựng Đảng ở huyện và cơ sở. Công tác tư tưởng phải có tính chiến đấu sắc bén, kiên quyết phê phán và đấu tranh khắc phục những khuynh hướng chính trị và tư tưởng sai lầm, lối sống không lành mạnh, chống lại những luận điệu phản tuyên truyền và các thế lực thù địch, vạch trần và đánh bại chiến tranh tâm lý của chúng, giữ vững không khí lành mạnh về chính trị, tư tưởng trong Đảng và trong xã hội. Gắn chặt công tác tư tưởng với thực hiện nhiệm vụ chính trị trước mắt với công tác tổ chức, phấn đấu tổ chức tốt đời sống vật chất và văn hóa của quần chúng.

Năm 1983, số lượng đảng viên của Đảng bộ tăng gấp 4,3 lần so với năm 1975. Hầu hết các xã phường, đơn vị sản xuất kinh doanh, các cơ sở hành chính sự nghiệp đều có tổ chức Đảng. Thực hiện các Nghị quyết của Trung ương về củng cố tổ chức Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên thực hiện tự

phê bình và phê bình đấu tranh chống tiêu cực có tiên bộ, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của nhiều tổ chức cơ sở Đảng được nâng lên. Đi đôi với công tác xây dựng Đảng, công tác xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện theo Chỉ thị số 33 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 33 của Hội đồng Bộ Trưởng về tổ chức bộ máy chính quyền tỉnh đã thực hiện phân cấp, phân công quản lý giữa các ngành trong tỉnh, tăng cường phân cấp quản lý cho huyện, bước đầu giao cho huyện quản lý các đơn vị kinh tế, văn hóa xã hội trên địa bàn. Chính vì vậy, các huyện, thị đã phát huy được sự chỉ đạo của mình trong công cuộc cải tạo Xã hội chủ nghĩa và xây dựng Chủ nghĩa xã hội, tăng cường công tác quốc phòng - an ninh, phát triển kinh tế - xã hội, chăm lo đời sống của nhân dân.

Các Đảng bộ chú ý giáo dục nhận thức cách mạng cho cán bộ đảng viên về lập trường giai cấp công nhân, sự giác ngộ về lý tưởng Cộng sản chủ nghĩa, luôn nêu cao ý chí cách mạng tiến công. Nâng cao năng lực hành động một cách tự giác, nói và làm theo chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chống tư tưởng hoài nghi, bi quan, ngại khó, chống tư tưởng và hành động tự do, tùy tiện, vô tổ chức, bàng quan thiếu trách nhiệm. Nâng cao cảnh giác cách mạng, đối phó kịp thời và hiệu quả kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Đảng, bảo vệ Tổ quốc Xã hội chủ nghĩa. Khắc phục tư tưởng tiểu tư sản, tư tưởng của người sản xuất nhỏ, những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, thường xuyên rèn luyện và nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của người cộng sản. Sống có lý tưởng, nhiệt tình cách mạng cao, trung thực, gần gũi và gắn bó với quần chúng.

Giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất là một nhiệm vụ xuyên suốt của các Đảng bộ; giữ và chấp hành đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, xây dựng nền nếp tự phê bình và phê bình, kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những phần tử cơ hội, nịnh hót, kéo bè, kéo cánh, gây mất đoàn kết nội bộ. Các trường Đảng huyện và tỉnh thường xuyên mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ, đồng thời chọn những cán bộ trẻ có triển vọng đưa đi đào tạo dài hạn để thay thế các đồng chí lớn tuổi, sức khỏe yếu.

Nhờ làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng mà cơ cấu của cấp ủy các cấp dần dần được đổi mới theo hướng hạ thấp tuổi đời bình quân. Đưa thêm vào cấp ủy nhiều cán bộ trẻ, nữ, cán bộ công tác ở cơ sở sản xuất, kinh doanh, có trình độ văn hóa, trình độ quản lý kinh tế, khoa học kỹ thuật, nhạy cảm với cái mới, tiếp thu và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, có quyết tâm cách mạng cao, có năng lực tổ chức thực hiện. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng trên các lĩnh vực công tác, thể hiện được yêu cầu và trách nhiệm trong lãnh đạo xây dựng kinh tế, lãnh đạo văn hóa, quốc phòng, an ninh...

Vấn đề quyết định nhất trong công tác xây dựng Đảng là cán bộ. Cấp ủy các huyện, thị tiến hành đổi mới phương pháp lựa chọn và quản lý cán bộ. Thực hiện tốt nguyên tắc tập thể trong việc lựa chọn, đề bạt, thi hành kỷ luật đối với cán bộ. Cải tiến việc nắm tình hình, thực hiện đúng chế độ thông tin, bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời phục vụ tốt sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy. Xây dựng quy chế làm việc của các cấp ủy, từng cấp ủy viên đã phát huy tốt trách nhiệm và khả năng của mình trong lãnh đạo tập thể.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, vai trò của chính quyền và hệ thống bộ máy quản lý Nhà nước rất quan trọng, nhưng trên thực tế, bộ máy quản lý Nhà nước còn cồng kềnh kém hiệu lực, cán bộ thiếu kinh nghiệm và kiến thức trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội; kỷ cương của Đảng và Nhà nước bị

buông lảng

Trong công tác xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức việc giữ gìn đoàn kết nội bộ và đấu tranh nội bộ yếu, kỷ cương không nghiêm làm giảm hiệu lực và uy tín lãnh đạo của Đảng và chính quyền. Có số cán bộ đảng viên thoái hóa biến chất, xoay xở vụ lợi cá nhân, tham gia bóc lột, làm ăn phi pháp. Một số đảng viên có chức có quyền sống thiếu gương mẫu. Một số cán bộ lãnh đạo gia trưởng, độc đoán, bệnh thành tích, không dám nghe và nhìn thẳng vào sự thật, quan liêu. Trong sinh hoạt Đảng thiếu dân chủ nội bộ, kỷ cương lơ lảng. Hiện tượng vô tổ chức kỷ luật của cán bộ, đảng viên của một số cơ quan các cấp trong chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng cấp trên chưa được nghiêm khắc xử lý.

### **III- NHỮNG NĂM ĐẦU THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986–1989)**

Bước sang năm 1986, tiếp tục thực hiện đường lối phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V đề ra, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo phát triển nông nghiệp toàn diện, thực hiện một bước mạnh mẽ về thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Đồng thời, thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra kế hoạch phổ biến và tổ chức học tập nghị quyết về tận cơ sở, đưa tinh thần nội dung của Nghị quyết vào xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1986 và chương trình hành động cách mạng cho từng địa phương, từng ngành.

Ngày 15/4/1986, toàn tỉnh tiến hành tổ chức đợt sinh hoạt chính trị thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư và kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tự phê bình và phê bình, tiến tới Đại hội Đảng các cấp. Trong đợt sinh hoạt chính trị này Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Khánh đã quyết định điều động một số đồng chí ở các ban, ngành làm phái viên của Tỉnh ủy tham gia sinh hoạt ở các Huyện ủy, Thị ủy. Sau đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình theo Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương đã có một số đồng chí được tăng cường làm Bí thư, Chủ tịch ở các huyện, thị như Sông Cầu, Đồng Xuân, Tuy An, Thị xã Tuy Hoà...

Tiến tới Đại hội Đảng các cấp, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, các cơ quan ban ngành và các địa phương trong tỉnh phát động phong trào thi đua trong công nhân viên chức và nhân dân lao động. Cán bộ công nhân viên tham gia sắp xếp lại sản xuất kinh doanh, bố trí lao động, giải quyết việc làm cho một số lao động dôi ra do không đủ vật tư, nguyên liệu, khai thác nguồn vật tư tại chỗ tăng chất lượng sản phẩm. Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời giải quyết khó khăn cho cơ sở, như điều chỉnh giá mua hàng nông sản thực phẩm, tăng phụ cấp và hiện vật cho công nhân các ngành nghề độc hại.

Tháng 5/1986, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triệu tập Hội nghị cán bộ chủ chốt các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các Huyện ủy, Thị ủy và Đảng ủy trực thuộc để giới thiệu dự thảo Đề cương báo cáo chính trị tự phê bình của Thường vụ Tỉnh ủy, kết luận tự phê bình và phê bình tại Hội nghị lần thứ 14, đồng thời hướng dẫn tham gia ý kiến vào dự thảo đề cương báo cáo của Tỉnh ủy và cách tiến hành tự phê bình và phê bình ở các cấp.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công các đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên phụ trách các Ban Đảng cùng với chuyên viên, cán bộ các Ban của Tỉnh ủy về trực tiếp chỉ đạo, theo dõi đợt sinh hoạt chính trị ở các ngành, các huyện, thị. Đợt sinh hoạt chính trị được tiến hành khẩn trương nghiêm túc chặt chẽ có tác dụng thiết thực và ảnh hưởng tốt đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Đồng thời với đợt sinh hoạt chính trị, tỉnh tổ chức kỷ niệm 96 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh với

nhiều hình thức hoạt động phong phú; gắn việc học tập tư tưởng, đạo đức cách mạng của Người với đợt sinh hoạt tự phê bình và phê bình nhằm nâng cao niềm tin và sự biết ơn sâu sắc đối với Đảng và Bác Hồ vĩ đại.

Đợt sinh hoạt chính trị được tiến hành khẩn trương, nghiêm túc chặt chẽ có tác dụng thiết thực và ảnh hưởng tốt đến tư tưởng cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Quá trình sinh hoạt chính trị, tự phê bình và phê bình thể hiện sự nghiêm túc, thẳng thắn dám nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật của đảng viên nói chung và Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh nói riêng.

Từ ngày 20 đến ngày 26-10-1986, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Phú Khánh lần thứ IV được tiến hành tại thành phố Nha Trang. Dự Đại hội có 409 đại biểu chính thức, thay mặt cho 1,7 vạn đảng viên thuộc 904 chi bộ cơ sở ở các đảng bộ huyện, thị và các cơ quan trực thuộc trong toàn tỉnh.

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh nêu bật tinh thần tự lực tự cường, đoàn kết một lòng, phát huy tư tưởng cách mạng tiến công, từng bước nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo, quyết tâm thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, 4 mục tiêu kinh tế - xã hội và hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III đề ra. Báo cáo cũng chỉ rõ những âm mưu thâm độc, thủ đoạn xảo quyệt của địch trong việc tiến hành chiến tranh phá hoại nhiều mặt hòng gây khó khăn cho ta. Vì vậy việc giáo dục nhân dân tham gia làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh địa phương luôn được chú trọng.

Về công tác xây dựng Đảng, Đại hội ghi nhận việc xuất hiện ngày càng nhiều những nhân tố mới trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, quốc phòng, an ninh. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh quán triệt, vận dụng đường lối cách mạng của Đảng vào thực tiễn địa phương, phát huy sức mạnh tổng hợp chuyên chính vô sản, kết hợp phát triển kinh tế với làm tốt công tác tư tưởng và văn hoá, nhằm xây dựng con người mới Xã hội chủ nghĩa. Ban Chấp hành Đảng bộ nêu cao vai trò lãnh đạo của Đảng, nắm vững bản chất của giai cấp công nhân, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV đã căn cứ vào đường lối chung, đường lối kinh tế của Đảng và nhiệm vụ chung của cả nước, căn cứ vào thực tiễn, trên cơ sở tiềm năng, thế mạnh đa dạng, phong phú của địa phương đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu của tỉnh trong giai đoạn 1986-1990 là: *Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất theo cơ cấu kinh tế, ổn định tình hình kinh tế – xã hội, ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân; tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, thực hiện cơ chế quản lý mới; tiếp tục củng cố an ninh, quốc phòng và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.*

*Phát triển mạnh mẽ, vững chắc, toàn diện nông nghiệp, củng cố và không ngừng hoàn thiện quan hệ sản xuất Xã hội chủ nghĩa, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thúc đẩy sản xuất phát triển; huy động mọi nguồn vốn tập trung xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật; cải tiến mạnh mẽ các hoạt động phân phối lưu thông; tăng cường hợp tác kinh tế, hạn chế tỉ lệ tăng dân số; đẩy mạnh các hoạt động văn hoá xã hội; xây dựng nền văn hoá mới, con người mới Xã hội chủ nghĩa; tăng cường công tác quốc phòng an ninh.*

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 45 đồng chí uỷ viên chính thức, 15 đồng chí uỷ viên dự khuyết và bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Hội nghị Tỉnh uỷ lần thứ nhất (khoá IV) bầu Ban Thường vụ gồm 15 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Duy Luân được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ. Hội nghị thông qua quy chế làm việc của Tỉnh uỷ và chương trình làm việc những tháng cuối năm

1986.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh, một sự kiện chính trị hết sức quan trọng diễn ra là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 18-12-1986. Đại hội VI đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đánh dấu bước chuyển biến rất quan trọng trong nhận thức của Đảng về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đại hội chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn, tăng cường đổi mới tư duy, kiên quyết xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Nhìn lại năm 1986, là một năm đầy khó khăn thử thách, hết sức phức tạp, công nhân lao động thường xuyên không đủ việc làm, giá cả thị trường biến động, thiên tai kéo dài, đời sống cán bộ - công nhân viên và các tầng lớp nhân dân lao động vô cùng khó khăn, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, các tầng lớp nhân dân lao động vẫn phát huy tinh thần sáng tạo, ý thức tự lực tự cường, thi đua thực hiện các công trình sản phẩm mới, phấn đấu để hoàn thành kế hoạch Nhà nước, tự giác giải quyết, tháo gỡ khó khăn, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật. Nền kinh tế đạt nhiều kết quả đáng khích lệ, quan hệ sản xuất Xã hội chủ nghĩa được xây dựng và củng cố. Đó là tín hiệu đáng mừng khởi đầu cho sự nghiệp đổi mới quê hương, tạo tiền đề cần thiết để tiếp tục ổn định và phát triển kinh tế - xã hội cho những năm tiếp theo.

Từ đầu năm 1987, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Đảng bộ đã tập trung giải quyết những vấn đề bức bách về kinh tế - xã hội.

Tháng 1/1987, Tỉnh ủy Phú Khánh tổ chức Hội nghị quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng và những vấn đề then chốt của tỉnh trong năm 1987. Hội nghị đánh giá những thành tựu đã đạt được trong năm 1986 cũng như những tồn tại yếu kém cần phải được khắc phục. Hội nghị đề ra phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp thực hiện kế hoạch, phát triển mạnh những tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với củng cố quan hệ sản xuất Xã hội chủ nghĩa. Trong đó, tập trung thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn đến năm 1990: lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu để sớm khắc phục khó khăn về phân phối lưu thông, ổn định đời sống cho cán bộ, nhân dân. Mục tiêu chung của 3 chương trình kinh tế được xác định rõ:

- Bảo đảm nhu cầu lương thực của xã hội, có dự trữ, đáp ứng một cách ổn định nhu cầu thiết yếu về thực phẩm.

- Đáp ứng được nhu cầu của nhân dân về hàng tiêu dùng thiết yếu.

- Tập trung mặt hàng xuất khẩu chủ lực, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Khánh phân công một số đồng chí Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách xây dựng từng chương trình một. Các tổ chức cung ứng vật tư, thương nghiệp quốc doanh và tập thể có nhiều chuyển biến và đạt hiệu quả khá tốt trong việc cung ứng vật tư. Các hợp đồng kinh tế được mở rộng, tăng cường thu mua các mặt hàng tiêu dùng ở địa phương, tạo điều kiện cho người tiêu dùng và động lực kích thích cho các đầu mối sản xuất hàng tiêu dùng phát triển.

Cùng với đổi mới về kinh tế, Đảng ta hết sức chú trọng đến đổi mới về chính trị, nhằm xây dựng nền dân chủ Xã hội chủ nghĩa. Ngày 20/1/1987, Bộ chính trị ra Chỉ thị về việc lãnh đạo cuộc bầu cử Đại

biểu Quốc hội khoá VIII phải được tiến hành thật sự dân chủ.

Từ tháng 2 đến tháng 4/1987, toàn tỉnh tập trung chỉ đạo thực hiện chỉ thị số 01 của Bộ chính trị về bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân hai cấp (huyện, xã). Cuộc bầu cử được tiến hành nghiêm túc, trật tự, bảo đảm theo đúng luật định. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận các cấp, công tác bầu cử bảo đảm nguyên tắc thật sự dân chủ và đổi mới.

Từ sau Đại hội VI của Đảng, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, phát huy dân chủ Xã hội chủ nghĩa, báo Nhân dân đã đăng các bài viết của đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng về "Những việc cần làm ngay". Phong trào hưởng ứng "Những việc cần làm ngay" trên diễn đàn báo chí ở Phú Khánh thật sự tạo ra không khí sôi nổi trong toàn Đảng, toàn dân. Thông qua đó, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Thông báo về việc tăng cường tiếp dân hàng tuần, tạo chuyển biến tích cực trong đổi mới nhận thức cho cán bộ, đảng viên. Đảng bộ các huyện thị phát động phong trào phê bình và tự phê bình công khai, rộng rãi từ dưới lên. Tuy nhiên, trong quá trình tiến hành phong trào dân chủ phê bình, tự phê bình trên báo chí, xuất bản phẩm, một số bài viết phản ánh thiếu chính xác làm ảnh hưởng đến trật tự an ninh xã hội và dư luận xã hội.

Thực hiện Chỉ thị 80-CT/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về việc xoá bỏ tình trạng ngăn sông cấm chợ, trên địa bàn Bắc Phú Khánh, các trạm kiểm soát trên trục đường quốc lộ 1A, đường số 7, đường số 5 từ Phú Lâm đi Sông Hinh, đường số 6 từ Chí Thạnh đi Đồng Xuân được xoá bỏ. Vấn đề khó khăn trong lưu thông được khắc phục, nhân dân phấn khởi đi lại buôn bán, chấm dứt tình trạng “ngăn sông cấm chợ”, mở ra một hướng phát triển mới, ổn định tình hình phân phối lưu thông. Tuy vậy, trong quá trình triển khai Chỉ thị 80, tỉnh chưa có phương án chuyển đổi phương thức hoạt động phù hợp, nhất là công tác quản lý thị trường, nờn còn nhiều sơ hở cho nạn đầu cơ buôn lậu, trốn thuế.

Để nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới, ngày 12/9/1987, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Nghị quyết về cuộc vận động "Làm trong sạch, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội". Nghị quyết nêu rõ cuộc vận động này là cuộc đấu tranh giữa đổi mới và bảo thủ trì trệ, giữa tư tưởng Xã hội chủ nghĩa và Tư bản chủ nghĩa, cũng là cuộc đấu tranh chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch. Tiếp đó ngày 19/9/1987, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị hướng dẫn các tổ chức đảng nhanh chóng triển khai cuộc vận động.

Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị và Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 24/11/1987, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ có kế hoạch số 251 thực hiện cuộc vận động "làm trong sạch, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng và bộ máy Nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội". Các cấp uỷ, các cơ quan ban ngành trong tỉnh đã tổ chức quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị, vận động xây dựng phẩm chất đạo đức cán bộ, đảng viên, xây dựng con người mới, nếp sống mới Xã hội chủ nghĩa, thiết lập lại trật tự kỷ cương trong Đảng, trong bộ máy Nhà nước. Các cấp uỷ Đảng đã chỉ đạo xử lý nghiêm minh, chính xác, có trọng điểm những vụ vi phạm kỷ luật và rút ra những bài học kinh nghiệm để giáo dục cán bộ, đảng viên, nhân dân.

Trong quá trình tiến hành cuộc vận động, cấp ủy Đảng đã xem xét kỷ luật những đảng viên thoái hoá biến chất; đồng thời đề bạt, bổ trí những đồng chí có đủ năng lực, phẩm chất đạo đức, giữ những



chức vụ chủ chốt ở các huyện, thị và các sở ban ngành.

Về kinh tế, Tỉnh ủy tập trung chỉ đạo thực hiện cải tiến một bước kinh doanh Xã hội chủ nghĩa, chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động, tích cực chuẩn bị điều kiện phát triển cho các năm sau. Đồng thời thực hiện có kết quả các biện pháp cấp bách về giá - lương - tiền, lập lại trật tự phân phối lưu thông.

Về công tác xây dựng nền quốc phòng toàn dân và hậu phương vững mạnh theo Nghị quyết của Bộ chính trị ngày 30/11/1987 và Chỉ thị số 20 của Ban Bí thư các cấp uỷ Đảng và chính quyền địa phương trong tỉnh đã khẩn trương, tích cực đẩy mạnh việc xây dựng các khu vực phòng thủ vững chắc, nhất là ở hai tuyến vùng núi và biển; tăng cường củng cố lực lượng vũ trang địa phương, xây dựng hậu phương đi đôi với việc thực hiện tốt các chính sách hậu phương quân đội, chăm lo các gia đình bộ đội, thương binh và gia đình liệt sĩ, nhằm góp phần ổn định chính trị, bảo đảm cho công cuộc đổi mới đất nước, quê hương.

Trong những năm 1986, 1987 tình hình đất nước có chuyển biến trên nhiều mặt, việc thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn đạt được kết quả quan trọng. Vai trò của Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh được thể hiện năng động, tích cực trong việc lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, ban ngành thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Bên cạnh một số thành tựu đã đạt được, Hội nghị thường kỳ của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (1/1988) kiểm điểm nghiêm túc chỉ ra những khuyết điểm, hạn chế trong thời gian triển khai đường lối đổi mới của Đảng. Đó là công tác chính trị tư tưởng thiếu sắc bén, kịp thời; chậm đổi mới công tác tổ chức cán bộ.

Trong khi chỉ rõ những mặt hạn chế, yếu kém, Tỉnh ủy đã nhấn mạnh vai trò dân chủ hoá, phát huy quyền làm chủ của nhân dân và năng lực sáng tạo của quần chúng, phát huy những nhân tố tích cực của quần chúng, khuyến khích cán bộ làm ăn năng động. Tỉnh ủy đặc biệt lưu ý các cấp, các ngành tập trung sức lực, khả năng phấn đấu thực hiện mọi biện pháp nắm cho được lương thực. Triển khai đồng bộ việc thực hiện các quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Hội đồng Bộ trưởng và Thường vụ Tỉnh ủy về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giảm biên chế và bố trí cán bộ.

Việc sắp xếp tổ chức bộ máy và cán bộ đã được khẩn trương thực hiện ngay khi có Nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy. Các Ban của Tỉnh ủy từ 12 Ban sắp xếp còn 8 Ban, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh từ 37 còn lại 26. Nhiều đơn vị sản xuất kinh doanh giảm bớt bộ phận gián tiếp từ 7-8 phòng xuống còn 3-4 phòng.

Ngày 05/4/1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10 NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Đây là vấn đề trọng tâm đổi mới kinh tế, nhằm ổn định tình hình kinh tế- xã hội. Nghị quyết đề ra những nội dung đổi mới toàn bộ cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, xoá bỏ triệt để cơ chế quan liêu bao cấp, thiết lập cơ chế kinh tế hạch toán tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị kinh tế quốc doanh cũng như Hợp tác xã nông nghiệp. Nghị quyết 10 thể hiện sự cụ thể hóa các Nghị quyết 2,3 và 4 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI), đề ra những nội dung đổi mới toàn bộ cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp nhằm xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thiết lập cơ chế kinh tế hạch toán tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị kinh tế quốc doanh cũng như Hợp tác xã nông nghiệp.

Tỉnh uỷ Phú Khánh quán triệt Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị bằng những biện pháp cụ thể phù hợp với điều kiện của cả tỉnh nên đã được nông dân hưởng ứng; nghị quyết đã nhanh chóng đi vào cuộc sống của nông thôn, có tác dụng tích cực đến lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong nông nghiệp nhanh chóng tiến hành mở rộng diện tích khoán gọn; đồng thời xúc tiến củng cố Hợp tác xã, hàng loạt Hợp tác xã được chọn làm thử thực hiện khoán sản phẩm theo đơn giá xây dựng kế hoạch và quy hoạch chung trong việc quản lý tư liệu sản xuất, điều hành lao động sản xuất, xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, các công việc được giao khoán đảm bảo hầu hết 3 lợi ích, từ đó rút kinh nghiệm để nhân rộng ra. Việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị đã đưa đến những kết quả quan trọng, nhiều gia đình nông dân nhờ làm khoán nên có lương thực dư thừa; năng suất lúa tăng cao; đời sống nông dân dần đi vào ổn định và được cải thiện, tạo không khí phấn khởi, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới góp phần ổn định tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị là sự bổ sung hoàn thiện một cách tích cực cơ chế khoán 100 (Chỉ thị 100 CT/TW ngày 13/1/1981) đã từng là động lực thúc đẩy phát triển mạnh mẽ nền sản xuất nông nghiệp trong những năm đầu thập niên 80, Nghị quyết 10 xác định Hợp tác xã là đơn vị kinh tế tự chủ, tự quản, hộ gia đình xã viên là đơn vị nhận khoán với Hợp tác xã thường gọi "khoán 10" hay "khoán hộ".

Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị nhanh chóng đi vào cuộc sống của người nông dân, có tác động tích cực đến lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong nông nghiệp. "Khoán 10" là giải pháp tích cực làm thay đổi tình hình sản xuất nông nghiệp, có tác dụng tích cực và hiệu quả lớn trong việc phát triển sản xuất lương thực trên phạm vi cả nước trong những năm sau này. Thể hiện rõ nét là từ chỗ thiếu lương thực, thực phẩm trầm trọng, nhưng từ 1989 trở đi ta bắt đầu có gạo xuất khẩu. Tình hình kinh tế - xã hội, nhất là ở vùng nông thôn, mở ra những triển vọng mới, niềm tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng được củng cố.

Quan điểm đổi mới của Đảng ta là đảm bảo cho các thành phần kinh tế phát triển. Ngoài thành phần kinh tế quốc doanh được chú trọng, Đảng ta luôn tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh hoạt động tốt. Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 16 NQ/TW (15/7/1988) về đổi mới chính sách và cơ chế quản lý đối với các cơ sở sản xuất thuộc thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, nhằm khuyến khích mọi người lao động làm giàu và thu nhập một cách hợp pháp, thực hiện nguyên tắc dân chủ, công bằng và bình đẳng về kinh tế, chính trị và xã hội giữa các thành phần kinh tế.

Nhờ có chủ trương đúng đắn của Đảng, cùng với sự phát triển kinh tế quốc doanh, các thành phần kinh tế khác đã linh hoạt khắc phục mọi khó khăn, duy trì sản xuất, nêu cao tinh thần trách nhiệm tự xoay xoay vật tư và tiêu thụ sản phẩm, cố gắng thay đổi cơ cấu sản phẩm tạo việc làm cho công nhân và có vốn để duy trì sản xuất. Tiêu biểu như Hợp tác xã Minh Khai, Hợp tác xã Dệt Tuy Hoà, Hợp tác xã Vận tải cơ giới đường bộ... của thị xã Tuy Hoà.

Cùng với phát triển kinh tế, Đảng bộ tỉnh cũng rất chú trọng đến công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trong tình hình mới, không ngừng nâng cao cảnh giác, chủ động trên tất cả các mặt. Xây dựng, củng cố tuyến an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng biên phòng vững chắc kết hợp với sức mạnh của quần chúng, phát động phong trào phòng gian bảo mật, ngăn chặn tình trạng vượt biển

trón ra nước ngoài, theo tinh thần Chỉ thị số 40 CT/TW ngày 26/5/1988 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Từ giữa năm 1988 trở đi, những ảnh hưởng bất lợi từ biến động phức tạp của tình hình thế giới do cuộc cải tổ và cải cách ở Liên Xô và các nước Đông Âu, cùng với sự gây rối của các lực lượng thù địch và tình hình an ninh trật tự xã hội diễn biến phức tạp, để đảm bảo cho Đảng ta hoàn thành sứ mệnh lịch sử, đưa sự nghiệp đổi mới đất nước đến thắng lợi, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) đã họp từ ngày 14 đến 20/6/1988 thông qua Nghị quyết "Một số vấn đề cấp bách về công tác xây dựng Đảng". Hội nghị chủ trương "*Phát huy bản chất và truyền thống tốt đẹp của Đảng, quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và các nghị quyết của Trung ương, của Bộ chính trị, đổi mới tư duy, đổi mới đội ngũ cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo, nâng cao giác ngộ cách mạng, bồi dưỡng lý tưởng, phẩm chất, kiến thức và năng lực lãnh đạo của cán bộ... bảo đảm cho Đảng viên lên ngang tầm nhiệm vụ mới*"

Triển khai Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VI) về công tác xây dựng Đảng, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị quán triệt với phương châm nhìn thẳng vào sự thật, khắc phục những hạn chế, thiếu sót. Hội nghị đánh giá: Tư tưởng bảo thủ, trì trệ, cục bộ, khép kín trong Đảng bộ còn phổ biến và nặng nề làm cản trở tính năng động, sáng tạo của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tổ chức đảng, chính quyền các cấp trong tỉnh tuy được sắp xếp lại một bước, nhưng bộ máy còn cồng kềnh, kém hiệu lực, phong cách, lề lối làm việc thiếu khoa học, nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được thực hiện đúng. Việc đề bạt cán bộ còn theo cảm tính, quen biết và mang nặng tư tưởng "sống lâu lên lão làng". Đội ngũ cán bộ trong tỉnh ở nhiều lĩnh vực còn thiếu và yếu.

Trên lĩnh vực văn hoá, báo chí, xuất bản tinh thần dân chủ được phát huy, có tác dụng thúc đẩy công cuộc đổi mới trên mặt trận tư tưởng, ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực. Trên diễn đàn thông tin đại chúng trong tỉnh, cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước được triển khai trong toàn Đảng bộ, góp phần nâng cao sức chiến đấu, tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên.

Ở các huyện, thị, công tác tổ chức xây dựng đội ngũ cán bộ từng bước đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới. Trên cơ sở nắm vững và thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể từ huyện, thị đến cơ sở được kiện toàn. Việc giảm nhẹ biên chế tiến hành theo đúng Quyết định 227 của Hội đồng Bộ trưởng. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý được chọn lọc và củng cố. Nhiều cán bộ được cử đi đào tạo trong và ngoài nước. Việc trẻ hoá đội ngũ cán bộ ngày càng được chú trọng.

Sau một thời gian triển khai Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VI) và Nghị quyết của Tỉnh ủy về "Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng", công tác xây dựng Đảng ở trong tỉnh có chuyển biến rõ rệt. Từ cuối năm 1988, tình hình kinh tế, xã hội có chuyển biến tốt. Các chính sách kinh tế mới, cơ chế quản lý kinh tế mới và việc mở rộng dân chủ Xã hội chủ nghĩa có tác động tích cực đến sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và lưu thông phân phối... Nhịp độ tăng giá và lạm phát bắt đầu chậm lại. Các nhân tố mới và điển hình trong lao động và sản xuất xuất hiện ngày càng nhiều trên tất cả các lĩnh vực, nhất là sau khi có nghị quyết 10 của Bộ Chính trị. Nông thôn dần dần đi vào thế ổn định, nhiều nơi có điều

kiện làm giàu. Trong công nghiệp, tiểu - thủ công nghiệp, nhiều hợp tác xã đơn vị xí nghiệp, Hợp tác xã, hộ gia đình... đã phát huy quyền làm chủ, sáng tạo giải quyết một số khâu trong sản xuất kinh doanh như chuẩn bị vật tư, nguồn vốn, đổi mới trang bị kỹ thuật và quy trình công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm. Hàng loạt làng nghề tiểu, thủ công nghiệp truyền thống được phát triển ở thị xã Tuy Hòa, các huyện Tuy Hoà, Tuy An như làm đồ gốm, gạch, ngai, dệt chiếu, đan lát... Nhiều cơ sở sản xuất ngoài quốc doanh đã huy động hàng trăm triệu đồng mở thêm cơ sở sản xuất mới; nhiều hộ gia đình đầu tư hàng chục triệu đồng phát triển sản xuất, tạo công ăn việc làm cho hàng vạn lao động.

Trên lĩnh vực văn hoá, các hoạt động của ngành Văn hoá - Thông tin đi vào đổi mới, tăng cường công tác quản lý phát hành phim, băng ghi hình, băng ghi âm... Quần chúng nhân dân tích cực hưởng ứng các phong trào văn hoá- thể dục - thể thao.

Để đáp ứng quy mô, chất lượng giáo dục trước yêu cầu mới, một số huyện thị đã khắc phục khó khăn phối hợp với ngành giáo dục chăm lo cơ sở vật chất, trường lớp cho học sinh. Số trẻ em vào nhà trẻ học mẫu giáo và vào lớp 1 ngày càng nhiều. Nhiều em học sinh đã được tham gia các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.

Cùng với các ngành khác, ngành y tế không ngừng chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân. Các dịch bệnh có xu hướng giảm, nhất là dịch sốt rét ở các huyện miền núi Sơn Hoà, Sông Hinh.

Trước yêu cầu xây dựng đất nước theo tinh thần đổi mới của Đảng và xuất phát từ thực tiễn, từ ngày 9 đến ngày 16-2-1989, đồng chí Võ Chí Công, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và các đồng chí Trần Kiên, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; đồng chí Nguyễn Xuân Hữu, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Hội đồng Nhà nước đã về thăm Phú Khánh, trực tiếp dự và chỉ đạo Hội nghị Tỉnh uỷ Phú Khánh lần thứ 13 (khoá IV). Hội nghị Tỉnh uỷ với phương châm nhìn thẳng vào sự thật, đã đánh giá sự mất đoàn kết trong Đảng bộ là nặng nề, phổ biến và kéo dài; chỉ rõ tác hại và những nguyên nhân gây ra tình trạng mất đoàn kết; đồng thời đề ra những biện pháp cấp bách để nhanh chóng khắc phục tình trạng mất đoàn kết trong nội bộ Đảng. Hội nghị cũng nêu vấn đề tách tỉnh là một yêu cầu khách quan, phù hợp với khả năng và trình độ quản lý của cán bộ, phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm kinh tế, cũng như tâm lý và lịch sử của nhân dân Phú Yên và Khánh Hoà. Hội nghị kiến nghị Bộ Chính trị cho chia tỉnh Phú Khánh thành hai tỉnh như trước đây nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới

Đáp ứng yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân Phú Khánh, ngày 4/3/1989, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 83-QĐ/TW chia tỉnh Phú Khánh thành 2 tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa. Quyết định của Bộ Chính trị đã chỉ rõ: *“Việc chia hai tỉnh phải được chuẩn bị chu đáo, nhất là về tư tưởng, tổ chức, cán bộ, chế độ chính sách, bảo đảm phát huy thế mạnh và khả năng của địa phương, giải phóng mọi năng lực sản xuất, giữ vững an ninh, trật tự, củng cố quốc phòng, ổn định và từng bước cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường đoàn kết nhất trí trong các Đảng bộ và nhân dân”*.

Sau khi có Quyết định của Bộ chính trị, trong hai ngày 14 và 15- 3-1989, Hội nghị Tỉnh uỷ Phú Khánh lần thứ 14 đã thảo luận, nhất trí cao và chấp hành nghiêm túc Quyết định của Bộ chính trị. Hội nghị đã quyết nghị: việc chia tỉnh là yêu cầu khách quan nhằm tạo thêm điều kiện cho hai tỉnh khai thác

tốt tiềm năng và khả năng của mình để phát triển nhanh chóng và toàn diện, đồng thời bảo đảm tốt mối quan hệ làm ăn, giao lưu bình thường của nhân dân và tăng cường sự hợp tác của hai tỉnh; các cấp ủy Đảng cần phải làm tốt công tác tư tưởng trong Đảng bộ và ngoài quần chúng, bảo đảm mọi hoạt động kinh tế và xã hội bình thường.

Hội nghị giao cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Khánh có trách nhiệm phân bổ cán bộ chủ chốt các sở, ban, ngành cấp tỉnh cho hai tỉnh. Ban Thường vụ mỗi tỉnh sắp xếp lại tổ chức bộ máy và bố trí cán bộ chủ chốt ở tỉnh mình. Lãnh đạo sở, ban, ngành của mỗi tỉnh bàn bạc bố trí cán bộ cho đơn vị mình. Những trường hợp hai bên không thống nhất thì trình Ban thường vụ Tỉnh ủy Phú Khánh quyết định. Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 14 đã nhất trí thông qua danh sách các đồng chí trong Tỉnh ủy được phân công về hai tỉnh. Đồng thời đề nghị Trung ương cho chuyển một số cấp ủy viên dự khuyết lên chính thức và bổ sung một số cấp ủy viên mới để đủ phân công phụ trách một số ngành quan trọng; tăng số lượng ủy viên Ban Thường vụ của mỗi tỉnh.

Hội nghị xác định việc chia tỉnh phải bảo đảm kỷ cương, luật pháp hiện hành; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, công bằng, hợp lý. Tăng cường hơn nữa công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ tài sản của công, tránh tổn thất mất mát. Hội nghị nhất trí ranh giới hai tỉnh tại khu vực Đèo Cả-Vũng Rô được xác định theo bản đồ thời Pháp thuộc trước năm 1945. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh lập tờ trình thông qua Hội đồng nhân dân để trình Hội đồng Nhà nước phê duyệt. Trong khi chưa có Quyết định của Hội đồng Nhà nước thì ranh giới hai tỉnh thực hiện theo Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng ký năm 1984. Mọi công việc chuẩn bị phải hoàn tất trong tháng 6 để đầu tháng 7-1989 hai tỉnh triển khai hoạt động bình thường.

Ngày 30-6-1989, Hội nghị Tỉnh ủy Phú Yên lần thứ nhất họp ra Nghị quyết số 01 về những vấn đề cấp bách sau chia tỉnh. Hội nghị xác định rõ mục đích của việc chia tỉnh là để đưa tỉnh đi lên, làm cho cán bộ, đảng viên thấy hết những khó khăn, thử thách, đồng thời cũng thấy những thuận lợi, từ đó xác định tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, tăng cường tinh đoàn kết giữa nhân dân hai tỉnh đã được vun đắp từ lâu.

Nghị quyết của Tỉnh ủy đặt công tác lãnh đạo chính trị tư tưởng lên hàng đầu, yêu cầu làm sao cho toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân trong tỉnh nhận thức một cách sâu sắc chủ trương chia tách tỉnh là chủ trương lớn của Đảng, của Nhà nước nhằm phục vụ cho công tác lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước và phù hợp với sự phát triển của hai tỉnh, phù hợp với trình độ quản lý của cán bộ; thuận lợi cho việc sinh hoạt của nhân dân, qua đó làm cho toàn Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh thống nhất cao với chủ trương của Đảng và Nhà nước, ra sức phát huy truyền thống đoàn kết nhất trí, động viên tinh thần tự lực, tự cường, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ hăng hái thi đua xây dựng tỉnh Phú Yên ngày càng giàu đẹp.

### CHƯƠNG III

## ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ YÊN TIẾP TỤC LÃNH ĐẠO SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI, THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH (7/1989- 2000)

### I- LÃNH ĐẠO ỔN ĐỊNH TỔ CHỨC BỘ MÁY HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, TIẾP TỤC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ- XÃ HỘI (7/1989-1991)

Từ ngày 1-7-1989, Đảng bộ tỉnh Phú Yên chính thức đi vào hoạt động. Theo Quyết định ngày 27-4-1989 của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 21 uỷ viên chính thức và 7 uỷ viên dự khuyết; Ban Thường vụ Tỉnh uỷ có 7 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Duy Luân, uỷ viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Tỉnh Phú Yên được tái lập phù hợp với yêu cầu khách quan của tình hình và nhu cầu bức thiết của nhân dân nên được đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh đồng tình, ủng hộ. Đây là điều kiện thuận lợi hết sức cơ bản để xây dựng quê hương Phú Yên giàu mạnh. Nhưng do thời gian chuẩn bị cho công việc chia tỉnh quá ngắn (3tháng), có nhiều vấn đề tồn tại cần phải giải quyết khẩn trương chưa được giải quyết kịp thời, do đó tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và một bộ phận nhân dân diễn biến khá phức tạp.

Để ổn định tình hình tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ mở Hội nghị cán bộ chủ chốt toàn tỉnh nghiên cứu, học tập Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 30-6-1989 của Tỉnh uỷ. Sau đó, tỉnh tổ chức triển khai sâu rộng Nghị quyết 01 cho các cấp uỷ và quần chúng nhân dân trong tỉnh học tập, nên tình hình tư tưởng, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về việc chia tỉnh dần dần thống nhất, thấy việc chia tỉnh là cần thiết, phù hợp với yêu cầu khách quan, thấy được những thuận lợi và khó khăn của một tỉnh vừa chia tách, từ đó xác định quyết tâm đoàn kết, thống nhất cùng nhau phấn đấu khắc phục khó khăn, tập trung sức lực xây dựng tỉnh nhà.

Nhằm tăng cường năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ Phú Yên, tháng 11-1989, Ban Bí thư Trung ương Đảng có quyết định chuẩn y bổ sung 7 đồng chí Tỉnh uỷ viên dự khuyết lên chính thức; chỉ định bổ sung 5 đồng chí vào Tỉnh uỷ, nâng tổng số Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lên 33 đồng chí. Trong phiên họp ngày 9 và 10-12-1989, Tỉnh uỷ bầu bổ sung 3 đồng chí Uỷ viên Thường vụ, nâng tổng số uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lên 10 đồng chí; bầu đồng chí Huỳnh Trúc làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ.

Hội đồng nhân dân tỉnh khoá I, có 43 đại biểu (số đại biểu Hội đồng nhân dân khoá này là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Khánh được phân công về Phú Yên) họp phiên đầu tiên, bầu đồng chí Nguyễn Tường Thuật, Tỉnh uỷ viên, Quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, làm chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 19-11-1989, thực hiện chủ trương của Trung ương, tỉnh Phú Yên tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp; trên 98% cử tri trong tỉnh đi bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp, tỉnh, huyện, xã, trong

đó bầu 60 đại biểu HĐND tỉnh khoá II. Hội đồng nhân dân tỉnh khoá II, họp phiên thứ nhất bầu đồng chí Huỳnh Trúc, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, 01 Phó chủ tịch và 01 ủy viên thư ký Hội đồng nhân dân tỉnh. Bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, 04 Phó chủ tịch và 10 ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức hiệp thương bầu bổ sung 13 vị làm thành viên Mặt trận tỉnh, nâng tổng số thành viên của Mặt trận sau chia tỉnh lên 31 vị. Mặt trận đã thật sự làm nòng cốt trong hiệp thương chuẩn bị bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp và ngày 19-11-1989. Hoạt động của các đoàn thể quần chúng như Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đoàn lao động, Hội liên hiệp phụ nữ và Hội Nông dân tỉnh tuy có nhiều khó khăn, nhưng đã cố gắng đi sâu sát cơ sở, làm công tác tư tưởng vận động quần chúng, chỉ đạo phong trào, tạo bước chuyển biến mới. Tuy vậy, một số tổ chức đoàn và Hội thanh niên ở xã, phường hoạt động rời rạc, chưa phát huy tác dụng trong việc tập hợp giáo dục thanh niên.

Từ ngày 01-7-1989, bộ máy tổ chức, cán bộ tỉnh Phú Yên được hình thành gồm: Khối Đảng có 7 đầu mối; khối Mặt trận, các đoàn thể có 5 đơn vị và Hội hữu nghị các nước và các dân tộc; khối quản lý nhà nước 23 sở, ban, ngành (chưa tính 8 đơn vị trực thuộc Trung ương như: Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, chi nhánh Ngân hàng công thương, chi nhánh Ngân hàng phát triển nông nghiệp, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và Bộ chỉ huy biên phòng tỉnh). Đã động viên chuyển công tác từ Phú Khánh về Phú Yên 3.650 cán bộ, công nhân viên chức. Biên chế chung toàn tỉnh bằng 25,11% so với biên chế trước khi chia tỉnh. Đến ngày 30-11-1989, toàn tỉnh có 6.276 cán bộ, công nhân viên chức. Trong đó (so với trước khi chia tỉnh), khu vực hành chính có 295 người chiếm 22,18%; khu vực sự nghiệp có 1.499 người, chiếm 31,52%; khu vực sản xuất, kinh doanh có 4.482 người, chiếm 23,71%. Tỉnh thành lập 10 tổ chức đơn vị mới như: Xí nghiệp in tổng hợp; Công ty du lịch Phú Yên; Công ty quản lý nhà đất và công trình đô thị; Công ty vận tải biển; Hội văn học nghệ thuật; Hội Y học dân tộc; trường Cao đẳng sư phạm Phú Yên; Đài truyền hình; Đài tiếng nói nhân dân Phú Yên. Thành lập mới Đảng ủy Quân sự tỉnh; Đảng ủy bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh; Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh; chuyển 18 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc thị ủy Tuy Hoà về trực thuộc Đảng ủy Dân Chính Đảng; thành lập mới 54 tổ chức cơ sở đảng.

Về công tác tổ chức cán bộ đạt được những chuyển biến mới: Tỉnh sát huyện; huyện sát xã; xã sát dân. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn kỹ thuật trong các cơ quan, ban ngành cấp tỉnh vừa thiếu, vừa yếu, không đồng bộ, cơ quan có cấp trưởng thì thiếu cấp phó hoặc ngược lại; có cơ quan có trưởng, phó nhưng lại không có cán bộ nhân viên... Trước tình hình đó, tỉnh căn cứ số cán bộ hiện có, sắp xếp lại bộ máy, đồng thời điều động cán bộ ở một số huyện, thị bổ sung cho tỉnh nhằm bảo đảm bộ máy cấp tỉnh đủ hoạt động để phục vụ công việc trước mắt. Đi đôi với điều động, bổ nhiệm, bố trí lại đội ngũ cán bộ tỉnh Phú Yên còn quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ để phục vụ cho nhiệm vụ chính trị sau này.

Về vấn đề địa giới hành chính tại Vũng Rô: Trước khi sát nhập hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa để thành lập tỉnh Phú Khánh, vùng Vũng Rô thuộc huyện Tuy Hòa tỉnh Phú Yên. Tháng 10-1985 theo yêu cầu thành lập xã mới Đại Lãnh thuộc huyện Vạn Ninh, tỉnh Phú Khánh, nên vùng Vũng Rô được sáp

nhập vào xã Đại Lãnh theo Quyết định số 230/HĐBT ngày 13-9-1985 của Hội đồng Bộ trưởng. Sau chia tỉnh, phía Khánh Hoà yêu cầu giữ nguyên hiện trạng địa giới hành chính các huyện thuộc tỉnh Khánh Hoà, với các lý do: Căn cứ vào bản đồ đo vẽ năm 1885 do Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I lưu; bản đồ năm 1913 do Cục đo đạc bản đồ Nhà nước lưu trữ phân vạch địa giới hai tỉnh Phú Yên-Khánh Hoà; bản đồ UTM của chính quyền Sài Gòn và bản đồ đường sá do Nha địa dư Quốc gia Việt Nam phát hành; bản đồ của Cục bản đồ Bộ tổng tham mưu quân đội nhân dân Việt nam tái bản lần 3 và Quyết định 230/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng thì vùng Vũng Rô thuộc tỉnh Khánh Hoà.

Tỉnh Phú Yên đề nghị quản lý vùng Vũng Rô vì: Căn cứ bản đồ tỉnh Khánh Hoà in trên sách Đại nam nhất thống chí 1909 và bản đồ tỉnh Khánh Hoà trong tài liệu của Đảng bộ tỉnh Khánh Hoà thì vùng Vũng Rô thuộc tỉnh Phú Yên. Hơn nữa, trước khi sáp nhập tỉnh, vùng Vũng Rô thuộc điểm kinh tế mới xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, nay chia tỉnh thì vùng này phải được giao lại cho Phú Yên. Xét về dân cư thì dân cư sinh sống ở đây đa số là dân Phú Yên; về an ninh-quốc phòng, đây là vùng chiến lược phòng thủ khu vực; đặc biệt về kinh tế: đây là một vịnh nước sâu, kín gió duy nhất ở Phú Yên; nơi hàng trăm tàu thuyền của ngư dân Phú Yên thường tập kết tránh bão và cũng là cửa ngõ để Phú Yên xây dựng cảng vươn ra thế giới. Với những nguyện vọng chính đáng đó, tại kỳ họp thứ 8 Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa 2 đã kiến nghị lên Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng giao Đèo Cả-Vũng Rô cho tỉnh Phú Yên quản lý.

Ngày 27-12-1989, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội Đồng Bộ trưởng làm việc với Bí thư Tỉnh ủy và Chủ tịch Ủy ban nhân dân hai tỉnh, đã nhất trí giao Vũng Rô cho Phú Yên quản lý. Ngày 18-9-1990, Bộ Chính trị có Công văn số 536-CV/TW gửi các Bộ, ngành Trung ương và hai tỉnh Phú Yên, Khánh Hoà, trong đó có đoạn viết: “*Xét theo yêu cầu phát triển kinh tế của tỉnh Phú Yên trước mắt cũng như lâu dài, Nhà nước xác định tỉnh Phú Yên quản lý Vũng Rô là hợp lý*”... “*Bộ Chính trị nhất trí với đề nghị của Hội đồng Bộ trưởng và Hội đồng Nhà nước là giao vùng Vũng Rô cho tỉnh Phú Yên quản lý*”. Tại kỳ họp thứ tư, Quốc hội khóa IX nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ ngày 6-12-1993 đến ngày 30-12-1993 đã ra Nghị quyết “*...Chuyển thôn Vũng Rô hiện đang thuộc địa phận của xã Đại Lãnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà sáp nhập vào địa phận của xã Hòa Xuân, huyện Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên...*”. Nghị quyết này được Quốc hội thông qua ngày 30-12-1993. Tiếp đó, Ngày 20-1-1994, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 26/TTg về việc giao Vũng Rô cho tỉnh Phú Yên quản lý. Thực hiện Công điện số 1941/TCCB ngày 15-4-1994 của Ban Tổ chức cán bộ chính phủ, ngày 18-4-1994, tại Nhà khách Trung ương Đảng số 44 Trần Phú, Nha Trang tỉnh Khánh Hoà, lãnh đạo hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hoà đã tiến hành Hội nghị bàn giao địa giới hành chính khu vực Đèo Cả-Vũng Rô. Dự hội nghị bàn giao địa giới hành chính giữa hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hoà có đại diện lãnh đạo Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ. Như vậy, vùng Vũng Rô chính thức do tỉnh Phú Yên quản lý từ ngày 18-4-1994.

Về công tác xây dựng Đảng, đến cuối năm 1989 toàn Đảng bộ có 4 Đảng ủy và 7 Đảng bộ huyện, thị trực thuộc Tỉnh ủy, với 413 tổ chức cơ sở đảng, 71 đảng ủy cơ sở, 342 chi bộ cơ sở; 340 chi bộ nhỏ và 2.116 tổ đảng. Tổng số đảng viên 8.915, trong đó đảng viên hưu trí chiếm 19,18%, đảng viên là nữ chiếm 20,44%, đảng viên là người dân tộc thiểu số chiếm 5,59%, đảng viên dự bị chiếm 6,11%.

Cuối năm 1989, tổ chức Đại hội cho 413 tổ chức cơ sở đảng và 11 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy. Đại



hội các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ và các chi, đảng bộ cơ sở bảo đảm dân chủ, công khai thảo luận, bàn bạc cả trong tham gia đề án và tham gia nhân sự. Qua đại hội đã củng cố đội ngũ cán bộ, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành. Tuy nhiên qua nghiên cứu, khảo sát 4 điểm về năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng nổi lên một số vấn đề: Công tác quản lý đảng viên chưa tốt, một số cấp ủy và bí thư tổ chức cơ sở đảng thiếu kiến thức về công tác Đảng, nhận thức không theo kịp tình hình, lúng túng trong lãnh đạo, nhất là lãnh đạo kinh tế. Đội ngũ đảng viên đủ tư cách chiếm số đông, nhưng sức chiến đấu rất yếu, nhất là cấp xã, phường, nhiều đảng viên không thể hiện được vai trò, vị trí của mình. Đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở vừa thiếu, vừa yếu, chưa có quy hoạch cán bộ kế cận; công tác phát triển Đảng chưa được coi trọng, nhất là khâu tạo nguồn. Những yếu kém đó đặt ra cho Tỉnh uỷ những suy nghĩ về giải pháp củng cố, nâng cao uy tín và năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng, nhất là xã, phường, thị trấn.

Về tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội 6 tháng sau chia tỉnh diễn biến khá phức tạp. Số phần tử xấu tung tin chiến tranh tâm lý, viết sấm trạng nói xấu chế độ; tình trạng người trốn đi nước ngoài xảy ra 19 vụ, 171 người; tình hình đào đãi vàng ở huyện miền núi; phạm pháp hình sự ở xã Tuy Hoà, huyện Tuy Hoà, Tuy An diễn biến phức tạp.... Trước tình hình đó, ngày 9-10-1989 Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 02-NQ/TU về đẩy mạnh xây dựng lực lượng công an nhân dân, lực lượng dự bị động viên và củng cố lực lượng dân quân tự vệ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, Nghị quyết kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo chấn chỉnh tình hình trên, kết hợp với tổ chức thực hiện Chỉ thị 135/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng liên tục tấn công trấn áp tội phạm, phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, nên trong một thời gian ngắn đã giải quyết một bước cơ bản ổn định tình hình, lập lại trật tự trên một số mặt như: trật tự công cộng, trật tự giao thông, chống thất thu thuế, bảo đảm an ninh, chính trị trật tự an toàn xã hội. Quân sự, tổ chức diễn tập thực hiện vận hành cơ chế theo Nghị quyết số 02 của Bộ Chính trị, lấy mật danh “DT-90”

Để kịp thời động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân trong lúc khó khăn khi tỉnh vừa được chia, đồng chí Phạm Văn Đồng, cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đồng chí Nguyễn Thanh Bình, ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư, đồng chí Võ Văn Kiệt, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng, đồng chí Nguyễn Đức Tâm, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương về thăm tỉnh, cho nhiều ý kiến chỉ đạo. Những ý kiến này được lãnh đạo tỉnh Phú Yên tiếp thu, vận dụng trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo.

Sau chia tỉnh, thị xã Tuy Hoà trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của tỉnh nên được quan tâm đầu tư xây dựng. Trước hết, tỉnh tập trung chỉ đạo xây dựng cơ sở vật chất phục vụ phúc lợi xã hội như Đài phát thanh, Đài truyền hình, Trung tâm bưu điện tỉnh, khoa cấp cứu trung tâm bệnh viện tỉnh; san ủi đất để hình thành 2 khu dân cư mới ở phường 2 và phường 5; xây dựng và cải tạo mạng lưới điện chiếu sáng, hệ thống cấp nước sạch... Về trụ sở làm việc, tiến hành sửa chữa Tỉnh đường cũ (cơ quan hành chính của ngụy quyền) làm nơi làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh; sửa chữa trụ sở Thị uỷ Tuy Hoà làm cơ quan của Tỉnh uỷ; các cơ quan, ban ngành đoàn thể tỉnh trung dụng những nhà Nhà nước quản lý để làm trụ sở. Để giải quyết nơi ăn ở của cán bộ, nhân viên, chiến sỹ lực lượng vũ trang từ Nha Trang chuyển về, tỉnh tập trung san ủi mặt bằng, phóng tuyến, phân lô, làm đường, kéo điện, giao

đất cho từng hộ gia đình, cho mỗi hộ vay hai triệu đồng không tính lãi để xây dựng nhà ở.

Từ ngày 11 đến ngày 13-1-1990, Hội nghị Tỉnh uỷ Phú Yên lần thứ 4 họp đó xác định tư tưởng chỉ đạo xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh là: *“Phát huy những kết quả bước đầu đã đạt được, tận dụng những thuận lợi, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới do Đại hội Đảng lần thứ VI đề ra, tiếp tục ổn định hơn nữa tình hình kinh tế - xã hội, phát triển mạnh mẽ nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần trên mọi lĩnh vực, kiên quyết chỉ đạo các công ty, xí nghiệp thoát khỏi tình trạng bao cấp, ỷ lại, chuyển sang hạch toán kinh tế, lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh cuối cùng làm thước đo năng lực tổ chức thực hiện. Phát huy tính tự chủ, năng động, sáng tạo của mỗi đơn vị kinh tế cơ sở, mỗi ngành, mỗi địa phương, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục các khó khăn trước mắt, thực hiện triệt để tiết kiệm trong sản xuất, xây dựng và tiêu dùng. Mở rộng giao lưu hợp tác với nước ngoài, tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu; giải quyết tốt các chính sách xã hội, chăm lo đời sống nhân dân, nhất là đồng bào miền núi, các vùng nông thôn quá khó khăn và các gia đình chính sách. Đẩy mạnh phong trào toàn dân tham gia công tác an ninh, quốc phòng”*.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân trong tỉnh phát động nhiều phong trào hành động cách mạng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội và đạt được một số thành tựu khá quan trọng.

Trên mặt trận nông nghiệp, tổng sản lượng lương thực năm 1991 đạt 28 vạn tấn, tăng 5% so với năm 1989, đáp ứng đủ nhu cầu trong tỉnh, có dự trữ và có lương thực hàng hóa bán ra ngoài tỉnh, góp phần quan trọng vào ổn định đời sống nhân dân trong tỉnh. Vùng lúa cao sản tập trung ở huyện và thị xã Tuy Hoà, đạt bình quân trên 11 tấn/ha/năm, riêng thị xã có 6.900 héc ta đạt năng suất 12 tấn/ha/năm. Hầu hết các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp vùng lúa nước ổn định đạt trên 5 tấn một vụ trên 1 héc ta trong cơ cấu lương thực của tỉnh hiện nay, lúa chiếm hơn 90%, màu chỉ gần 10%. Năm 1990 cây màu giảm sút mạnh do không tiêu thụ được sản phẩm (nhất là sản mỡ), năm 1991 bước đầu được hồi phục lại. Cây công nghiệp ngắn ngày: mía, thuốc lá, mố... phát triển nhanh. Cây công nghiệp dài ngày: Cà phê, dừa, đào lộn hột có phát triển, nhưng do khả năng đầu tư, chế biến, tiêu thụ chưa ổn định nên diện tích tăng chậm. Đàn heo năm 1990 bị giảm 6.000 con, đang được hồi phục lại mức năm 1989 là 15 vạn con. Đàn bủ so với năm 1989 tăng hơn 5.000 con, hiện có trên 15 vạn con đang được chú ý đầu tư cải tạo tăng trọng.

Để phục vụ cho phát triển sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, gấn nuôi trồng, chế biến với tiêu thụ sản phẩm, từ năm 1989 đến năm 1991, tỉnh đó đầu tư 8 tỷ đồng bằng nhiều nguồn vốn để tu bổ và làm mới hàng chục hạng mục công trình trên hệ thống thủy nông Đồng Cam, sửa chữa lớn đập Hà Yên và đập Đồng Khụ thuộc hệ thống Tam Giang, làm mới và tu bổ một số công trình thủy lợi khác, đưa diện tích tưới lúa ổn định lên 4,4 vạn ha, tăng 2.300 ha so năm 1989. Ở miền núi, nhờ phát triển thủy lợi diện tích lúa nước được tăng lên; các huyện miền núi bước đầu đó đổi mới phương thức canh tác, có hàng trăm máy cày (riêng huyện Sùng Hinh, đồng bào dân tộc đó bỏ vốn ra mua 30 máy cày). Đầu tư xây dựng một số cơ sở công nghiệp chế biến như: xay xát, nhà máy súc sản đông lạnh Tuy Hoà, nhà máy đường Đồng Xuân, cơ sở chế biến gỗ, song mây... phong trào nhân dân nuôi tôm xuất khẩu phát triển nhanh ở các huyện Tuy Hoà, Tuy An, Sùng Cầu, so với năm 1989 tăng 230 ha. Khai thác

hải sản từ 8.400 tấn năm 1989, năm 1991 đạt 1,4 vạn tấn. Nhiều nơi có phong trào nhân dân trồng cây, đó trồng hơn 2.000 ha rừng tập trung và 6 triệu cây phân tán, chủ yếu là cây phi lao và cây bạch đàn. Hai năm (1990-1991) khai thác 2,53 vạn m<sup>3</sup> gỗ tròn và 8,97 vạn ster củi, đạt kế hoạch khai thác gỗ, củi hàng năm, mặt yếu kém là chưa huy động được tiềm năng của các thành phần kinh tế khác vào trồng rừng do chính sách qui định về lâm nghiệp chưa thâm nhập đến hộ gia đình. Vẫn còn nạn khai thác rừng bừa bãi, đốt phá rừng để làm rẫy, phá rừng phòng hộ ven biển.

Về sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong hai năm 1990-1991 đạt 65 tỷ đồng, tăng gần 50% so với năm 1989, chiếm khoảng 24% trong tổng giá trị công, nông nghiệp, phát triển nhanh là vật liệu xây dựng. Trong đó, công nghiệp quốc doanh chiếm 14,7%, công nghiệp ngoài quốc doanh 85,3%. Trong thời gian này, tỉnh cũng đầu tư nâng cao công suất phát điện lên gấp 2,5 lần; triển khai xây dựng đường dây 35 KV thị xã Tuy Hòa đi Chí Thạnh. Riêng huyện và thị xã Tuy Hoà huy động vốn cho chương trình ánh sáng Bác Hồ (với giá trị khoảng 1 vạn tấn lúa) đầu tư hệ thống lưới điện 10 – 15 KV và lưới hạ thế để phủ lưới điện trên địa bàn của huyện và thị xã Tuy Hoà. Tích cực chuẩn bị triển khai xây dựng công trình thủy điện Sừng Hình vào đầu năm 1992.

Về giao thông vận tải và bưu chính viễn thông: Bằng nhiều nguồn vốn đầu tư hơn 5 tỷ đồng cho giao thông, căn bản tu sửa xong tỉnh lộ 6 đi La Hai, làm mới một số cầu, mặt đường trên quốc lộ 25, tỉnh lộ 641, đường Hoà Đa đi Vân Hoà, sửa chữa nâng cấp một số tuyến đường nông thôn, đường nội thị xã. Quốc lộ 1A được Trung ương mở rộng đoạn qua thị xã Tuy Hoà, nâng cấp các đoạn quá xấu. Thông tin viễn thông đó cải tạo và sửa chữa các tuyến dây trần quốc lộ 1A và từ tỉnh đi các huyện. Nâng dung lượng tổng đài tự động trung tâm từ 400 số lên 800 số, tăng cường thiết bị tải vi ba, thiết lập 18 kênh thông tin liên tỉnh và 11 kênh nội tỉnh. Thị xã Tuy Hoà đó có điếm Fax và Telex công cộng. Về bưu chính, đó tổ chức tốt mạng lưới đường thư nội tỉnh.

Trong xây dựng cơ bản, đến cuối năm 1991, nguồn vốn từ ngân sách đầu tư khoảng 27 tỷ đồng, chủ yếu cho các lĩnh vực thủy lợi, giao thông và một số cơ sở phúc lợi (chưa kể vốn của các ngành trung ương làm quốc lộ 1A, bưu điện...). Vốn tín dụng các loại xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh trên 20 tỷ. Vốn do nhân dân bỏ ra để làm lưới điện, trồng rừng, nuôi tôm, mua sắm máy móc, đóng mới tàu thuyền, xây dựng nhà cửa ước khoảng 40 tỷ đồng. Với sự cố gắng chung nói trên đó làm thay đổi bộ mặt tỉnh Phú Yên, nhất là ở thị xã Tuy Hoà. Tuy vậy, do nóng vội, một số đơn vị vay tín dụng ngắn hạn và sử dụng vốn lưu động để xây dựng tính toán chưa kỹ hiệu quả kinh tế dẫn đến gặp khó khăn trong kinh doanh. Việc quản lý xây dựng cơ bản thời gian sau chia tỉnh chưa chặt chẽ, đó được chấn chỉnh, nhưng vẫn còn lóng phí.

Trong lĩnh vực tài chính, đó chú ý động viên các nguồn thu cho ngân sách, mở rộng quyền chủ động tài chính cho cơ sở. Nhưng nhỡn chung ngân sách của tỉnh thu không đủ chi, nguồn thu của địa phương mới đáp ứng được 75% chi thường xuyên, Trung ương phải trợ cấp để xây dựng cơ bản và một phần cho chi thường xuyên. Ngành Ngân hàng, có nhiều cố gắng trong bảo đảm vốn tín dụng cho các hoạt động kinh tế trong tỉnh. Nguồn vốn các ngân hàng tăng 2,2 lần và dư nợ tín dụng ngắn hạn tăng 5 lần so với thời điểm chia tỉnh. Ngành đó phối hợp được với các ngành kiểm tra việc sử dụng vốn, công nợ ở các đơn vị kinh doanh và thực hiện tốt giai đoạn 1 kỳ khai thanh toán nợ theo chủ trương của Hội

đồng Bộ trưởng. Tuy vậy, đáng lưu ý là việc thanh toán giữa các đơn vị quốc doanh vẫn còn hơn 50% không qua ngân hàng, nợ quá hạn và khó đòi lớn chiếm hơn 1/3 dư nợ tín dụng.

Hoạt động thương mại phát triển nhanh, bảo đảm lưu thông hàng hoá tốt giữa các vùng trong tỉnh, với các tỉnh bạn và xuất nhập khẩu. Thương nghiệp quốc doanh được sắp xếp lại một bước, giữ vững ổn định nguồn hàng vật tư chiến lược: Xăng dầu, sắt thép, xi măng, phân bón... và bán buôn một số hàng hóa quan trọng khác. Kim ngạch xuất khẩu năm 1991 thực hiện được 14,5 triệu USD, tăng gấp 3 lần năm 1989, trong đó nguồn hàng địa phương chiếm khoảng 40% kim ngạch, chủ yếu là nông - lâm - hải sản. Thương nghiệp tư nhân chiếm phần lớn việc bán lẻ hàng tiêu dùng tạo đa dạng cho mọi nhu cầu trao đổi của xã hội làm phong phú về mặt hàng ở các tụ điểm đô thị và nông thôn. Tỉnh tập trung chỉ đạo việc nâng cấp chợ thị xó, thị trấn, tạo môi trường phát triển thương mại, tổ chức đăng ký kinh doanh, nộp thuế, chống thất thu thuế. Du lịch là ngành mới được hình thành sau chia tỉnh, đổ đầu tư xây dựng một số cơ sở vật chất ban đầu như khách sạn, nhà hàng đáp ứng nhu cầu phục vụ khách kể cả khách quốc tế đến nghỉ và làm việc.

Tuy vậy, vẫn còn một số đơn vị quốc doanh thương nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài, việc quản lý và sử dụng ngoại tệ chưa chặt chẽ, trình độ cán bộ làm xuất nhập khẩu chưa theo kịp yêu cầu mới, việc tổ chức đăng ký kinh doanh, kiểm soát hoạt động thương nghiệp tư nhân vẫn còn nhiều thiếu sót...

Về hàng hóa trên thị trường, hàng tiêu dùng dồi dào, đa dạng và lưu thông thuận lợi, trong đó nguồn hàng sản xuất trong tỉnh tuy chưa nhiều nhưng chất lượng, sản lượng tăng hơn trước và có tiến bộ về mẫu mốt. Sản xuất đó gắn chặt hơn với thị trường. Đây là kết quả của chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và đổi mới nhiều chính sách về sản xuất và lưu thông hàng hoá. Sản xuất công nghiệp nói chung, trong đó có sản xuất hàng tiêu dùng phát huy tiềm năng còn thấp.

Công tác quản lý thị trường tuy có cố gắng nhưng nạn buôn lậu trốn thuế vẫn còn nhiều, công tác thanh tra, kiểm tra thiếu chặt chẽ, phát hiện và xử lý các vụ vi phạm chưa kịp thời và chưa nghiêm. Sự phối hợp giữa các ngành thanh tra, kiểm tra, kiểm soát chưa chặt chẽ. Nhiều cấp, nhiều ngành bố trí cán bộ kinh doanh chưa tính kỹ đến năng lực nghiệp vụ chuyên môn. Có cán bộ được phân công làm kinh doanh thiếu hiểu biết về kinh tế, nắm không vững pháp luật. Chậm phát hiện và xử lý những cán bộ thoái hóa biến chất về đạo đức, có trường hợp phát hiện đó rồi nhưng xử lý không kịp thời. Chỉ đạo đấu tranh chống tham nhũng, chống buôn lậu chưa chặt chẽ và thiếu cương quyết, chưa tập trung vào các vụ trọng điểm lớn, điều tra kết luận các vụ đó khởi tố chậm, kết quả đấu tranh cũn kém, chưa đem lại niềm tin đối với nhân dân về lĩnh vực đấu tranh quan trọng này. Đó là những khuyết điểm chủ yếu trong quản lý kinh tế hai năm 1990-1991.

Trong quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, bên cạnh những mặt tích cực, đó xuất hiện nhiều hiện tượng tiêu cực mới mà sự lỏng lẻo, chỉ đạo của Đảng bộ chưa lường hết, chậm phát hiện và kịp thời xử lý. Đó là lối làm ăn chạy theo lợi nhuận bất kể giá nào, dẫn đến vi phạm pháp luật, trốn thuế, xâm phạm nghiêm trọng tài sản Xã hội chủ nghĩa và của công dân: nợ nần dây dưa, chiếm dụng vốn của nhau, nhiều trường hợp không có khả năng thanh toán.

Kinh tế quốc doanh đang nắm những bộ phận then chốt có vị trí chi phối nền kinh tế, có tác dụng

điều tiết thị trường và giá cả ở một mức độ nhất định. Có khoảng 20% công ty, xí nghiệp quốc doanh cố gắng vươn lên khá trong kinh doanh và thích ứng được với cơ chế mới. Số còn lại đang gặp khó khăn. Điểm yếu của kinh tế quốc doanh là hiệu quả kinh doanh thấp, chậm đổi mới hoạt động thích nghi với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường, có một số cơ sở bị tư nhân lợi dụng để làm ăn phi pháp.

Kinh tế tập thể trong nông nghiệp đó chuyển sang thực hiện rộng rãi cơ chế khoán, hộ gia đình xí viên là đơn vị kinh tế tự chủ, được giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài, bước đầu giải phóng được sức sản xuất, khai thác tiềm năng lao động và vốn của nhân dân làm thay đổi bộ mặt ở nông thôn và một phần ở miền núi. Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị thực sự đó đi vào cuộc sống, phù hợp với điều kiện kinh tế và nguyện vọng của nông dân. Song phần lớn các ban quản lý hợp tác xã đều lúng túng trong phương thức hoạt động và quản lý. Bộ máy quản lý chậm được đổi mới thích ứng, tổ chức chưa tốt dịch vụ sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tham gia thực hiện các chính sách xã hội ở nông thôn. Phân loại 131 hợp tác xã sản xuất nông nghiệp có 23,7% khó, 51,2% trung bình và 25,1% kém. Các vụ tranh chấp ruộng đất được tích cực giải quyết tại cơ sở có sự phối hợp tham gia của một số ngành, Mặt trận và các đoàn thể tỉnh, huyện, nhưng ở một số nơi vẫn còn âm ỷ dây dưa chưa giải quyết ổn thỏa. Có nhiều nguyên nhân, chủ yếu là do giải thích luật pháp chưa sâu và do còn thiếu công bằng trong giải quyết đất đai. Các nông trường quốc doanh chưa triển khai việc giao khoán ổn định lâu dài cho công nhân: phương thức quản lý chậm chuyển theo cơ chế quản lý mới.

Trong lĩnh vực sản xuất tiêu, thủ công nghiệp, một ít hợp tác xã đó vươn lên thích nghi được với thị trường, kinh doanh có lãi, nhưng phần lớn các hợp tác xã đang gặp khó khăn, có những hợp tác xã, tổ hợp tác chỉ là đơn vị kinh tế tập thể về hình thức, đó giải thể hoặc chuyển sang hoạt động dưới dạng tư nhân.

Hầu hết hợp tác xã mua bán kinh doanh thua lỗ và lũng túng về chuyển hướng hoạt động. Các hợp tác xã tín dụng ở nông thôn không cũn hoặc cũn chỉ là hình thức. Tình trạng tư nhân cho vay nặng lãi phát triển cả ở nông thôn và thành thị.

Kinh tế tư nhân tăng lên nhanh, có khoảng 1 vạn hộ kinh doanh nhiều ngành nghề, trong đó gần 90% kinh doanh thương nghiệp, còn lại trên lĩnh vực sản xuất thủy sản, trồng rừng, có hộ đó bỏ ra hàng trăm cây vàng để xây dựng cơ sở kinh doanh... nhưng nhiều người có vốn lớn vẫn chưa mạnh dạn đầu tư, còn dè dặt trước những biến động của nền kinh tế và cơ chế quản lý.

Khoa học và công nghệ bước đầu phát huy vai trò động lực, hướng vào nghiên cứu, ứng dụng, góp phần phát triển sản xuất nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, hải sản, hàng tiêu dựng, hàng xuất khẩu, nâng cao trình độ công nghệ của một số lĩnh vực sản xuất, tiếp thu và làm chủ được một số công nghệ mới, nhưng vẫn chưa được chú ý đầu tư đúng mức và chưa có phương hướng phát triển cụ thể. Bộ máy Nhà nước từng bước chuyển sang thực hiện chức năng quản lý nhà nước, khắc phục dần sự can thiệp vào hoạt động kinh doanh của các cơ sở kinh tế. Việc tuân trọng và làm theo pháp luật kinh tế được chú ý hơn.

Cụng với những đổi mới cơ chế quản lý, đó tiếp tục điều chỉnh quan hệ sản xuất ở nông thôn, cải tiến chế độ khoán và cơ chế quản lý trong các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, mở rộng về nhiều mặt

quyền tự chủ kinh doanh của các công ty, xí nghiệp quốc doanh, tạo điều kiện phát huy tính chủ động sáng tạo của các đơn vị kinh tế và của người lao động, nhờ đó thúc đẩy các cơ sở sản xuất theo nhu cầu thị trường, phấn đấu ỏp dụng tiến bộ kỹ thuật và cải tiến quản lý, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm.

Tỉ lệ tăng dân số chung của tỉnh cũn cao. Năm 1989 hơn 2,6% kể cả tăng cơ học. Hai năm 1990 – 1991 tỉ lệ này giảm xuống còn dưới 2,24%. Dân số mỗi năm tăng hơn 1,5 vạn người, lực lượng lao động khoảng 1 vạn người chưa có việc làm. Nhưng các chính sách và biện pháp giải quyết việc làm chưa cụ thể.

Giáo dục và đào tạo được duy trở và phát triển tốt. Nội dung giáo dục phổ thông được đổi mới một phần về chất lượng ở các trường chuyên. Có một số em đạt giải khỏ cao trong thi học sinh giỏi cả nước. Một số trường đó phát huy tốt truyền thống hiếu học của địa phương, trường sư phạm mở thêm một số lớp đại học tại chức, các lớp học ngoại ngữ cho nhiều đối tượng góp phần nâng cao trình độ kiến thức của nhân dân và cán bộ. Từ sau chia tỉnh đến cuối năm 1991, nhân dân và nhà nước đầu tư gần 3 tỷ đồng để tu sửa và xây dựng mới trường lớp. Số học sinh, giáo sinh toàn tỉnh là 13 vạn người, chiếm 1/5 dân số. Nhưng chất lượng giáo dục nhất là giáo dục tư tưởng, đạo đức còn kém, số học sinh phổ thông bỏ học nhiều, số người mù chữ tăng. Đời sống thầy cụ giáo còn nhiều khó khăn, giáo viên bỏ nghề đi làm việc khác. Việc đầu tư cho giáo dục miền núi, vùng dân tộc thiểu số tuy có được chú ý hơn nhưng vẫn còn nhiều hạn chế.

Công tác y tế bảo vệ sức khoẻ nâng cao thể lực của nhân dân được các cấp các ngành quan tâm hơn. Bệnh viện trung tâm tỉnh được đầu tư trên 1,5 tỷ đồng để sửa chữa, nâng cấp, mở rộng và mua thêm trang thiết bị mới, trang bị thêm cho các bệnh viện, phân viện cấp huyện, các phòng khám khu vực, trạm y tế và nhà hộ sinh xã, phường.

Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho các hoạt động văn hoá thông tin, văn học, nghệ thuật, phát thanh, truyền hình, nhà in, báo chí... được chú ý xây dựng và bước đầu hoạt động có hiệu quả. Ngay sau tái lập tỉnh, ngành văn hoá thông tin đã xây dựng phương án bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá dân tộc. Thông qua công tác nghiên cứu khoa học, khảo sát, sưu tầm tư liệu, khảo cổ đã thu thập được nhiều hiện vật có giá trị về lịch sử, văn hoá như bộ đàn đá Tuy An; cặp kèn đá thời tiền sử có niên đại khoảng 2.500 năm; 3 trống đồng Đông Sơn có niên đại cách đây trên 2.000 năm; khai quật di chỉ khảo cổ Cồn Đình, Gò ốc thuộc huyện Sông Cầu với trên 5.350 hiện vật... Lập hồ sơ đề nghị Nhà nước xếp hạng cấp quốc gia nhiều di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh<sup>17[17]</sup>. Tiến hành sưu tầm

---

<sup>17[17]</sup> Di tích lịch sử - văn hoá và danh lam thắng cảnh cấp quốc gia ở Phú Yên (đến tháng 6-2006):

- Thắng cảnh quốc gia Đầm ẽ Loan.
- Thắng cảnh quốc gia Gành Đá Dĩa.
- Di tích lịch sử - thắng cảnh Nhạn Thòp.
- Di tích lịch sử - văn hoá Thành Hồ.
- Di tích lịch sử Đền thờ Lương Văn Chánh.
- Di tích lịch sử Thành An Thỏ.
- Di tích lịch sử - văn hoá Chùa Từ Quang (Đá Trắng).
- Di tích lịch sử nơi thành lập Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam đầu tiên ở Phú Yờn.
- Di tích lịch sử địa điểm diễn ra cuộc đồng khởi Hoà Thịnh.
- Di tích lịch sử Mộ và Đền thờ Lê Thành Phương.

và khôi phục có chọn lọc các sinh hoạt văn hoá ở địa phương thuộc văn hoá phi vật thể. Công tác xây dựng nếp sống văn hoá và gia đình văn hoá được tiến hành từ tỉnh đến cơ sở với nhiều biện pháp hữu hiệu; lồng ghép với chương trình dân số kế hoạch hoá gia đình, phổ cập giáo dục, xoá mù chữ cùng với các nội dung sinh hoạt chính trị khác tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi. Hoạt động văn hoá văn nghệ phong phú hơn về nội dung, đa dạng hơn về hình thức và thể loại, tinh thần dân chủ bước đầu được phát huy. Tuy vậy, mức hưởng thụ văn hoá, văn nghệ của đông đảo nhân dân lao động cũn thấp, nhất là ở nhiều vùng nông thôn, miền núi, hải đảo. Hoạt động văn hoá nghệ thuật thường tập trung ở đô thị. Quản lý phim ảnh, xuất bản chưa chặt chẽ, văn hoá phẩm độc hại từ nhiều nguồn nhập và gây ra hỗn loạn, tác hại đối với thanh thiếu niên. Có trường hợp vi phạm qui định xuất bản khỏ nghiêm trọng.

Trong tình hình quốc tế và khu vực có những biến động rất phức tạp, các thế lực thù địch lợi dụng tình hình các nước Xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô lâm vào khủng hoảng toàn diện và sâu sắc, đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hoà bình” phản cách mạng, âm mưu xoá bỏ Chủ nghĩa xã hội, coi Việt Nam là trọng điểm đánh phá của chúng. Kẻ thù trong và ngoài nước ráo riết hoạt động chống Đảng, chống Chủ nghĩa xã hội. Đảng bộ có nhiều cố gắng trong việc thực hiện Nghị quyết Bộ Chính trị về nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, cơ bản giữ được thế ổn định về tình hình các mặt của tỉnh. Các lực lượng quân đội, công an, bộ đội biên phòng phối hợp với các ngành, các đoàn thể đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, đi vào chiều sâu. Xây dựng và củng cố một bước lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên. Các lực lượng vũ trang duy trở được chế độ sẵn sàng chiến đấu, nhất là qua tổ chức các cuộc diễn tập phòng thủ 90, 91 từ tỉnh đến tất cả các huyện, thị xã, đó cũng có một bước thế trận chiến tranh nhân dân. Công tác thu quân đào ngũ có tiến bộ. Công tác hậu phương quân đội được quan tâm hơn. Thực chính trị ở cơ sở nhất là tuyến biển và miền núi được chú ý tăng cường. Tình hình an ninh, trật tự xã hội ở xã, phường có chuyển biến khá hơn trước, ngăn chặn không để xảy ra đột biến xấu. Chất lượng các lực lượng vũ trang được củng cố một bước đáng kể về chất. Tuy vậy, trước tình hình diễn biến khỏ phức tạp, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành với các lực lượng vũ trang có nơi có lúc chưa chặt chẽ, *hiện tượng mất cảnh giác cách mạng cũn phổ biến, công tác bảo vệ nội bộ chưa được coi trọng đúng mức*. Công tác an ninh tư tưởng chưa tốt và thiếu đồng bộ. An ninh tuyến biển, miền núi nhất là vùng giáp ranh với các tỉnh Tây Nguyên tuy có được củng cố một bước, nhưng vẫn còn nhiều sơ hở, biện pháp đối phó chưa chủ động. Chống vượt biển có nơi có lúc còn lơ lảng. Tội phạm hình sự, kinh tế và những tệ nạn xã hội ngăn chặn chưa có hiệu quả.

Trong sinh hoạt Đảng, trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể cũng như trong xã hội bắt đầu có không khí thảo luận cởi mở, dám nói sự thật. Mọi người hăng hái đóng góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện quan trọng của Đảng và Nhà nước... Dân chủ Xã hội chủ nghĩa bước đầu đó được thực hiện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các thành phần kinh tế đó mở rộng quyền tự chủ phát huy tiềm năng và sáng tạo sản xuất kinh doanh theo pháp luật. Nhưng các tiến bộ đó chỉ mới bước đầu, cũn hạn chế, quyền dân chủ của nhân dân chưa được phát huy đầy đủ mọi lĩnh vực. Hiện tượng mất dân chủ, tệ nạn quan liêu, mệnh lệnh, áp đặt vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi. Xuất hiện khuynh

- 
- Di tích lịch sử vụ thăm sát Ngân Sơn – Chí Thạnh.
  - Di tích lịch sử Tàu không số trên vùng biển Vũng Rô.
  - Di tích lịch sử Đường số 5.

hướng dân chủ cực đoan, buông lỏng kỷ cương xã hội, coi thường pháp luật.

Hội đồng nhân dân các cấp được đổi mới tổ chức và hoạt động, khắc phục có hiệu quả tính hình thức, hoạt động đạt hiệu quả tốt hơn. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện, thị xã lúc đầu có lúng túng, đó đưa hoạt động đi dần vào nền nếp theo luật tổ chức và quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân. Ủy ban nhân dân các cấp chú ý đổi mới phương thức hoạt động, có bước tiến bộ mới trong điều hành và quản lý Nhà nước bằng pháp luật, trong tổ chức và chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và Nhà nước cấp trên.

Các cơ quan toà án, tư pháp, kiểm sát, thanh tra, trọng tài kinh tế được chú ý kiện toàn đáp ứng yêu cầu tăng cường giáo dục pháp luật đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân, giải quyết các đơn thư khiếu nại, góp phần làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Nhược điểm lớn của đội ngũ cán bộ, công nhân viên Nhà nước là ít được đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn, thiếu kinh nghiệm về tổ chức và quản lý Nhà nước, thiếu thực tiễn nên hiệu quả hoạt động còn thấp.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng đó có những tiến bộ mới về đổi mới tổ chức và hoạt động. Mặt trận tỉnh chú ý đổi mới nội dung và phương thức tham gia xây dựng chính quyền, xây dựng luật pháp, tổ chức hoạt động mặt trận ở địa bàn dân cư, vận động phụ lão. Liên đoàn lao động đi đôi với củng cố tổ chức công đoàn cơ sở chú ý đi sâu góp phần vào giải quyết các khó khăn về sản xuất và đời sống. Hội nông dân tổ chức tốt phong trào nông dân sản xuất giỏi, làm kinh tế gia đình, xây dựng nông thôn mới, bình chọn gần 2.000 nông dân sản xuất giỏi các cấp. Hội liên hiệp phụ nữ có nhiều cố gắng trong đổi mới phương thức tập hợp giáo dục phụ nữ, nâng cao giác ngộ Xã hội chủ nghĩa, bồi dưỡng cán bộ, đồng viên phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy và chăm sóc trẻ em. Đoàn thanh niên bước đầu đổi mới phương thức tập hợp giáo dục thanh thiếu niên, nâng cao chất lượng đoàn viên, bồi dưỡng cán bộ đoàn ở cơ sở. Hội cựu chiến binh tuy mới được thành lập đó sớm hình thành tổ chức từ tỉnh đến cơ sở, kết nạp hơn 3.000 hội viên gồm những anh chị em cựu chiến binh đó được rón luyện trong chiến tranh cách mạng, bước đầu đó có những đóng góp tốt trong giáo dục thanh niên, công tác xã hội ở cơ sở. Các phong trào hành động cách mạng của quần chúng đó có những việc làm thiết thực góp phần vào ổn định tình hình chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng tỉnh nhà theo hướng dân giàu, nước mạnh. Hội chữ thập đỏ, Hội Y học dân tộc được củng cố và kiện toàn, phát triển thêm hội viên mới, góp phần thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội. Hội nuôi tôm, Hội làm vườn góp phần giáo dục hội viên ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, tăng thu nhập cho hội viên. Khuyết điểm nổi lên là cũn nhiều cấp ủy Đảng nhận thức công tác mặt trận và các đoàn thể chưa đúng, mặt trận và các đoàn thể cũn nhiều lúng túng trong đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, sinh hoạt các đoàn thể nhất là Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh nhiều nơi còn rời rạc. Có một số điển hình tốt về công tác quần chúng, nhưng chậm tổng kết và phát huy để nhân phong trào rộng hơn.

Thực tế cho thấy muốn tạo ra phong trào cách mạng sâu rộng của quần chúng không những phải có chủ trương đúng, làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng, mà cũn phải chú ý đổi mới phương thức hoạt động và có biện pháp tổ chức đúng trong công tác vận động quần chúng. Đảng bộ



không ngừng phát huy truyền thống kiên cường và bất khuất của nhân dân, lính đạo và động viên nhân dân trong tình đoàn kết vượt qua những khó khăn thử thách, góp phần vào xây dựng quê hương.

Công tác xây dựng Đảng đó có bước chuyển biến mới về công tác tư tưởng và công tác tổ chức gắn với hoạt động kinh tế - xã hội, góp phần quan trọng vào thực hiện có kết quả công cuộc đổi mới, xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Tinh uỷ sớm có chủ trương và đó tổ chức tốt lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhằm trang bị lại tư duy kinh tế - xã hội cho cán bộ và đảng viên nhất là đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt tinh, chuyển nền kinh tế hành chính quan liêu bao cấp sang sản xuất hàng hóa, nhiều thành phần, khắc phục tư tưởng sản xuất tự cung tự cấp, trông chờ ỷ lại trên. Nhiều cấp uỷ đó có sáng tạo trong vận dụng Nghị quyết của Trung ương vào hoàn cảnh của địa phương, chỉ đạo có hiệu quả trên các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, trồng cây gây rừng, phát triển kinh tế biển, thực hiện 3 chương trình kinh tế. Tập trung chỉ đạo triển khai quán triệt các Nghị quyết 6, 7, 8 của Trung ương (khoá VI), giải đáp các băn khoăn thắc mắc của cán bộ, đảng viên và quần chúng, tạo được sự nhất trí cao trong nội bộ và nhân dân. Cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh khẳng định đi theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Bác Hồ đó chọn, kiên quyết chống đa nguyên, đa đảng. Đồng thời làm tốt dân chủ nội bộ, gắn với cuộc đấu tranh chống những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, lợi dụng dân chủ vu khống công kích cô nhân hoạt động trôi với nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, coi thường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Bước đầu phát huy được dân chủ nội bộ trước hết là trong các cấp uỷ Đảng, đó nâng cao một bước vai trò lính đạo tập thể, trách nhiệm cô nhân. Qua sinh hoạt tự phê bình và phê bình đó tạo được bầu không khí cởi mở, thẳng thắn và xây dựng.

Tuy vậy, công tác tư tưởng có lúc chưa kịp thời. Sự phối hợp giữa các binh chủng làm công tác tư tưởng với các đoàn thể quần chúng chưa chặt và chưa đồng bộ nên chưa tạo được sức mạnh tổng hợp trong đấu tranh chống các biểu hiện sai trái.

Về xây dựng tổ chức cơ sở đảng: Qua khảo sát các loại hình cơ sở, phân tích chất lượng đảng viên, Tinh uỷ ra Chỉ thị 05, 09 củng cố tổ chức cơ sở Đảng, làm trong sạch và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Đây là đợt sinh hoạt tư tưởng sâu rộng nhất từ trước đến nay trong Đảng bộ, với tinh thần tự phê bình và phê bình đó ngăn chặn và đẩy lùi một bước tiêu cực trong nội bộ Đảng. Phân loại 375 tổ chức cơ sở Đảng trong toàn tỉnh cũn 15% tổ chức cơ sở yếu kém; trong số 9174 đảng viên toàn tỉnh có 3858 đảng viên tiên phong gương mẫu, chiếm hơn 1/3 tổng số đảng viên. Hầu hết đảng viên trong Đảng bộ được tiến hành kiểm tra chấp hành điều lệ Đảng, giúp cho đảng viên thấy được ưu điểm để phát huy, sửa chữa các khuyết điểm, thiếu sót. Thi hành kỷ luật 248 đảng viên, trong đó khiển trách 53, cảnh cáo 96, cách chức 30, khai trừ 69; và đưa ra bằng nhiều hình thức 149. Phát triển đảng viên mới 548 đồng chí, nhưng nhờn chung chậm, có nơi số đưa ra nhiều hơn số mới kết nạp. Các tổ chức cơ sở Đảng bước đầu được kiện toàn và sắp xếp lại. Xác định rừ hơn vị trí, chức năng của tổ chức cơ sở. Nhiều tổ chức cơ sở xây dựng được quy chế làm việc, phân công đảng viên. Nội dung sinh hoạt chi bộ được chú ý cải tiến và có chất lượng hơn trước.

Tuy vậy, việc nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở chuyển biến chưa mạnh. Sự gắn bó giữa đảng viên và quần chúng có nơi chưa tốt. Năng lực lính đạo của một số tổ chức cơ ở Đảng cũn yếu, nhất là ở miền núi và một số xó ven biển, các đơn vị làm kinh doanh.

Sau hai năm 1990-1991, tỉnh đó kịp thời bố trí đủ cán bộ lãnh đạo phụ trách các ban ngành tỉnh: chú ý cải tiến và đổi mới một bước công tác cán bộ. Nhưng nhược điểm là sự hiểu biết chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới, thiếu cán bộ biết kinh doanh và quản lý. Việc bố trí, sử dụng, chính sách cán bộ cũn có mặt chưa tốt. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tuy có được chú ý hơn, nhưng chưa có quy hoạch cụ thể cả trước mắt và lâu dài, nhất là đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt kế cận.

Về phong cách và lề lối làm việc, các cấp uỷ đó có bước chuyển biến mới trong chỉ đạo sát cơ sở, chú ý phát huy vai trò lãnh đạo tập thể và phương pháp làm việc dân chủ. Trong sinh hoạt cấp uỷ, đó chú ý thảo luận làm rừ những vấn đề cũn có ý kiến khác nhau. Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể được xác định rừ hơn. Tuy vậy, một số nơi cấp uỷ vẫn còn bao biện làm thay công việc của chính quyền, đoàn thể, phát huy chưa tốt hiệu lực quản lý của Nhà nước, vai trò của các đoàn thể.

Nhìn chung, những thành tựu đạt được sau chia tỉnh là sự cố gắng và quyết tâm cao của các cấp uỷ Đảng, của các ngành và sự giúp đỡ to lớn của Trung ương, sự đóng góp công sức của nhân dân. Tuy vậy, những kết quả đạt được chỉ là bước đầu, chưa vững chắc. Công tác chính trị tư tưởng cũn nhiều việc chưa được triển khai, cũn nơi, cũn lúc làm chưa sâu sắc, nhất là chưa tập trung làm chuyển biến nhận thức, quan điểm lập trường của cán bộ, đảng viên theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khoá VI). Một bộ phận cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức và lực lượng vũ trang chưa được bồi dưỡng, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, ý thức cách mạng, mục tiêu lý tưởng phục vụ cách mạng, phục vụ đảng, phục vụ nhân dân. Chưa đấu tranh kịp thời và cũn hiệu quả tư tưởng hoài nghi và các hiện tượng tiêu cực. Chưa chỉ đạo nắm chắc tình hình và ý kiến của các tầng lớp nhân dân và dư luận xã hội để kịp thời điều chỉnh thiếu sót trong các chính sách xã hội phù hợp với lòng dân.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo cũng như điều hành công tác sản xuất kinh doanh của Đảng bộ cũn nhiều hạn chế như: Chậm đề ra chính sách kinh tế, xã hội để phát huy mặt tích cực của các thành phần kinh tế; cũn buông lỏng công tác kiểm tra, kiểm soát; ngân sách cũn thất thu, nhất là thuế công nghiệp, thuế nuôi rừn, thuế sát sinh...Cổ những công việc chỉ đạo, điều hành chưa nghiêm, chưa đến nơi, đến chốn như: công tác quản lý nhà, đất, quản lý chi tiêu hành chính, quản lý cán bộ, nhất là cán bộ khối sản xuất kinh doanh, nhiều công ty, xí nghiệp lập ra không xác định rõ chức năng; nhiệm vụ chùng chéo gây khó khăn trong quản lý. Bộ máy và cán bộ nhiều ngành như Thủy sản, Lương thực, Công nghiệp chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ. Cán bộ trong bộ máy tăng số lượng nhân viên phục vụ, trong khi đó cán bộ đầu đàn, chuyên gia giải về quản lý kinh tế và kỹ thuật cũn thiếu nhiều. Việc chỉ đạo xây dựng các vùng trong tỉnh trong thời gian đầu chưa tập trung đúng mức. Công tác xây dựng cơ bản, thiếu quan tâm chỉ đạo giải quyết những yêu cầu cấp bách các khu dân cư cũ ở thị xã Tuy Hoà. Tỷ lệ ngân sách đầu tư cho xây dựng cơ bản cũn thấp, trong khi đó ngân sách dành cho chi tiêu hành chính quá lớn.

Từ sau chia tỉnh, đến Đại hội Đảng bộ lần thứ XI (vòng 1) Tỉnh uỷ cũn 13 lần họp, sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ chú trọng đi sâu vào từng mặt công tác lớn trong đó, 2 lần Tỉnh uỷ họp bất thường và 2 lần Tỉnh uỷ họp mở rộng. Tỉnh uỷ đã ra 2 Nghị quyết quan trọng: Hội nghị Tỉnh uỷ lần thứ nhất họp từ ngày 27 đến ngày 28-6-1989, bàn và ra Nghị quyết về những công tác cấp bách sau chia tỉnh. Hội nghị Tỉnh uỷ lần thứ bảy, họp từ ngày 24 đến ngày 29-12-1990 kiểm điểm sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ năm 1990 và

phương hướng nhiệm vụ năm 1991; kiểm điểm các đồng chí Tỉnh ủy viên.

Đầu tháng 12-1990, Tỉnh ủy mở đợt sinh hoạt chính trị thảo luận và lấy ý kiến đóng góp vào các dự thảo văn kiện Đại hội VII của Đảng, gần 80% đảng viên và hàng ngàn quần chúng tham gia.

Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 9 họp từ ngày 19 đến ngày 20-4-1991, thông qua bản tổng hợp ý kiến của Đại hội cơ sở, cấp huyện, thị và tương đương đóng góp vào 5 dự thảo văn kiện Đại hội lần thứ VII của Đảng. Báo cáo kết quả Đại hội Đảng cấp huyện, thị và chuẩn bị nội dung chương trình cho Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh dự Đại hội VII của Đảng. Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 10, họp vào đêm ngày 25-4-1991 thông qua danh sách Đoàn đại biểu Đảng bộ tỉnh đi dự Đại hội lần thứ VII của Đảng.

Từ ngày 23 đến ngày 27-4-1991, tại Hội trường Trường Đảng tỉnh (thị xã Tuy Hòa) Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (vòng 1) khai mạc. Đại hội bảo đảm đúng nguyên tắc, thủ tục theo Điều lệ Đảng và các quy định của Trung ương. Đại hội đã bầu 13 đồng chí đại biểu (trong đó có 01 đại biểu đương nhiên), đại diện cho 9.176 đảng viên toàn tỉnh đi dự Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

Từ ngày 22 đến ngày 25-7-1991, Hội nghị lần thứ 12 của Tỉnh ủy bàn và thông qua một số quyết nghị quan trọng còn tồn tại sau chia tỉnh như: Vấn đề chia tài sản; vấn đề ranh giới của tỉnh; vấn đề hoạt động của các doanh nghiệp Nhà nước; vấn đề nhà máy đường Đồng Bò; vấn đề tàu Phú Yên 2; nhà 201 đường Trần Hưng Đạo; vấn đề Báo Phú Yên; vấn đề đoàn kết nội bộ... Hội nghị tiếp tục hoàn chỉnh báo cáo kiểm điểm về sự lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy trong nhiệm kỳ qua để trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (vòng 2). Về vấn đề đoàn kết nội bộ, Tỉnh ủy có lưu ý việc quan hệ chưa tốt ở một số đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đã có biểu hiện khắc phục.

Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã làm thay đổi lớn cục diện chính trị thế giới. Trước tình hình đó, Quốc hội khoá VIII nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Hiến pháp năm 1992, khẳng định mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong quá trình xây dựng và củng cố Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đồng thời với việc ra đời Hiến pháp 1992, công cuộc đổi mới của Đảng cũng thu được những thành tựu quan trọng, Đảng chủ trương mở rộng, đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ đối ngoại cả về chính trị, kinh tế, văn hoá và khoa học, kỹ thuật; cả về Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức phi chính phủ, *trên nguyên tắc tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, bảo vệ và phát triển kinh tế, giữ gìn và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của nền văn hoá dân tộc*. Trên tinh thần đó và bằng những thành tựu đã đạt được, Đảng bộ Phú Yên tập trung lãnh đạo việc chuẩn bị Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI.

## **II. ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XI (VÒNG 2), THỰC HIỆN ĐỔI MỚI KINH TẾ – XÃ HỘI (1992-1995).**

Từ sau ngày tái lập tỉnh, dưới ánh sáng của các chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, tình hình kinh tế và đời sống nhân dân trong tỉnh dần dần được cải thiện, sinh hoạt dân chủ trong xã hội ngày càng được phát huy, lòng tin của nhân dân vào công cuộc đổi mới tăng lên. Tuy nhiên, những kết quả do đổi mới đem lại còn hạn chế và chưa vững chắc. Do những thiếu sót chủ quan trong chia tỉnh và tác động bất lợi của những yếu tố khách quan, bên cạnh những nhân tố tích cực, tình hình

kinh tế-xã hội có những diễn biến phức tạp mới: Nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh đình đốn kéo dài, lạm phát trong nước ở mức cao, tình trạng tham nhũng, tiêu cực, bất công trong xã hội tiếp tục phát triển; đời sống của những người mà nguồn thu nhập chính dựa vào tiền lương hoặc trợ cấp xã hội và một bộ phận nông dân tiếp tục giảm sút; tâm trạng lo lắng trong một bộ phận nhân dân có chiều hướng tăng lên.

Trước tình hình đó, từ ngày 02 đến ngày 05-01-1992, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI (vòng 2) được tiến hành tại Nhà Văn hóa trung tâm tỉnh (thị xã Tuy Hoà). Dự Đại hội có 296 đại biểu, thay mặt cho trên 9.174 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Trên cơ sở phân tích một cách sâu sắc tình hình mọi mặt sau chia tỉnh, nhận rõ những thuận lợi và khó khăn, đánh giá các thành tích và khuyết điểm, báo cáo của Tỉnh ủy trước Đại hội Đảng bộ khẳng định những khả năng to lớn của tỉnh trên ba thế mạnh, có điều kiện giải quyết vững chắc lương thực, phát triển nghề biển, nghề rừng, sản xuất các hàng tiêu dùng cần thiết cho đời sống và xuất khẩu bằng nguyên liệu của địa phương.

Đại hội đã thông qua phương hướng, nhiệm vụ chung và các mục tiêu lớn của kế hoạch 5 năm (1991-1995) vạch ra nhiệm vụ của Đảng bộ trong 2 năm 1992-1993, thông qua những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế, văn hoá. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 41 ủy viên chính thức, đồng chí Nguyễn Duy Luân, Ủy viên Trung ương Đảng, được bầu lại làm Bí thư Tỉnh ủy. Cơ cấu Ban chấp hành mới của Đảng bộ phản ánh sự quan tâm của Trung ương Đảng và vị trí của Đảng bộ trong giai đoạn cách mạng mới.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng, các Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba, họp từ ngày 12,13-6-1992 bàn và ra nghị quyết về phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 13, họp ngày 18 đến ngày 20-11-1993 bàn và ra Nghị quyết về đổi mới và phát triển kinh tế-xã hội nông thôn... đã cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, làm cho tình hình các mặt của đời sống xã hội chuyển biến tích cực.

Trong nông nghiệp tiếp tục giải phóng sức sản xuất, khai thác và huy động cao nhất mọi nguồn lực, mọi tiềm năng để phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn, tăng năng suất lao động, tạo ra được khối lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp, ngành nghề nông thôn có một số mặt tăng trưởng khá. Kinh tế hộ được phát huy, đời sống vật chất và văn hoá đại bộ phận nông dân được cải thiện, diện hộ nghèo và thiếu đói giảm dần, số hộ giàu và khá tăng. Cùng với việc giải phóng và phát triển sức sản xuất, quan hệ sản xuất Xã hội chủ nghĩa được giữ vững và củng cố; số hợp tác xã làm ăn khá, giải chiếm 32,3%; loại trung bình chiếm 40,2% và loại yếu kém 27,5%.

Hàng hoá trên thị trường, nhất là hàng tiêu dùng ngày càng dồi dào, đa dạng và lưu thông thuận lợi. Thị trường từng bước được mở rộng, hàng hoá phong phú với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, bước đầu đã huy động được nhiều tiềm năng về vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm quản lý, kinh doanh của các tầng lớp nhân dân vào sản xuất, lưu thông, phục vụ mua bán. Đã tổ chức được 18 doanh nghiệp Nhà nước, trên 270 doanh nghiệp tư nhân, 20 Công ty trách nhiệm hữu hạn và trên 9.000 hộ kinh doanh thương mại dịch vụ, khách sạn, nhà trọ với tổng vốn lưu chuyển hàng hoá bán lẻ trên thị trường lên đến trên 1.021 tỷ đồng (gấp 11,8 lần so với năm 1989).

Mạng lưới chợ trên địa bàn được sửa chữa, xây mới và tổ chức lại, thuận tiện cho việc trao đổi

mua bán hàng hoá. Đa số các xã phường đều có chợ. Đã hình thành được một số trung tâm thương mại ở thị xã, thị trấn, thị tứ. Thương nghiệp quốc doanh có sự chuyển đổi phương thức kinh doanh, dần thích nghi với cơ chế thị trường; giữ tỷ trọng tuyệt đối về xuất khẩu. Thị trường ngoài nước cũng được mở rộng, có thêm nhiều bạn hàng ở các nước trong khu vực và thế giới. Từ chỗ quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, đã mở rộng quan hệ với 33 nước trên khắp các châu lục và khu vực thế giới, kim ngạch xuất khẩu đã tăng 50,6 lần so với năm 1989.

Kết quả thực hiện các mục tiêu của ba chương trình kinh tế, gắn liền với những chuyển biến tích cực trong việc điều chỉnh cơ cấu đầu tư và bố trí lại cơ cấu kinh tế. Tỉnh đã đầu tư một số công trình trọng điểm phục vụ ba chương trình kinh tế hoặc công trình có ý nghĩa trọng yếu. Giai đoạn 1991-1995, tổng nguồn vốn đầu tư huy động toàn xã hội vào khoảng 1.855 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 23,5%. Cơ cấu vốn: ngành nông nghiệp chiếm 13,7% tổng vốn đầu tư. Ngành công nghiệp chiếm 54,08% tổng vốn đầu tư. Ngành giao thông vận tải, bưu điện, thông tin liên lạc, chiếm 14,82% tổng vốn. Ngành giáo dục, chiếm 2,48% tổng vốn. Ngành y tế, chiếm 2,09% tổng vốn. Ngành văn hoá, chiếm 0,92% tổng vốn. Do được đầu tư đúng hướng, nên cơ cấu kinh tế bắt đầu chuyển dịch theo hướng tích cực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cao, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 1991-1995 đạt 7,4%/năm.

Tuy nhiên, công tác đầu tư trong giai đoạn này còn những hạn chế: Nguồn vốn đầu tư thấp. Nhu cầu vốn đầu tư lớn, nhưng các nguồn vốn đáp ứng không đủ tạo sự chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế. Nguồn đầu tư xây dựng cơ bản chủ yếu dựa vào trợ cấp vốn của Trung ương, nhưng xu hướng ngày càng giảm; trong khi đó nguồn vốn tín dụng Nhà nước rất hạn hẹp và thường được giao bằng kế hoạch chậm, thủ tục rườm rà, gây không ít khó khăn cho đầu tư; nguồn vốn của các doanh nghiệp thấp do làm ăn ngày càng kém hiệu quả; vốn đầu tư trong dân cư không cao do phần lớn lực lượng lao động trong xã hội là lao động nông nghiệp, tích tụ vốn của hộ gia đình thấp...Ngoài những hạn chế đó, còn có hạn chế về hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư chưa cao, còn dàn trải, lãng phí và thất thoát, nhất là vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước.

Từ ngày 21 đến ngày 26-8-1992, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XI họp nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Hội nghị đánh giá: Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước do sự sụp đổ của một loạt các nước xã hội chủ nghĩa, tình hình tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên ở Phú Yên có những biểu hiện không bình thường: Đến cuối tháng 6 năm 1992, toàn tỉnh có 362 tổ chức cơ sở Đảng. Số tổ chức cơ sở Đảng yếu kém chiếm 10%; một số tổ chức cơ sở Đảng ở một số xã miền núi, ven biển tình trạng yếu kém kéo dài, cá biệt có nơi bỏ sinh hoạt Đảng 6 tháng liên tục; các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng bị vi phạm nghiêm trọng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ. Kỷ luật, kỷ cương của Đảng không được chấp hành nghiêm chỉnh... Một bộ phận đảng viên tha hoá, biến chất, sa sút ý chí... không giữ được vai trò lãnh đạo, cá biệt có một bộ phận đảng viên đồng tình với những việc làm sai trái của quần chúng; ý thức tổ chức kỷ luật kém, có đảng viên bỏ sinh hoạt đảng. Trong 8 tháng đầu năm 1992 toàn tỉnh có 196 đảng viên bỏ sinh hoạt Đảng từ 1 kỳ trở lên; 22 đảng viên khi chuyển sinh hoạt không nộp giấy giới thiệu sinh hoạt Đảng cho đơn vị mới; 12 đảng viên làm đơn xin ra khỏi Đảng; 36 đảng viên bị xoá tên và 73 đảng viên bị khai trừ ra khỏi Đảng.

Để chấn chỉnh tình hình đó, Tỉnh ủy đã chỉ đạo công tác đổi mới chính đốn Đảng lần này là: Phải nghiên cứu quán triệt sâu sắc các tư tưởng chỉ đạo và nội dung cơ bản của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VII. Gắn đổi mới và chỉnh đốn Đảng với nhiệm vụ trọng tâm là phát triển kinh tế coi trọng việc bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo của cấp ủy và chất lượng đội ngũ đảng viên. Gắn xây dựng tổ chức và phát huy hiệu lực của hoạt động chính quyền; gắn xây dựng tổ chức và phát huy vai trò của đoàn thể.

Sau Hội nghị Tỉnh ủy, Ban thường vụ các Huyện, Thị ủy tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết cho cán bộ chủ chốt (có nơi mời các đồng chí cán bộ trung, cao cấp nghỉ hưu tham gia), thảo luận Chương trình hành động của Tỉnh ủy, trên cơ sở đó đề ra Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết ở cấp mình. Đến cuối tháng 10-1992, 100% tổ chức cơ sở Đảng và các đoàn thể quần chúng trong tỉnh đã hoàn thành việc quán triệt Nghị quyết của Tỉnh ủy. Qua học tập, quán triệt nghị quyết, đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân nhất trí cao với Trung ương, thấy rõ tầm quan trọng và cấp bách của việc “Đổi mới và chỉnh đốn Đảng” là đúng lúc và cần thiết đối với sự sống còn của Đảng và sự nghiệp cách mạng, tán thành chủ trương, nhiệm vụ, những biện pháp lớn đã đề ra trong Nghị quyết; ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong công tác xây dựng Đảng được nâng lên; củng cố được lòng tin của cán bộ, đảng viên và quần chúng vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn. Bên cạnh đó, sau học tập Nghị quyết còn một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng chưa thật tin tưởng Đảng và Nhà nước có thể chống được tham nhũng và buôn lậu. Một số địa phương, đơn vị khi quán triệt Nghị quyết chưa sâu, còn mang tính phổ biến Nghị quyết. Để chấn chỉnh tình hình đó, từ giữa tháng 5-1993, Tỉnh ủy chủ trương tiếp tục bước 2 triển khai quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá VII) và Chương trình hành động của Tỉnh ủy.

Trong những ngày đầu tháng 4-1994, một vinh dự lớn đối với Đảng bộ và nhân dân Phú Yên là được đón đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Việt Nam đến thăm và làm việc. Sau khi nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy báo cáo tình hình hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, đồng chí Đỗ Mười đã cho những chỉ thị quan trọng, góp phần nâng cao nhận thức và làm sáng tỏ một số vấn đề về phương hướng và con đường vươn lên của Đảng bộ trong giai đoạn mới. Đồng chí đã vạch ra cho Đảng bộ những suy nghĩ về công tác lãnh đạo, chỉ đạo nhằm thực hiện một cách sáng tạo và đạt hiệu quả cao đường lối đổi mới của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của tỉnh.

Để đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, từ ngày 14 đến ngày 16-4-1994, Hội nghị đại biểu Đảng bộ tỉnh giữa nhiệm kỳ được tiến hành, với sự tham dự của 149 đại biểu thay mặt cho hơn 9.600 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Hội nghị đại biểu Đảng bộ giữa nhiệm kỳ (khoá XI) đã đánh giá: Qua 3 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng và hơn 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, trong điều kiện tình hình gặp nhiều khó khăn, nhất là cơn lũ lụt lớn cuối năm 1993 gây tổn thất nặng nề, nhưng Đảng bộ và nhân dân đã nỗ lực vượt qua khó khăn thử thách, tập trung sức giải quyết những vấn đề cấp bách về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, tiếp tục giành được những thắng lợi bước đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh nhà. Tuy nhiên, trong lãnh đạo, chỉ đạo đã bộc lộ những yếu kém và khó khăn mới. Hội nghị đại

biểu Đảng bộ giữa nhiệm kỳ khoá XI đánh giá:

Kinh tế của tỉnh chủ yếu là kinh tế nông nghiệp, tuy có cố gắng nhưng phát triển chưa toàn diện, tốc độ tăng trưởng chậm. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất, và khoán đất rừng ổn định lâu dài cho dân và công tác đổi mới quản lý hợp tác xã nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 khoá VII làm chậm. Bảo vệ rừng là khâu yếu. Đánh bắt hải sản năng suất thấp; dịch vụ thủy sản kém phát triển. Công tác khuyến nông, lâm, ngư chậm triển khai; việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới còn ít.

Giá trị công nghiệp tiểu thủ công nghiệp chiếm tỷ trọng thấp khoảng 11% giá trị tổng sản phẩm xã hội, tốc độ tăng trưởng chậm; sự chỉ đạo, điều hành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp thiếu tập trung, nhập thiết bị cũ, thiếu đồng bộ nên hiệu quả hoạt động của công nghiệp còn thấp. Công tác quản lý xây dựng cơ bản còn nhiều thiếu sót, hiệu quả đầu tư chưa cao; tốc độ phát triển cơ sở hạ tầng chậm. Việc chỉ đạo hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước chưa gắn với thúc đẩy phát triển sản xuất; chưa có chính sách khuyến khích đầu tư. Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác miền núi và vùng bán đảo chưa được coi trọng đúng mức, nên tốc độ phát triển kinh tế-xã hội ở vùng này đạt hiệu quả thấp....

Trong đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực và buôn lậu có những việc do tính chất phức tạp nên xử lý chậm, có việc chỉ đạo xử lý thiếu kiên quyết. Trong một bộ phận cán bộ và nhân dân còn mất cảnh giác cách mạng trước những âm mưu và hoạt động “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Tội phạm hình sự có chiều hướng phát triển; kỷ cương xã hội trên một số mặt chưa tốt...

Trong công tác xây dựng Đảng còn một số tồn tại: công tác tư tưởng có lúc chưa kịp thời, có mặt giải quyết chậm. Số lượng tổ chức cơ sở đảng yếu kém còn chiếm tỷ lệ nhiều. Công tác tổ chức bộ máy còn một số chưa phát huy tốt nhưng chậm củng cố; việc đào tạo, bố trí sử dụng cán bộ có trường hợp chưa phù hợp, lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế giỏi chưa nhiều chậm có chính sách đào tạo.

Công tác vận động quần chúng và củng cố tổ chức bộ máy của cơ quan Mặt trận và các đoàn thể nhân dân còn nhiều tồn tại, nội dung và phương thức hoạt động chưa được đổi mới, hình thức tập hợp hội viên, đoàn viên chưa gắn phong trào với lợi ích thiết thực và nâng cao đời sống của các tầng lớp nhân dân. Một số đoàn thể bộ máy lãnh đạo yếu, cán bộ làm công tác quần chúng ở cơ sở thiếu, năng lực vận động hạn chế, điều kiện hoạt động khó khăn.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, Hội nghị Tỉnh ủy họp bất thường từ ngày 29 đến ngày 30/8/1994 bầu bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Hội nghị Tỉnh ủy họp bất thường ngày 23-9-1994 giới thiệu nhân sự ứng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khoá III và chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngoài ra Tỉnh ủy có các kỳ họp chuyên đề để kiểm điểm các mặt công tác và triển khai kế hoạch thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và các Nghị quyết của Trung ương khoá VII.

### **III- ĐẢNG BỘ PHỤ YÊN LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ (1996-2000).**

Từ năm 1992-1995, mặc dù phải đối mặt với hàng loạt khó khăn thử thách do cả bên trong và bên ngoài đưa lại, nhưng dưới sự lãnh đạo tập trung năng động của cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp, về

cơ bản Phú Yên đó hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đưa ra. Nhưng nhìn chung, đến đầu năm 1996, Phú Yên vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn thử thách của một tỉnh mới chia tách: Kinh tế chậm phát triển, hoạt động tài chính, ngân hàng, thương nghiệp quốc doanh cũn nhiều yếu kém chạy theo buôn bán nhiều hơn sản xuất; khuynh hướng thương mại hóa xâm nhập vào cả các hoạt động văn hoá, y tế, giáo dục. Hoạt động của kinh tế quốc doanh thu hẹp và đạt hiệu quả thấp. Kinh tế tập thể trong nông nghiệp đó chuyển sang thực hiện rộng rãi cơ chế khoán mới, bước đầu tạo ra sự phát triển mới về sản xuất, nhưng phần lớn các ban quản lý hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đang lúng túng trong hoạt động, tình trạng khoán trắng cho xó viên còn phổ biến, các vụ tranh chấp ruộng đất cũn nhiều vấn đề phức tạp. Hoạt động tiêu thủ công nghiệp manh mún. Hợp tác xã phần lớn kinh doanh thua lỗ, chưa có hướng hoạt động hiệu quả. Kinh tế tư nhân có một số hộ có thể bỏ vốn kinh doanh, nhưng những người có vốn lớn, có kinh nghiệm làm ăn chưa mạnh dạn đầu tư sản xuất. Đời sống một bộ phận dân cư cũn khú khắn, một bộ phận không nhỏ nhân dân mức sống dưới nhu cầu tối thiểu. Tình trạng thất nghiệp thiếu việc làm cũn phổ biến. Sự nghiệp văn hoá – xã hội vẫn chưa theo kịp yêu cầu của thời kỳ mới.

Trong tình hình đó, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII được tổ chức tại Nhà văn hóa trung tâm tỉnh (thị xã Tuy Hoà) từ ngày 7 đến ngày 10-5-1996. Có 229 đại biểu chính thức thay mặt cho hơn 1 vạn đảng viên ở 7 huyện, thị và 4 Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã về dự Đại hội. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đã tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, đánh giá những việc làm được, chưa làm được, chỉ ra những ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân và những kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, đồng thời đề ra phương hướng, mục tiêu và những nhiệm vụ chủ yếu của giai đoạn 1996-2000. Đại hội thảo luận và thông qua bản tổng hợp ý kiến đóng góp vào các dự thảo văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội VIII của Đảng; bầu cử Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 1996-2000 và bầu Đoàn đại biểu đi dự Đại hội lần thứ VIII của Đảng.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Đảng, các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương khoá VII, Đại hội nhận định: 5 năm qua, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Phú Yên đã kiên trì phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI. 5 năm qua là kế hoạch 5 năm đầu sau chia tỉnh, Đảng bộ có điều kiện xây dựng và phát triển kinh tế-xã hội một cách toàn diện theo đường lối đổi mới của Đảng. Đây cũng là giai đoạn có nhiều khó khăn, thử thách: Xuất phát điểm kinh tế thấp; cơ sở vật chất kỹ thuật và kết cấu hạ tầng yếu kém, thiếu đồng bộ, thường bị thiên tai, nhất là bão lụt lớn cuối năm 1993 gây tổn thất nặng nề; đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước ở một số lĩnh vực còn thiếu và yếu. Tuy vậy, toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân trong tỉnh đã khắc phục những mặt yếu kém, từng bước đưa nền kinh tế-xã hội đi lên, đời sống nhân dân được ổn định, có mặt cải thiện. So với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XI đề ra một số chỉ tiêu vượt kế hoạch, trồng rừng tập trung; sản lượng đánh bắt hải sản; diện tích nuôi tôm; công suất tàu thuyền; giá trị sản lượng công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp... đạt và vượt kế hoạch đề ra; Kim ngạch xuất khẩu tăng gấp 5,3 lần; tỷ lệ tăng dân số từ 2,8% xuống còn 2,42%; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và tạo những yếu tố cần thiết cho bước phát triển tiếp theo; quốc phòng, an ninh được củng cố; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp uỷ Đảng, năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp được nâng lên một bước; công tác vận động quần chúng và phong trào hành động cách mạng của quần chúng có thêm khởi sắc mới. Những thắng lợi đó chứng tỏ Đảng bộ đã vận dụng có kết quả



đường lối phát triển kinh tế đề ra trong nghị quyết Đại hội VII của Đảng.

Về phương hướng, mục tiêu và những nhiệm vụ chủ yếu trong 5 năm 1996-2000, Đại hội nhận định: Giai đoạn 1996-2000, kinh tế-xã hội cả nước tiếp tục phát triển với nhịp độ tăng trưởng cao và đang chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, sẽ có tác động sâu sắc đến sự phát triển các mặt kinh tế-xã hội của tỉnh.

Tỉnh Phú Yên có nhiều thuận lợi cơ bản: Nền kinh tế đã có những tiền đề cho sự phát triển, sản xuất nông nghiệp ổn định, cơ sở vật chất để phát triển công nghiệp đang từng bước hình thành; đội ngũ cán bộ quản lý, sản xuất, kinh doanh và cán bộ khoa học kỹ thuật vừa được đào tạo, vừa tích lũy được kinh nghiệm thực tiễn có khả năng từng bước đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đảng bộ, nhân dân đoàn kết nhất trí, lao động sáng tạo; tiềm năng thiên nhiên và nhân lực dồi dào phong phú. Những thành tựu và kinh nghiệm trong 5 năm qua tạo ra những nhân tố mới để đẩy mạnh sự phát triển kinh tế-xã hội lên một bước mới.

Song nền kinh tế tỉnh Phú Yên phát triển chưa toàn diện, nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng lớn, công nghiệp tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ bé; cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật còn yếu kém và chưa đồng bộ. Nguồn thu địa phương và tích lũy từ nội bộ kinh tế còn ít, trình độ năng lực một số cán bộ quản lý có mặt hạn chế. Khó khăn có tính chất bao trùm là: điểm xuất phát của nền kinh tế thấp, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, lao động chưa có việc làm còn lớn, tỷ lệ tăng dân số còn ở mức cao.

Đại hội xác định phương hướng của kế hoạch 5 năm 1996-2000 là: *“Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng Xã hội chủ nghĩa. Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông-lâm-ngư nghiệp toàn diện trên cơ sở giữ vững ổn định sản xuất lương thực; tập trung phát triển công nghiệp, trong đó coi trọng công nghiệp chế biến và công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng; phát triển đa dạng các dịch vụ; tăng đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống. Đẩy mạnh xây dựng kinh tế-xã hội miền núi và vùng biển đảo, chăm lo ngày càng tốt hơn sự nghiệp văn hoá, giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội, đời sống nhân dân và các đối tượng chính sách. Phát triển sâu rộng hơn nữa phong trào quần chúng xây dựng nền quốc phòng toàn dân và phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc nhằm củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao cảnh giác và đấu tranh làm thất bại âm mưu và hành động diễn biến hoà bình của các thế lực thù địch; chống tham nhũng, tiêu cực và tệ nạn xã hội; xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, văn minh. Xây dựng đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội vững mạnh ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ của sự nghiệp đổi mới...”*

Đại hội đã vạch rõ nhiệm kỳ 5 năm (1996-2000) toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân trong tỉnh cần tập trung sức thực hiện 7 nhiệm vụ chủ yếu là: Tạo bước chuyển biến quan trọng về phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; công tác văn hoá, chăm lo đời sống nhân dân; đẩy mạnh công tác xây dựng kinh tế-xã hội miền núi và vùng biển đảo; công tác quốc phòng an ninh; Phát huy dân chủ Xã hội chủ nghĩa tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, tiếp tục đổi mới công tác vận động quần chúng của Đảng, vai trò của mặt trận và các đoàn thể nhân dân; nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước, cải cách một bước nền hành chính nhà nước; tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn

Đảng, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ mới.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ mới gồm 45 ủy viên chính thức; Bầu 13 đồng chí đại biểu thay mặt cho Đảng bộ tỉnh dự Đại hội lần thứ VIII của Đảng, (trong đó có 01 đại biểu đương nhiên). Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ nhất (khoá XII) họp ngày 11-5-1996, bầu Ban Thường vụ Tỉnh ủy; bầu Bí thư, Phó bí thư và Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy. Hội nghị đã bầu đồng chí Lương Công Doan, ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng làm Bí thư Tỉnh ủy. Trong nhiệm kỳ đã điều động, phân công lại công tác một số Tỉnh ủy viên trên các lĩnh vực: Khối Đảng tỉnh chiếm 35,7%; khối Nhà nước chiếm 45,24%; khối Mặt trận và các đoàn thể quần chúng chiếm 7,1%; khối huyện, thị chiếm 11,9%. Đến cuối nhiệm kỳ Tỉnh ủy còn 42 đồng chí.

Sau Đại hội, sự lãnh đạo của Tỉnh ủy chú trọng đi sâu vào từng mặt công tác lớn. Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ hai, ngày 9-7-1996 bàn và ra Nghị quyết số 01 về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp; Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ tư, họp từ ngày 7 và 8-10-1996, ra Nghị quyết số 02 về những vấn đề cơ bản của công tác quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ; Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ năm, họp ngày 27 và 28-3-1997 bàn và ra Nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển giáo dục-đào tạo, khoa học-công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000; Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ bảy, họp ngày 10 và 11-11-1997 bàn và thông qua chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ chín, họp ngày 27 và 28-4-1998 thông qua chương trình hành động của Tỉnh ủy về việc tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế-xã hội đến năm 2000; Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ mười hai, họp ngày 26 và 27-6-1999, thông qua chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng...

Bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, bằng các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Đảng bộ đã vận dụng sáng tạo, bảo đảm đúng định hướng, đáp ứng nguyện vọng và đòi hỏi của nhân dân. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP tăng từ 12,4% cuối nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI lên 22% cuối năm 2000; tỷ trọng nông, lâm, ngư nghiệp giảm từ 50,7% xuống còn 45,4% vào cuối nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII; dịch vụ chiếm 36,9% năm 1995 còn 31,70% năm 2000.

Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hợp tác hoá là ưu tiên hàng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy. Từng bước củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn, đồng thời tăng nhanh lực lượng sản xuất, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm nông-lâm-ngư nghiệp là 3,5%, sản xuất lương thực quy thóc giữ mức trên dưới 30 vạn tấn. Tập trung chủ yếu vào các chương trình lớn như: Chương trình lương thực: chương trình này tập trung vào cây lúa và cây mía, sản xuất lúa tập trung thâm canh, tăng năng suất, áp dụng những tiến bộ mới về sinh học vào sản xuất lúa chất lượng cao để đáp ứng nhu cầu thị trường; đồng thời mở rộng thêm 2.000 ha diện tích lúa được tưới nước chủ động. Cây bắp ổn định diện tích 5000 ha ở các loại đất màu, đất ven sông, suối; thực hiện xen canh, luân canh gối vụ, thay giống...

Chương trình mía đường: ổn định diện tích 18.000 ha ở các huyện Sông Hinh, Sơn Hoà, Đồng Xuân, Tây Nam huyện Tuy An và Tuy Hoà; tăng năng suất bằng biện pháp thay đổi giống và tưới nước cho một số vùng có điều kiện. Chương trình phát triển các loại cây công nghiệp: Cây sắn phát triển trên diện tích 4000 ha, ở các huyện Sơn Hoà, Sông Hinh và Đồng Xuân; cây cà phê phát triển trên diện tích 200 ha, ngoài diện tích cà phê của nông trường, phát triển cà phê vườn, đưa giống mới có năng suất và chất lượng cao vào sản xuất; cây điều phát triển 6000 ha bằng nhiều nguồn vốn: Vốn trồng 5 triệu ha rừng của Chính phủ, vốn 327, vốn các doanh nghiệp Nhà nước, vốn huy động trong dân. Cây dứa: ổn định diện tích 5.800 ha, thay số dứa già cỗi, thực hiện chế biến các sản phẩm có chất lượng cao. Cây thuốc lá ổn định diện tích 1.500 ha. Cây cao su trồng thử nghiệm 300 ha cao su tiêu điền ở vùng bắc Sơn Hoà.

Tham gia chương trình quốc gia trồng 5 triệu ha rừng: Kiểm kê, quy hoạch rừng, đất rừng, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, chọn cây phù hợp từng vùng sinh thái, huy động nhiều nguồn lực tham gia trồng được 61% rừng sản xuất, 36% rừng phòng hộ, đưa độ che phủ của rừng lên gần 40%. Đi đôi với trồng rừng, đẩy mạnh công tác định canh, định cư, chống phá rừng làm rẫy, quản lý chặt dân di cư tự do; chú ý đến công tác phòng chống cháy rừng nhất là việc tuyên truyền giáo dục quần chúng tham gia bảo vệ rừng.

Chương trình phát triển chăn nuôi: tích cực ngăn ngừa có hiệu quả dịch lở mồm long móng gia súc. Phát triển đàn bò ở các huyện miền núi gắn với công tác lai tạo giống và đưa một số giống có chất lượng cao trồng phục vụ chăn nuôi, đạt gần 170 ngàn con bò, trong đó bò lai chiếm 35%; Phát triển chăn nuôi heo, gia cầm ở các hộ vùng nông thôn.

Chương trình thủy lợi: thực hiện các dự án nâng cấp, sửa chữa hệ thống thủy nông Đồng Cam, Xây dựng hệ thống thủy lợi sau thủy điện Sông Hinh, Xây dựng hồ Đồng Tròn và một số công trình thủy lợi nhỏ khác trong tỉnh. Từng bước bê tông hoá hệ thống kênh mương ở một số công trình thủy lợi.

Chương trình chế biến nông - lâm - thủy sản: coi trọng công nghiệp chế biến hàng nông-lâm-thủy sản, phát huy các cơ sở làm ăn có hiệu quả; xúc tiến xây dựng nhà máy chế biến tinh bột sắn; nâng công suất nhà máy đường Tuy Hoà; xây dựng nhà máy đường Sơn Hoà; phát huy hiệu quả hoạt động 2 nhà máy chế biến hạt điều. Ngoài lực lượng Nhà nước, vận động nhân dân tổ chức cơ sở chế biến quy mô vừa và nhỏ để tiêu thụ nông sản phẩm...

Chương trình phát triển thủy sản: lãnh đạo đẩy mạnh nghề cá gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, xoá đói giảm nghèo các vùng ven biển. Khuyến khích ngư dân chuyển từ nghề lộng sang nghề khơi theo chương trình phát triển kinh tế biển đông của Chính phủ. Đầu tư mở rộng các cơ sở cơ khí tàu thuyền bằng nguồn vốn ưu đãi của Trung ương và địa phương. Chú ý đúng mức công tác nuôi trồng thủy sản, áp dụng công nghệ tiên tiến trong nuôi trồng thủy sản và bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và môi trường sinh thái; phát triển đa dạng nuôi hải sản... phát triển nghề mới, nghề câu cá ngư đại dương với sản lượng xuất khẩu hàng năm đạt trên 2 ngàn tấn.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp là nội dung trọng tâm, xuyên suốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, đã thu được kết quả đáng kể: Hình thành một số vùng chuyên canh cây công nghiệp tập trung ở Sơn Hoà, Sông Hinh, Đồng Xuân, phía tây huyện Tuy Hoà và phía nam huyện Tuy

An. Cùng với chuyển dịch cơ cấu cây trồng, ngành chăn nuôi cũng được chú trọng phát triển theo hướng chăn nuôi hàng hoá. Giá trị sản xuất ngành thủy sản tăng... Cùng với sự chuyển dịch nông nghiệp, ngành công nghiệp và dịch vụ cũng chuyển dịch theo hướng phục vụ ngày càng tốt hơn cho sự phát triển nông nghiệp, nông thôn. Một số công trình công nghiệp chế biến được xây dựng... tiến hành việc thu mua, chế biến nông-lâm-thủy sản, giải quyết được nhiều lao động có việc làm, góp phần tăng thu nhập, ổn định đời sống nông dân.

Về công nghiệp: Trước năm 1989, cả nước biết Phú Yên như một vựa lúa miền Trung, còn công nghiệp gần như không có gì đáng kể ngoài một số cơ sở tiểu thủ công nghiệp nhỏ bé. Qua 11 năm tái lập tỉnh giá trị sản xuất công nghiệp liên tục tăng trưởng với tốc độ cao. Giai đoạn đầu sau ngày tái lập tỉnh đến năm 1995, giá trị sản xuất công nghiệp chỉ đạt 9,75%, nhưng từ năm 1996 đến năm 2000 đạt 23,85%; tỷ trọng GDP công nghiệp và xây dựng trong GDP của tỉnh tăng từ 8,3% năm 1990 lên 21,5% năm 2000; tổng kim ngạch xuất khẩu từ sản phẩm công nghiệp của tỉnh năm 1999 gấp 9 lần so với năm 1990. Đóng góp vào ngân sách tỉnh khoảng 16% tổng thu trên địa bàn.

Lực lượng sản xuất tăng cả về số lượng và quy mô, đến cuối năm 2000 toàn tỉnh có trên 5.000 cơ sở. Nhiều cơ sở được đầu tư mở rộng về quy mô, đa dạng hoá sản phẩm, đầu tư chiều sâu và đổi mới thiết bị công nghệ. Hình thành rõ nét công nghiệp chế biến sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ của địa phương và thu hút được nhiều lao động khu vực nông thôn. Khu vực doanh nghiệp nhà nước: Đầu tư xây dựng mới Nhà máy đường Tuy Hòa; Công ty khai thác và chế biến khoáng sản; 02 xí nghiệp chế biến nhân hạt điều xuất khẩu; Nhà máy đông lạnh Tuy Hoà; xí nghiệp nước khoáng Phú Sen; Công ty liên doanh bia Sài Gòn; 02 xí nghiệp may xuất khẩu; các xí nghiệp chế biến gỗ mỹ nghệ xuất khẩu; xí nghiệp nhựa bao bì; xí nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi; xí nghiệp sản xuất phân bón; các cơ sở khai thác đá xây dựng; Nhà máy gạch Tuynel; nhà máy thủy điện Sông Hinh công suất 70MW; Nhà máy sản xuất tinh bột sắn...

Khu vực ngoài quốc doanh có xưởng sản xuất dầy dộp xuất khẩu; Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản Diatomit; Nhà máy sản xuất nước tăng lực Rhino vốn 100% nước ngoài; doanh nghiệp sản xuất cửa kính hoa xuất khẩu; Xí nghiệp đúc trụ điện bê tông ly tâm; doanh nghiệp đóng tàu thuyền Tím Dừng...

Quy mô đầu tư phát triển và hiệu quả đầu tư từng bước được nâng lên, năng lực sản xuất mới của nền kinh tế được tăng thêm. Vốn đầu tư xã hội trong 5 năm (1996-2000) trên 3.798 tỷ đồng, bằng 38,0% GDP. Tổng giá trị tài sản cố định của ngành công nghiệp tăng gấp trên 20 lần so với năm 1990.

Trong nội bộ ngành công nghiệp cũng được hình thành rõ nét cơ cấu ngành kinh tế - kỹ thuật: Công nghiệp chế biến chiếm trên 90% giá trị sản xuất công nghiệp và đạt tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 1996-2000 trên 23,4%, tập trung công nghiệp chế biến mía đường, công nghiệp chế biến nhân hạt điều xuất khẩu, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp cơ khí phục vụ cho các ngành nông nghiệp, giao thông vận tải. Ngành khai thác mỏ và sản xuất vật liệu xây dựng, tập trung chủ yếu khai thác khoáng sản phục vụ xuất khẩu như inmenit, Fluorit, đá Oplat... Ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện nước: về điện từ chỗ công suất nguồn 7,5MW năm 1989 được nâng lên 70MW năm 2000, mạng lưới điện phát triển trên 82,8% số xã nông thôn và trên 72% số hộ được dùng điện lưới quốc gia,

đưa sản lượng điện bình quân đầu người từ 18KWh năm 1989 lên trên 150 KWh/người, so với năm 1995 tăng 2,5 lần. Về nước: Năm 1989, tỉnh Phú Yên là một trong số ít những tỉnh chưa có hệ thống nước máy phục vụ sản xuất và sinh hoạt, nhưng đến cuối năm 2000 đã có 30% số hộ dân đô thị dùng nước máy; 32% hộ nông thôn dùng nước sạch đạt chuẩn.

Năm 1998, hình thành Khu công nghiệp tập trung Hoà Hiệp; tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng và có 6 nhà máy đang đầu tư và lập thủ tục đầu tư. Ngành công nghiệp phát triển đã tác động mạnh mẽ đến việc thúc đẩy sự phát triển của các ngành khác như giao thông vận tải, bưu điện, thương mại, nông nghiệp...

Tuy nhiên, công nghiệp Phú Yên đang đứng trước những thử thách to lớn đó là: Ngành công nghiệp của tỉnh còn non trẻ, chỉ mới phát triển theo chiều rộng, chưa có tích lũy để tái đầu tư. Trình độ quản lý của các chủ doanh nghiệp chưa theo kịp với cơ chế thị trường. Định hướng cho người tiêu dùng trong nước nói chung và trong tỉnh nói riêng còn nhiều bất cập. Nhà nước chủ trương tham gia Hiệp định thương mại AFTA tạo áp lực cạnh tranh gay gắt cả về thị trường và giá cả; tỉnh xa các trung tâm kinh tế lớn... đó là sự trở ngại lớn cho con đường công nghiệp hoá, hiện đại hóa tỉnh Phú Yên.

Về dịch vụ: giá trị các ngành thương mại dịch vụ tăng 6,1% hàng năm. Một số ngành dịch vụ có mức tăng trưởng khá như: Bưu chính viễn thông, dịch vụ vận tải... Các doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu đã chuyển hướng sang đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu. Tỷ trọng hàng địa phương tham gia xuất khẩu đạt 11,25% tổng kim ngạch xuất khẩu. Hoạt động nội thương, tổng doanh thu bán hàng nội thương tăng bình quân hàng năm 9,2%, thị trường hàng hoá trong tỉnh phát triển sôi động phong phú, đa dạng, đáp ứng nhu cầu cho sản xuất và tiêu dùng của nhân dân.

Quy mô đầu tư phát triển toàn xã hội tăng nhanh: Vốn huy động đầu tư phát triển toàn xã hội bằng 38% GDP. Trong đó đầu tư từ nguồn ngân sách tỉnh chiếm 12,5%, vốn tín dụng đầu tư 4,9%, vốn đầu tư của các doanh nghiệp Nhà nước 5,2%; vốn của dân và doanh nghiệp khác chiếm 7,9%, vốn đầu tư của Bộ, Ngành Trung ương trên địa bàn 60,7%... vốn đầu tư sử dụng có hiệu quả, phần vốn ngân sách Nhà nước chủ yếu đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng. Nhiều công trình được đầu tư hoàn thiện đưa vào phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội. Năng lực sản xuất của một số ngành và một số sản phẩm tăng. Thủy lợi được chú ý đầu tư, đến cuối năm 2000 có 53,5% diện tích gieo trồng được tưới bằng công trình thủy lợi. Xây dựng 6 nhà máy nước đưa trên 30% hộ dân đô thị dùng nước máy. Xây dựng hoàn thành nhà máy thủy điện Sông Hinh với công suất 70MW.

Về giao thông, đầu tư xây dựng và nâng cấp các tuyến giao thông trọng yếu như Quốc lộ 25, QL1A, ĐT645 và các tuyến tỉnh lộ khác nối với trung tâm các huyện, xã phục vụ cho nhu cầu sản xuất và đi lại của nhân dân. 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã; đồng thời với sự đầu tư của Nhà nước phong trào phát triển giao thông nông thôn, bê tông hè phố, hẻm phố có nhiều chuyển biến tích cực. Năm 1996, sân bay Tuy Hoà được khôi phục và hoạt động trở lại, sau đó tạm ngưng do thiếu khách. Ga đường sắt Tuy Hoà cũng được đầu tư nâng cấp mở rộng tăng lượng đón khách. Chi đạo xây dựng kho xăng dầu Vũng Rô có thể tiếp nhận tàu dầu 3.000 tấn. Hệ thống thông tin liên lạc được đầu tư hiện đại, đến cuối năm 2000, 87 xã, phường có mạng lưới điện thoại, bình quân 1,9 máy/100 dân.

Văn hoá - xã hội có bước phát triển đồng bộ. Năm 1998, tỉnh đã hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu

học xóa mù chữ, chất lượng dạy và học ở các cấp học đều được nâng cao, hệ thống trường lớp phát triển đều khắp các thôn, buôn. Nhiều trường học kiên cố được xây dựng với nhiều tỷ đồng do nhân dân đóng góp. Hầu hết các xã đều có trạm y tế, hệ thống trung tâm y tế huyện, thị xã và bệnh viện tỉnh được nâng cấp, bảo đảm việc chăm sóc sức khoẻ nhân dân theo các chương trình y tế quốc gia... Chương trình xóa đói giảm nghèo, thông qua các chương trình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh đã thu hút được nhiều nguồn lực hỗ trợ cho người nghèo, xã nghèo; Đảng bộ lãnh đạo triển khai nhiều công việc cụ thể giúp các hộ nghèo giảm bớt khó khăn, từng bước vươn lên thoát khỏi cảnh đói nghèo, ổn định cuộc sống. Tỷ lệ hộ đói nghèo còn 8%. Xây dựng được một số thiết chế văn hoá ở các huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn. Các hoạt động văn hoá, văn nghệ quần chúng đã góp phần làm phong phú thêm đời sống văn hóa tinh thần các tầng lớp nhân dân. Công cuộc xây dựng nếp sống văn hoá được sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân. Phong trào thể dục thể thao rèn luyện sức khoẻ có phát triển, một số môn đạt thứ hạng cao trong các cuộc thi đấu quốc gia, quốc tế.

Công cuộc phòng thủ bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn tỉnh được chú trọng. Công tác tuyển quân luôn đạt và vượt kế hoạch năm. Lực lượng vũ trang nhân dân của tỉnh chất lượng chính trị, khả năng sẵn sàng chiến đấu được nâng lên. Lực lượng dự bị động viên được sắp xếp, tổ chức huấn luyện theo kế hoạch. Lực lượng dân quân tự vệ được củng cố, huấn luyện bảo đảm số lượng và nâng cao một bước về chất lượng. Tuyển quân hàng năm bảo đảm số lượng và chất lượng; giải quyết dứt điểm số quân nhân đào bỏ ngũ. Công tác hậu phương quân đội có tiến bộ. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc được mở rộng và từng bước nâng cao chất lượng, xuất hiện nhiều mô hình mới về bảo vệ an ninh, đấu tranh phòng chống tội phạm.

Công tác phòng ngừa, đấu tranh với các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội được đẩy mạnh; kịp thời ngăn chặn có hiệu quả hoạt động phá hoại, tán phát tài liệu phản động, ấn phẩm văn hoá độc hại của địch và các phần tử xấu. Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị. Các cấp ủy đã giải quyết kịp thời, đúng đắn những vấn đề phát sinh, không để xảy ra “điểm nóng”, trật tự an toàn xã hội có tiến bộ.

Công tác vận động quần chúng của Mặt trận và các thành viên Mặt trận đạt được những tiến bộ về đổi mới nội dung, phương thức tập hợp, vận động quần chúng, chú trọng củng cố tổ chức cơ sở, lồng ghép các chương trình xoá đói, giảm nghèo, xoá mù chữ vào chương trình hoạt động của hội, đoàn thể. Quyền làm chủ của nhân dân từng bước được phát huy, lòng tin của nhân dân vào sự nghiệp đổi mới được nâng lên. Các dân tộc, tôn giáo, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh tăng cường đoàn kết, phát huy tinh thần yêu nước, vượt qua khó khăn xây dựng cuộc sống mới. Nhân dân đồng tình, ủng hộ chủ trương thực hiện Quy chế dân chủ, nhận thức được vai trò, trách nhiệm của mình tham gia vào công việc ở cơ sở, địa phương, tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước, tạo được các phong trào như: toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư, phong trào giúp nhau làm kinh tế, phong trào đền ơn, đáp nghĩa, phong trào con cháu hiếu thảo, gia đình mẫu mực...

Đảng bộ luôn chăm lo công tác xây dựng Đảng, củng cố tổ chức cơ sở Đảng, coi công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt; củng cố sắp xếp bộ máy tổ chức trong hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; đẩy mạnh phong trào xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở trong sạch vững mạnh, đồng

thời kiện toàn, củng cố về mặt tổ chức các cơ quan từ tỉnh đến cơ sở ngang tầm nhiệm vụ chính trị.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 (khoá VIII) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng “về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay”, tháng 4-1999, Tỉnh ủy mở Hội nghị cán bộ chủ chốt để phổ biến nhanh tinh thần, nội dung Nghị quyết và chỉ đạo các cấp ủy Đảng quán triệt đầy đủ tinh thần, nội dung của Nghị quyết, tập trung đi sâu kiểm điểm về nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên đối với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng; phát hiện ngăn ngừa những việc làm sai trái, củng cố đoàn kết nội bộ, chấn chỉnh các khâu lãnh đạo và quản lý chưa tốt, tăng cường chế độ trách nhiệm của tập thể và cá nhân. Nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, khắc phục một phần tình trạng phân loại chạy theo thành tích.

Tháng 10-2000, Tỉnh ủy mở hội nghị cán bộ chủ chốt toàn tỉnh báo cáo kết quả hơn một năm thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khoá VIII. Hội nghị nhận định: hơn một năm thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn đảng, tự phê bình và phê bình tập thể lãnh đạo và cá nhân lãnh đạo các cấp trong Đảng bộ tỉnh về cơ bản là đạt yêu cầu chỉ đạo của Bộ Chính trị và của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Quá trình chuẩn bị và tiến hành kiểm điểm đúng quy trình, bảo đảm dân chủ, chân thành, cởi mở, xây dựng và nghiêm túc; kiểm điểm sâu sắc hơn những vấn đề theo gợi ý của Thường vụ Bộ Chính trị; chú trọng làm rõ khuyết điểm, tồn tại và nguyên nhân, trước hết là nguyên nhân chủ quan, chỉ ra địa chỉ và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và cá nhân; có giải pháp tích cực, kiên quyết khắc phục sửa chữa khuyết điểm; những vấn đề nổi cộm đều có biểu quyết kết luận. Việc làm đó đã tác động tích cực đến toàn Đảng bộ, ý thức Đảng trong cán bộ, đảng viên được nâng lên, cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng đi sâu vào trong quần chúng nhân dân được nhân dân đồng tình, ủng hộ, góp ý thẳng thắn, chân thành và xây dựng. Đến tháng 6-2000, toàn Đảng bộ có 13.052 đảng viên. Thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), các cấp ủy, tổ chức đảng đã xử lý kỷ luật 157 trường hợp, bằng các hình thức kỷ luật đảng: khiển trách: 46, cảnh cáo: 69, cách chức: 15, khai trừ: 27. Trong đó 59 là cấp ủy viên các cấp (01 Thường vụ Tỉnh ủy và 02 Tỉnh ủy viên bị cách chức tỉnh ủy viên, 03 Tỉnh ủy viên bị thi hành kỷ luật khiển trách và 01 đồng chí Tỉnh ủy viên đề nghị Bộ Chính trị xử lý; 02 Phó Bí thư huyện ủy, 03 Ủy viên Thường vụ huyện ủy, 09 Huyện ủy viên và tương đương, 12 Bí thư, phó bí thư chi, đảng bộ cơ sở, 29 cấp ủy viên cơ sở và 03 chi ủy viên chi bộ trực thuộc Đảng bộ cơ sở; 01 tập thể Ban Thường vụ Huyện ủy).

Tuy đạt được những kết quả bước đầu, nhưng những vấn đề tiêu cực, nổi cộm của địa phương, đơn vị mà dư luận đang quan tâm chưa được nêu lên kiểm điểm một cách sâu sắc; còn có biểu hiện né tránh, nể nang đối với những khuyết điểm, thiếu sót của tập thể và cá nhân, nhất là chưa làm rõ mức độ, nguyên nhân trách nhiệm và địa chỉ cụ thể các vấn đề vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, cục bộ địa phương, các vụ việc tiêu cực như tham nhũng, buông lỏng trong quản lý tài chính, xây dựng cơ bản, tranh chấp đất đai, sang nhượng đất, nhà cửa còn tự do, tùy tiện.

Để khắc phục những thiếu sót, khuyết điểm nói trên, Tỉnh ủy chủ trương tiếp tục nâng cao nhận thức ý nghĩa, tầm quan trọng của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn đảng, tạo sự chuyển biến căn bản, vững chắc trên 3 nội dung: tư tưởng chính trị; đạo đức lối sống; tổ chức và sự chỉ đạo điều hành; tập

trung vào các yêu cầu ngăn chặn, đẩy lùi tệ tham nhũng; củng cố và tăng cường đoàn kết nội bộ; nâng cao ý thức phục vụ nhân dân. Chỉ đạo tập thể lãnh đạo và cá nhân lãnh đạo tự soát xét lại những khuyết điểm, vụ việc nổi cộm, hoặc chuyển biến chưa tốt có biện pháp cụ thể, tích cực quyết tâm sửa chữa, khắc phục đạt hiệu quả. Sớm xác minh, kết luận xử lý các trường hợp đơn thư tố cáo, khiếu nại. Chú ý công tác quy hoạch cán bộ phải gắn với sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giảm biên chế, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

Trong lúc phong trào cách mạng tỉnh nhà đang phát triển, đồng chí Lương Công Đoàn, ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy lâm bệnh và qua đời. Tháng 1-1999, Bộ Chính trị chỉ định đồng chí Nguyễn Văn Trúc, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy làm Quyền Bí thư Tỉnh ủy. Ngày 4-10-1999, Bộ Chính trị Quyết định điều động đồng chí Thái Phụng Nê, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ công nghiệp về làm Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên.

Đi đôi với phát triển kinh tế, văn hoá-xã hội ở đồng bằng, tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế- xã hội miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Sau ngày chia tỉnh, Phú Yên có 3/7 huyện, thị và 43 xã miền núi, chiếm 41% số xã trong tỉnh, có 10 xã khu vực III thuộc diện xã dân tộc đặc biệt khó khăn, trong đó 6 xã trong diện được đầu tư theo chương trình 135 của Chính phủ. Tổng diện tích tự nhiên là 3.276km<sup>2</sup>, chiếm 62% diện tích toàn tỉnh, trong đó diện tích rừng và đất rừng 220.000ha, đất nông nghiệp 94.000ha. Dân số 35.255 hộ, 183.640 khẩu, chiếm 23,2% dân số toàn tỉnh, trong đó dân tộc thiểu số chiếm 20% dân số trong vùng, gồm: người Chăm : 2.762 hộ, 14.330 khẩu, phân bố chủ yếu ở các vùng giáp ranh với người Gia rai ở tỉnh Gia Lai, tập trung ở huyện Sơn Hoà và Đồng Xuân; người Ê Đê: 2.485 hộ, 13.901 khẩu, phần lớn thuộc nhóm Mthur, sống tập trung ở huyện Sông Hinh; người Ba Na: 564 hộ, 2.835 khẩu, sống cộng cư với người Chăm ở huyện Đồng Xuân, với người Chăm và người Ê Đê ở huyện Sơn Hoà; các dân tộc Tày, Nùng, Dao... di cư tự do từ các tỉnh phía Bắc vào 1.662 hộ, 5.181 khẩu. Đặc điểm nổi bật của việc cư trú là cộng đồng các dân tộc thiểu số Phú Yên sống cộng cư, tạo mối gắn bó liên kết giữa các tộc người.

Miền núi tỉnh Phú Yên qua hai cuộc kháng chiến, nhất là hơn hai mươi năm kháng chiến chống Mỹ đã bị tàn phá hết sức nặng nề. Môi trường địa lý, cảnh quan bị hủy hoại nghiêm trọng do bom đạn và chất độc hoá học của Mỹ. Hàng ngàn đồng bào dân tộc thiểu số bị địch giam hãm trong các trại tập trung, sau giải phóng trở về làng cũ với hai bàn tay trắng. Hàng ngàn đồng bào ở vùng căn cứ bám trụ trong rừng sâu, núi cao chịu cảnh đói, đau, lụt, rách... khi quê hương được giải phóng gần như kiệt quệ. Cộng với thiên tai bão lũ, hạn hán gây thiệt hại về thủy lợi, giao thông, sản xuất nông nghiệp...

Mặc dù, sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương chính sách đầu tư cho miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhưng tình hình kinh tế - xã hội miền núi trong thập niên 80 gặp rất nhiều khó khăn: đi lại bị ách tắc, thông tin liên lạc yếu kém, dân cư sống không tập trung, tình trạng du canh, du cư còn phổ biến; sản xuất nông, lâm nghiệp chủ yếu dựa vào thiên nhiên, phát rừng làm rẫy, lương thực không đủ ăn, sản xuất công nghiệp hầu như không có gì, tiểu thủ công nghiệp chỉ chiếm 5% số lao động tại địa phương; kinh tế quốc doanh chủ yếu là nông trường quốc doanh trồng cây công nghiệp và chăn nuôi, nhưng không hiệu quả; hoạt động thương nghiệp chủ yếu mua bán trao đổi hàng nông sản thực phẩm. Hợp tác xã nông nghiệp, mua bán, tín dụng hiệu quả hoạt động kém,



xã viên không gắn bó; cơ sở hạ tầng miền núi chưa có gì; 80% số người mù chữ, tình trạng bỏ học giữa chừng hoặc trong độ tuổi đi học không đến trường phổ biến ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tình hình dịch bệnh thường xảy ra, phổ biến là bệnh sốt rét, mê tín dị đoan phát triển; 90% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số bị đói giáp hạt; đời sống văn hoá tinh thần nghèo nàn...

Sau khi có Nghị quyết số 22 của Bộ Chính trị, Quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng về một số chủ trương chính sách lớn phát triển kinh tế-xã hội miền núi; các Chỉ thị, Quyết định tiếp theo như: chỉ thị 68CT/TW của Bộ Chính trị, Quyết định 525/TTg của Thủ Tướng Chính phủ, Chỉ thị 393/TTg, Quyết định 565/TTg, Quyết định 960/TTg và Quyết định 135/1998/TTg của Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy Phú Yên đã đề ra nhiều nội dung, biện pháp thực hiện cụ thể, phù hợp với điều kiện miền núi và vùng dân tộc thiểu số của tỉnh tạo sự chuyển biến về nhiều mặt của đời sống xã hội:

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyên dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng trồng rừng đi đôi với bảo vệ rừng, mở rộng diện tích trồng các loại cây công nghiệp, phát triển chăn nuôi gia súc gia cầm và sản xuất lương thực đáp ứng nhu cầu tại chỗ. Tổng diện tích gieo trồng trong toàn vùng lên đến 31.733 ha, tăng 10.233 ha so với năm 1989, trong đó cây mía 18.650 ha, năng suất 53 tấn/ha, nhiều hộ có thu nhập từ 20 đến 70 triệu đồng/năm từ cây mía, góp phần xoá đói giảm nghèo; lúa nước 1.801 ha, tổng sản lượng lương thực 55.891 tấn, tăng 54.166 tấn, bình quân lương thực đầu người 350kg/năm. Lâm nghiệp, đến cuối năm 1999, toàn tỉnh trồng được 5.879 ha rừng tập trung từ chương trình PAM và 327 và trồng trên 3 triệu cây phân tán. Trồng cây công nghiệp dài ngày: cà phê 1.080 ha, tập trung ở 4 nông trường quốc doanh; 155 ha tiêu và trồng thử nghiệm 45 ha cây cao su tiểu điền. Chăn nuôi, đàn bò có 91.041 con, tăng 15 % so với năm 1989, trong đó bò lai sin 9.572 con; đàn heo trên 32 ngàn con, tăng 35,9% so với năm 1989.

Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế giữa 3 nhóm ngành: nông-lâm-công nghiệp xây dựng và dịch vụ bước đi vững chắc theo hướng công nghiệp chế biến nông sản, cơ khí làm đất và thu hoạch, sản xuất vật liệu xây dựng. Hàng năm Nhà nước đã đầu tư từ 10 đến 15 tỷ đồng để triển khai các chương trình dự án phát triển kinh tế-xã hội miền núi thuộc các lĩnh vực giao thông, thủy lợi, điện, bưu điện, định canh định cư, xoá đói giảm nghèo... nhiều công trình có vốn đầu tư lớn như: thủy điện Sông Hinh, hồ chứa nước Phú Xuân, 56 công trình thủy lợi được xây dựng tưới cho 3.588 ha lúa...nhờ đó bộ mặt nông thôn miền núi đã thay đổi. Đến năm 2000, 100% số xã miền núi có ô tô đến trung tâm xã, các tuyến giao thông huyết mạch như: quốc lộ 25 (Tuy Hoà-Sơn Hoà), đường ĐT 645 (Tuy Hoà- Eabá), đường ĐT 641, (Tuy An-Đông Xuân), đường ĐT 642 (Triều Sơn-Sơn Định), đường ĐT 643 (Hoà Đa-Trà Khê), đường ĐT 644 (Sông Cầu-Xuân Lãnh), đường ĐT 646 (Tịnh Sơn-Phước Tân), đường ĐT 647 (Xuân Phước-Phú Mỹ), đường ĐT 648 (Ngân Điền-Vân Hoà)...được nâng cấp sửa chữa, nhựa hoá phục vụ đi lại thuận lợi giữa miền núi và đồng bằng.

Đến cuối năm 2000, có 22/43 xã miền núi sử dụng điện lưới quốc gia; 18/43 xã có điện thoại; 100% buôn làng có trường học và mạng lưới y tế hoạt động; 3 huyện miền núi đã hoàn thành đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học xoá mù chữ. Toàn tỉnh có 4 trường phổ thông dân tộc nội trú và hơn 100 sinh viên người dân tộc theo học các trường đại học, cao đẳng. Hiện có 30% số hộ được dùng nước sạch. 80% số hộ có nhà sàn lợp ngãi, nhà xây lợp ngãi hoặc tôn; 38% số hộ có xe máy và 40% hộ

có ti vi. Năm 1989, vùng miền núi có 31.900 hộ đói nghèo đến nay đã giảm xuống còn 15.780 hộ, bình quân mỗi năm giảm được 4,9% số hộ nghèo. Riêng đồng bào dân tộc thiểu số bình quân mỗi năm giảm được 1,9% số hộ đói nghèo, hiện số hộ dân tộc thiểu số còn đói nghèo là 4.511 hộ.

Các loại hình văn hoá, văn nghệ truyền thống được bảo tồn, phát huy, nhiều tác phẩm văn học dân gian của đồng bào dân tộc thiểu số được sưu tầm, giới thiệu. Những thay đổi về kinh tế-xã hội đã nêu trên cho thấy sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp sâu sát thực tế, kịp thời, đúng hướng phù hợp với điều kiện đất đai, khí hậu ở địa phương, phù hợp với lòng dân; các tộc người sống cộng cư với nhau tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế, giao lưu văn hoá đẩy nhanh sự phát triển của xã hội.

Có thể nói, những thành tựu mà Đảng bộ Phú Yên thu được trong 5 năm 1996-2000 là hết sức to lớn và đáng tự hào. Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Đảng bộ tỉnh vẫn còn những tồn tại, khuyết điểm như:

- Một số chỉ tiêu chủ yếu mà Đại hội XII đề ra như nhịp độ tăng trưởng GDP, thu ngân sách trên địa bàn, tốc độ tăng trưởng giá trị dịch vụ chưa đạt. Chưa giành nhiều thời gian để tìm tòi những giải pháp có tính quyết định, đột phá nhằm phát huy nguồn lực, giải phóng lực lượng sản xuất hơn nữa, tạo thêm nhiều sản phẩm xã hội. Lãnh đạo kinh tế sớm phát hiện vấn đề, nhưng việc chỉ đạo tổ chức thực hiện không đến nơi, đến chốn, hiệu quả thấp. Đối với những vấn đề mới, khó, phức tạp, ít tập trung đầu tư chỉ đạo. Điều hành, tổ chức thực hiện còn dàn trải, chưa tập trung vào những lĩnh vực, những vấn đề then chốt. Chỉ đạo sắp xếp, củng cố, đổi mới doanh nghiệp nhà nước làm chậm, hiệu quả thấp...

- Một số vấn đề xã hội bức xúc chưa được chỉ đạo một cách đúng mức như giải quyết việc làm, chống tệ nạn xã hội, vi phạm trật tự an toàn xã hội... Những mặt yếu kém trong giáo dục, y tế, vệ sinh môi trường...chậm được khắc phục. Chỉ đạo công tác xoá đói, giảm nghèo chưa tập trung, số hộ đói nghèo ở nhiều xã miền núi còn chiếm tỷ lệ cao...

- Chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí chưa có chuyển biến mạnh, thiếu biện pháp cụ thể, tích cực đấu tranh có hiệu quả; một số trường hợp còn nể nang, né tránh, đấu tranh thiếu kiên quyết. Khi phát hiện tiêu cực ở một số đơn vị chậm xử lý....

- Tuy đạt được những thành tựu bước đầu, nhưng miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số Phú Yên vẫn còn khó khăn, do điểm xuất phát kinh tế quá thấp, sản xuất mang tính tự cung tự cấp, năng suất lao động thấp nên chuyển biến chậm; một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ trách nhiệm xây dựng kinh tế-xã hội miền núi; kinh phí đầu tư cho miền núi hàng năm phân tán, chưa phát huy được nội lực từng địa phương.

Vào những tháng cuối năm 2000, sau khi kết thúc bước 3 cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Phú Yên có vinh dự lớn được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Trong niềm hân hoan ấy, Đại hội lần thứ XIII của Đảng bộ tỉnh tiến hành tại Nhà văn hóa lao động tỉnh (thị xã Tuy Hoà) từ ngày 28 đến ngày 31 tháng 12 năm 2000 đánh dấu một bước quan trọng của phong trào cách mạng Phú Yên. 295 đại biểu chính thức thay mặt cho trên 1,3 vạn đảng viên ở 7 đảng bộ huyện, thị xã và 4 đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ đã về dự Đại hội.

Đại hội nhận định: 5 năm qua, toàn Đảng bộ, toàn dân, toàn quân tỉnh ta đã không ngừng phát huy

truyền thống cách mạng vẻ vang và đoàn kết nhất trí, nêu cao ý chí tự lực tự cường, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn thử thách, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện trên các lĩnh vực và đạt được những thành tựu quan trọng: Nền kinh tế của tỉnh tiếp tục tăng trưởng khá; cơ cấu nền kinh tế bước đầu có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá; các mặt văn hoá-xã hội có bước phát triển khởi sắc; đời sống vật chất và tinh thần của phần lớn nhân dân được cải thiện, diện hộ đói nghèo giảm đáng kể; quốc phòng được củng cố, an ninh chính trị, trật tự an toàn được giữ vững; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp bộ Đảng, năng lực quản lý và điều hành của chính quyền các cấp được nâng lên; công tác vận động quần chúng và phong trào hành động cách mạng của quần chúng có tiến bộ.

Những thắng lợi đó cũng nói lên sự trưởng thành một bước của toàn Đảng bộ, sự nỗ lực của toàn dân, toàn quân trong tỉnh, nói lên khả năng to lớn về phát triển kinh tế với tài nguyên và sức lao động dồi dào của Phú Yên.

Đại hội cũng chỉ rõ: Thực trạng nền kinh tế của tỉnh chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm và chưa đồng bộ, công nghiệp còn yếu, kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Thu ngân sách trên địa bàn chưa đáp ứng yêu cầu đủ chi thường xuyên. Nguồn thu địa phương còn thấp, chưa có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Người lao động chưa có việc làm, thiếu việc làm còn chiếm tỷ trọng cao; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Trình độ và năng lực thực tiễn của cán bộ còn nhiều mặt hạn chế, một bộ phận cán bộ, đảng viên sa sút phẩm chất, đạo đức cách mạng; một bộ phận cán bộ và đảng viên còn mất cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch.

Đại hội đã thông qua Nghị quyết về mục tiêu, phương hướng và nhiệm vụ của Đảng bộ trong 5 năm đến. Nghị quyết của Đại hội viết:

*“ Mục tiêu phấn đấu của Đảng bộ và nhân dân tỉnh ta trong 5 năm 2001-2005 là: Đẩy mạnh kinh tế-xã hội phát triển với nhịp độ tăng trưởng cao và bền vững theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phấn đấu thu đủ chi thường xuyên, tạo cơ sở để đến năm 2010 GDP tăng gấp hơn 2 lần so với năm 2000, bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế tỉnh.*

*Phương hướng nhiệm vụ 5 năm 2001-2005 là: Thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trước mắt là công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy nông-lâm nghiệp phát triển toàn diện gắn với phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ nông thôn; bảo đảm an ninh lương thực. Tập trung xây dựng một số cơ sở sản xuất công nghiệp với công nghệ hiện đại, sớm phát huy hiệu quả. Coi trọng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống. Đẩy mạnh xây dựng kinh tế-xã hội miền núi và vùng biển đảo, gắn với khai thác tiềm năng vùng đất phía tây tỉnh, vùng ven biển và kinh tế biển. Chăm lo đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao trình độ dân trí và chất lượng đời sống nhân dân. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; nâng cao cảnh giác và chủ động ngăn ngừa và làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Tăng cường công tác đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp và hoạt động*

*của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới, phấn đấu cùng cả nước thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh...”*

Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2001-2005 gồm 45 ủy viên chính thức. Đồng chí Nguyễn Thành Quang được bầu làm Bí thư Tỉnh ủy. Đại hội đã bầu 12 đồng chí đại biểu chính thức (và 2 đồng chí đại biểu dự khuyết) thay mặt Đảng bộ tỉnh Phú Yên dự Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Thắng lợi của cách mạng nước ta trong hơn chục năm qua thật là to lớn. Phú Yên sau 11 năm từ ngày tái lập tỉnh đã gạt hái những thành tựu đáng tự hào, tuy nhiên những khó khăn mà Đảng bộ phải vượt qua cũng rất gay gắt. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII chỉ ra những thắng lợi đã giành được để tin tưởng và tự hào, đồng thời nghiêm khắc vạch ra các khuyết điểm, nhược điểm và hướng sửa chữa làm cho Đảng bộ thêm trưởng thành, dày dặn, vững vàng hơn, tin tưởng vững chắc hơn vào thắng lợi sắp đến.

Có thể nói, so với bước tiến chung của cả nước, những thành quả đạt được của Đảng bộ tỉnh Phú Yên chưa phải là lớn, nhưng Đảng bộ và nhân dân Phú Yên tự vượt lên chính mình trong vô vàn khó khăn, thử thách, thì những gì đã làm được thực sự có ý nghĩa sâu sắc và toàn diện. Từ thực tiễn trong 11 năm từ 1989 đến 2000 bước đầu có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

- Trong hoàn cảnh một tỉnh đi lên gần như từ “con số không”, nghèo khó, thiếu thốn đủ bề, việc nhận thức đúng hoàn cảnh, sức lực, tiềm năng của mình để chọn bước đi thích hợp, với quyết tâm cao và mạnh dạn, dám nghĩ, dám làm, vừa làm, vừa rút kinh nghiệm là hết sức quan trọng. Điều đó thể hiện trong những việc làm cụ thể. Chẳng hạn, thời kỳ đầu tái lập tỉnh, nhu cầu về nhà ở của cán bộ, công nhân viên hết sức bức bách, nhưng tỉnh không đầu tư làm nhà ở tập thể mà chủ trương quy hoạch chi tiết một số vùng, cấp đất và cho mượn tiền để từng hộ tự xây dựng nhà ở; trong lúc chưa có nhà, thì hộ có hai người làm việc ở cơ quan tỉnh, cử một người về trước làm việc, còn một người ở lại lo công việc gia đình. Với chủ trương vừa tích cực, khẩn trương và hợp lý chỉ một thời gian ngắn toàn bộ cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang cơ bản chuyển hết về Phú Yên, sớm ổn định gia đình và cuộc sống.

- Không trông chờ ỷ lại, phát huy nội lực gắn với việc sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ của Trung ương, phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện chính sách xã hội. Điều đó thể hiện trong việc chủ động bố trí lại cơ cấu đầu tư, xây dựng nhiều công trình giao thông, thủy lợi, trường học từ nguồn vốn của Trung ương, địa phương và sự đóng góp của nhân dân. Đặc biệt, sản xuất công nghiệp từ chỗ không có một cơ sở nào, thị trường tại chỗ nhỏ bé, xa các trung tâm kinh tế lớn...nhưng đã có sự mạnh dạn vừa làm, vừa rút kinh nghiệm nên đã có những thành công ban đầu, khu công nghiệp Hoà Hiệp ra đời, sau đó hình thành các khu công nghiệp An Phú, đông bắc Sông Cầu, Hoà Hiệp II...kết quả đó cho phép rút ra bài học này. Đi đôi với phát triển kinh tế, chú trọng đúng mức đến chính sách xã hội: Tập trung xử lý những tồn đọng về đối tượng hưởng chính sách đồng thời phát động phong trào đền ơn, đáp nghĩa, toàn xã hội chăm lo các đối tượng chính sách, nên đời sống các hộ chính sách được cải thiện. Đặc biệt, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đề ra chủ trương thực hiện chính sách cho trên 1800 cán bộ tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nghỉ công tác trước ngày 30-4-1975 chưa được hưởng chế độ, với tổng số tiền trên 2 tỷ

đồng, đây là chủ trương đúng hợp lòng dân. Công tác chăm lo người nghèo cũng được chú ý đúng mức.

- Thường xuyên quan tâm công tác xây dựng Đảng, củng cố và xây dựng chính quyền các cấp, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt được quán triệt và trở thành nhiệm vụ thường xuyên trong mọi hoạt động của cán bộ, đảng viên. Chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ, đánh giá đúng năng lực, sở trường để bố trí, sử dụng cán bộ là bài học thực tiễn thành công và chưa thành công của Phú Yên trong 11 năm qua. Ý thức được điều đó, năm 1996, Tỉnh ủy Phú Yên ra Nghị quyết số 02 về những vấn đề cơ bản của công tác quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, Nghị quyết này đã đáp ứng được yêu cầu của công tác cán bộ. Chăm lo xây dựng Mặt trận và các tổ chức chính trị-xã hội vững mạnh làm hạt nhân lãnh đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; các tổ chức chính trị-xã hội không ngừng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, tập hợp quần chúng, động viên nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm của từng thời kỳ có ý nghĩa rất quan trọng trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, làm cơ sở cho việc xây dựng chính quyền các cấp trong sạch vững mạnh.

## CHƯƠNG KẾT

### ĐẢNG BỘ PHÚ YÊN QUA 25 NĂM XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Hai mươi lăm năm cuối thế kỷ XX (1975-2000), dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đảng bộ, quân và dân tỉnh Phú Yên phát huy truyền thống anh hùng, đoàn kết, năng động và sáng tạo trong chiến tranh chống Mỹ, cứu nước, vượt qua các khó khăn, thử thách, đã giành được những thành tựu quan trọng trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng, góp phần xứng đáng vào những thành tựu chung của toàn Đảng và nhân dân cả nước.

Hơn 7 tháng sau ngày giải phóng Phú Yên (1/4-3/11/1975) và trong gần 14 năm hợp nhất với tỉnh Khánh Hoà thành tỉnh Phú Khánh (3/11/1975-30/6/1989), nhân dân các huyện, thị trên địa bàn Phú Yên ra sức khắc phục hậu quả chiến tranh, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực, từng bước phát triển kinh tế - xã hội, thu được một số thành tựu bước đầu khá quan trọng: Quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất và thượng tầng kiến trúc của chế độ mới từng bước được xác lập và hoàn thiện. Sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong nhân dân ngày càng được củng cố. Nền kinh tế có bước phát triển, xã hội từ tình trạng mang tính chất hưởng thụ với những tệ nạn xã hội do chiến tranh và chế độ cũ để lại đó đi vào quỹ đạo sản xuất. Nền văn hoá, giáo dục, y tế xã hội chủ nghĩa ra đời. Các cấp uỷ Đảng và chính quyền từng bước được củng cố và kiện toàn. An ninh quốc phòng được củng cố và giữ vững. Có thể nói những thành tựu đạt được là đáng phấn khởi, nhưng nhìn chung, đến cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX tình hình vẫn hết sức khó khăn, Phú Khánh nói riêng và đất nước nói chung vẫn đang trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Thực hiện Quyết định số 83-QĐ/TW, ngày 4-3-1989 của Bộ Chính trị về chia tỉnh Phú Khánh thành hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hoà, Ngày 1-7-1989, tỉnh Phú Yên được tái lập. Sau ngày tái lập tỉnh, Phú Yên đứng trước những khó khăn thử thách rất lớn, từ thị xó Tuy Hoà đến các thị trấn, thị tứ đều xuống cấp nghiêm trọng; các thiết chế kinh tế, kỹ thuật hết sức manh mún, nhỏ bộ, lạc hậu. Đảng bộ, quân và dân Phú Yên hầu như phải bắt tay xây dựng lại từ đầu. Quá trình xây dựng và phát triển tuy

được các bộ, ngành ở Trung ương chi viện, hỗ trợ, song luôn thiếu vốn, vật tư, thiếu cả đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật nòng cốt rất nhiều khó khăn, thử thách.

Đứng trước tình hình đó, vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng được khởi xướng tại Đại hội VI (12-1986), Phú Yên tiếp tục tiến hành xoá bỏ tư duy cũ, cơ chế cũ, chuyển nền kinh tế từ tập trung quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của Nhà nước. Đây là sự chuyển biến có ý nghĩa chính trị - xã hội cực kỳ quan trọng, làm tiền đề cho sự phát triển sau này. Đến năm 1996 - gần mười năm sau ngày thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, *“thành tựu đạt được trên các mặt kinh tế - xã hội là cơ bản quan trọng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, bước đầu phát huy hiệu quả; đời sống nhân dân được ổn định, có mặt được cải thiện; quốc phòng an ninh được củng cố, tiếp tục giữ vững sự ổn định chính trị, đoàn kết nội bộ và sự nhất trí trong nhân dân”*.

Sự chuyển biến quan trọng đó, tạo điều kiện thuận lợi cho các bước phát triển nhanh hơn, có hiệu quả hơn trong giai đoạn tiếp theo. Sự phát triển kinh tế - xã hội trong những năm 1996-2000 được Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII (12-2000) đánh giá và ghi nhận. Đó là sự phát triển toàn diện về kinh tế - xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên, quốc phòng và an ninh tiếp tục được củng cố, năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp uỷ Đảng; năng lực quản lý và sự điều hành của chính quyền các cấp được nâng lên.

Thực tiễn phong phú và sinh động của phong trào cách mạng ở Phú Yên từ năm 1975 đến năm 2000 cả về thành tựu cũng như hạn chế đó để lại cho Đảng bộ nhiều bài học kinh nghiệm quý báu:

**Một là:** *Kiên định mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Đảng ta và Bác Hồ kính yêu đã lựa chọn; tuyệt đối tin tưởng, chấp hành nghiêm túc và vận dụng sáng tạo các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương.*

Sau ngày giải phóng (1/4/1975), Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo nhân dân trong tỉnh tiến hành khắc phục hậu quả chiến tranh và từng bước phát triển kinh tế - xã hội theo con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội mà Đảng và Bác Hồ kính yêu đã lựa chọn. Từ 1975 đến 1986, là giai đoạn vừa khắc phục các hậu quả nặng nề của chiến tranh, vừa tìm kiếm con đường để vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội và cuối cùng Đảng ta đã tìm ra được lối thoát. Từ 1986 đến 2000 là giai đoạn tiến hành đổi mới tư duy theo đường lối của Đại hội VI của Đảng. Đến Đại hội VII được tổng kết và phát triển, Đại hội VIII tiếp tục bổ sung, làm cho đường lối đổi mới của Đảng ngày càng hoàn chỉnh. Thông qua các Văn kiện của Đại hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh đã làm cho mọi cấp, mọi ngành, cho toàn thể cán bộ, đảng viên nhận thức ngày càng rõ hơn mục tiêu Xã hội chủ nghĩa. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu mà phải quan niệm đúng hơn về Chủ nghĩa xã hội, thực hiện mục tiêu ấy bằng những bước đi, bằng hình thức và biện pháp phù hợp với thực tiễn của Việt Nam, cũng như ngay trên địa bàn Phú Yên.

Đổi mới không phải là xoá bỏ chủ nghĩa Mác-Lênin để thay bằng chủ nghĩa xã hội dân chủ như luận điệu của những kẻ phản bội ở Đông Âu cũng như ở trong nước trong những năm 80, 90 cuối thế kỷ XX đã ồn ào xuyên tạc, phủ định học thuyết cách mạng và khoa học. Đảng bộ Phú Yên kiên định vững vàng thông qua sự lãnh đạo của mình bằng đường lối đúng đắn của Đảng đã làm cho cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ nhận thức và nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin,

đồng thời quán triệt cho toàn Đảng bộ tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam. Nghị quyết Đại hội VII (6.1991) của Đảng ta lần đầu tiên *chính thức nêu tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng*<sup>(1)</sup>. Đó là một quyết định cực kỳ quan trọng và sáng suốt. Sự định hướng tư tưởng và nhận thức chính trị kịp thời trong thời điểm vàng thau lẫn lộn sau sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô, giữ vững chế độ, lại một lần nữa khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ mới.

**Hai là:** *Thường xuyên coi trọng công tác xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng và tổ chức, đặc biệt xây dựng sự đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng. Đồng thời, phải coi sự gắn bó mật thiết của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước là nhân tố quyết định mọi sự thành công.*

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. "*Để trăm lần không dân cùng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong*". Phải thường xuyên làm cho nhân dân hiểu được các chủ trương, chính sách ấy, chống mọi kiểu gò ép, áp đặt, không tôn trọng ý kiến của dân. Phát huy sinh hoạt dân chủ ở cơ sở. Thực hiện đầy đủ phương châm: "*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*". Phải làm cho nhân dân thấy được trách nhiệm của mình, tích cực tham gia các vấn đề nảy sinh trong xã hội.

Để làm được đầy đủ những quan điểm trên, trước hết phải đoàn kết, nhất trí trong nội bộ Đảng như trong Di chúc của Bác Hồ đã căn dặn: "*Các đồng chí từ Trung ương đến các chi bộ phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình*". Từ sự đoàn kết trong Đảng bộ và gương mẫu của từng đảng viên mà tập hợp, quy tụ sự đoàn kết trong nhân dân. Đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hoá hiện đại hoá, trước hết là công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, xây dựng Phú Yên trở thành một tỉnh giàu mạnh có cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp hợp lý là cả một quá trình phải trải qua nhiều kỳ kế hoạch 5 năm, còn phải trải qua nhiều khó khăn thử thách. Chỉ có tin vào dân, bám dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân, cùng hành động với nhân dân; huy động được sức mạnh tổng hợp ấy thì mọi việc mới thành công. Thực tiễn 25 năm qua càng làm sáng rõ nguyên lý cơ bản ấy.

**Ba là:** *Thường xuyên coi trọng công tác tổ chức, công tác đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý; bồi dưỡng đồng bộ cán bộ lãnh đạo quản lý ở cơ sở. Chú trọng xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo có chất lượng cao và đồng bộ, đảm bảo ngang tầm với yêu cầu của sự phát triển.*

Thực tiễn và yêu cầu lãnh đạo và quản lý xã hội từ sau ngày giải phóng Phú Yên (1/4/1975), đến giai đoạn sau chia tỉnh Phú Khánh, tái lập tỉnh Phú Yên (1/7/1989) vấn đề đội ngũ cán bộ lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, cán bộ quản lý Nhà nước từ tỉnh đến cơ sở cũng như cán bộ quản lý các đơn vị sản xuất kinh doanh; đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật đòi hỏi phải theo kịp và ngang tầm với sự nghiệp xây dựng và phát triển nền kinh tế trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa luôn luôn là yêu cầu bức thiết. Song đội ngũ cán bộ trên các lĩnh vực đều thiếu và không đồng bộ.

Xuất phát yêu cầu phát triển từng giai đoạn, Đảng bộ Phú Yên đã có những chủ trương và chính sách cụ thể khá năng động; bằng nhiều hình thức liên kết với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các trường Đại học trên các lĩnh vực tỉnh có nhu cầu. Vừa đào tạo tập trung dài hạn, vừa đào tạo bồi

---

(1) Tác phẩm: "Bảo vệ và phát triển Chủ nghĩa Mác - Lênin là nhiệm vụ quan trọng và bức thiết. NXBCTQG, trang 85.

dưỡng tại chức, chỉ sau một thời gian số cán bộ được đào tạo từng bước đáp ứng với yêu cầu phát triển.

Công tác củng cố xây dựng tổ chức và công tác cán bộ của Đảng bộ Phú Yên trong một phần tư thế kỷ qua là một thành công cần được tổng kết và nghiên cứu sâu để rút ra những bài học về xây dựng Đảng.

***Bốn là:** Biết tranh thủ sự viện trợ, giúp đỡ của Trung ương Đảng và Chính phủ; của các tỉnh thành trên cả nước. Nêu cao ý chí tự lực, tự cường, ra sức phát huy nội lực tạo nên sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong việc phấn đấu thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội, quốc phòng – an ninh.*

Nêu cao ý thức tự lực, tự cường; động viên và phát huy nội lực của toàn Đảng toàn quân, toàn dân trong Đảng bộ có ý nghĩa quyết định và hết sức quan trọng đồng thời không coi nhẹ sự viện trợ giúp đỡ của ngoại lực. Hai mặt kết hợp hài hòa là nhân tố để phát triển nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Các điều nêu trên được thể hiện trong việc chủ động bố trí cơ cấu đầu tư, xây dựng hệ thống giao thông, công trình thủy lợi, trường học từ nguồn vốn của Trung ương, địa phương và sự đóng góp của nhân dân. Trên lĩnh vực công nghiệp từ chỗ không có cơ sở nào, thị trường tại chỗ nhỏ bị chia cắt xa các trung tâm kinh tế lớn... nhưng đã mạnh dạn vừa làm vừa rút kinh nghiệm nên có thành công bước đầu. Các khu công nghiệp ở Hòa Hiệp, An Phú, đông bắc Sông Cầu cùng với các thiết chế cơ sở hạ tầng được hình thành trong những năm qua tạo cho bức tranh kinh tế - xã hội trong tỉnh có những biến đổi cơ bản tạo ra điều kiện mới cho quá trình phát triển.

\*

Đi suốt chặng đường 25 năm cuối thế kỷ XX (1975-2000), Đảng bộ tỉnh Phú Yên đã trải qua ba bước ngoặt lịch sử của quá trình xây dựng và phát triển<sup>(1)</sup>. Mỗi bước ngoặt đã để lại những vấn đề có ý nghĩa thực tiễn về vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, đặc biệt là vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Đây là yếu tố cơ bản và quyết định để đưa Phú Yên vượt qua mọi khó khăn thử thách và thu được những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh. Mặc dù cũn có những hạn chế, thiếu sót, nhưng những thành tựu to lớn mà toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân Phú Yên đạt được trong 25 năm (1975-2000) là tiền đề vật chất và tinh thần hết sức quan trọng để Phú Yên tiếp tục phát triển, đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 Phú Yên trở thành một tỉnh công nghiệp - dịch vụ, sánh vai với các tỉnh, thành trong cả nước.

**PHỤ LỤC**  
**DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH CÁC KHOÁ TỪ 1975-2000**  
**BAN CHẤP HÀNH LÂM THỜI ĐẢNG BỘ PHÚ KHÁNH**  
**(từ tháng 11-1975 đến tháng 3-1977) <sup>18[18]</sup>**

<sup>(1)</sup> Một từ 1-4-1975 đến 11-1975. Hai từ 11-1975 đến 1-7-1989. Ba từ 1-7-1989 đến 2000.

<sup>18[18]</sup> Ban biên soạn chưa tìm thấy tài liệu phân công chức vụ của các đồng chí Tỉnh ủy viên Phú Khánh khóa lâm thời.



Theo Nghị quyết số 245-NQ/TW của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Đảng bộ Phú Yên hợp nhất với Đảng bộ Khánh Hoà thành Đảng bộ Phú Khánh từ ngày 3-11-1975. Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ Phú Khánh gồm các đồng chí:

<b>A. Ban thường vụ Tỉnh uỷ:</b>		
<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Nguyễn Xuân Hữu	Thường vụ Khu uỷ Khu V, Bí thư Tỉnh uỷ
2	Lê Trọng Khoan	Khu uỷ viên Khu V, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ.
3	Mai Dương	Khu uỷ viên Khu V, Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch UBND tỉnh
4	Trần Suyền	Khu uỷ viên Khu V, Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch UBND
5	Hồ Ngọc Nhưông.	Phó Chủ tịch UBND tỉnh
6	Lê Tụng.	Phó Chủ tịch UBND tỉnh
7	Nguyễn Quyết.	Phó Chủ tịch UBND tỉnh
8	Nguyễn Hữu Ái.	Phó Chủ tịch UBND tỉnh
9	Bùi Tân.	
10	Ông Văn Bưu.	
11	Võ Cứ.	
12	Triết Giang.	
13	Bùi Hồng Thái.	
14	Nguyễn Lương.	
15	Lê Bác.	
<b>B. Tỉnh uỷ viên:</b>		
16	Đặng Nhiên.	
17	Nguyễn (Hoài Sơn)	Điều

18	Nguyễn Thị Minh.	
19	Nguyễn Văn Ánh.	
20	Trần Quốc Khánh.	
21	Nguyễn Văn Hiến.	
22	Đình Hoà Khánh.	
23	Võ Danh.	
24	Nguyễn Đình Quế.	
25	Cao Huỳnh.	
26	Cha La.	
27	Nguyễn Hữu Xuân.	
28	Trần Thanh Hà.	
29	Ma Nhân.	
30	Lê Duy Tường.	
31	Mai Xuân Cống.	
32	Nguyễn Cốc.	
33	Dương Dự.	
34	Lê Bích Hải.	
35	Mai Văn Minh.	
36	Hoàng Sơn.	
37	Ma Noa.	
38	Nguyễn Văn Trúc.	
39	Mạnh Hùng Thiên.	
40	Trịnh Tấn Lực.	
41	Nguyễn Đức Bảo.	
42	Trần Hồng Châu.	
43	Nguyễn Chung.	

<b>A. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ:</b>		
<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Nguyễn Xuân Hữu	Ủy viên BCHTW Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ.
2	Mai Dương	Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch UBND tỉnh.
3	Trần Suyên	Phó Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch UBMTTQ tỉnh.
4	Nguyễn Phụng Minh	Phó Bí thư thường trực Tỉnh uỷ.
5	Nguyễn Ngật (Lương)	Bí thư Thành uỷ Nha Trang.
6	Lê Huân (Lê)	Chỉ huy trưởng BCH quân sự tỉnh
7	Lê Tụng	Phó Chủ tịch UBND tỉnh
8	Võ Cừ	Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh uỷ.
9	Nguyễn Duy Luân	Phó Chủ tịch UBND tỉnh
10	Hồ Ngọc Nường	Phó Chủ tịch UBND tỉnh
11	Nguyễn Hữu Ái	Phó Chủ tịch UBND tỉnh
<b>B. Tỉnh uỷ viên chính thức:</b>		
12	Huỳnh Trúc	Chánh văn phòng Tỉnh uỷ
13	Lê Đại (Hùng)	Giám đốc Công an Tỉnh
14	Nguyễn Văn Ánh	Trưởng Ty Tài chính
15	Nguyễn Điều	Phó Giám đốc Công an Tỉnh
16	Công Minh	Bí thư Huyện uỷ Tuy Hoà
17	Bá Văn Nam (Trung)	Chủ tịch UBND huyện Sơn Hoà
18	Nguyễn Chính	Trưởng Ty Văn hoá – Thông tin.
19	Võ Tòng	Trưởng Ban Tuyên huấn Tỉnh uỷ.

20	Cao Xuân Thiêm	Bí thư Huyện uỷ Sơn Hoà.
21	Nguyễn Cóc	Bí thư Huyện uỷ Tuy An.
22	Nguyễn Tiến Thanh	Bí thư Diên Khánh.
23	Nguyễn Tường Thuật	Trưởng Ban Kinh tế mới.
24	Bùi Đức Nhung	Trưởng Ty Công nghiệp.
25	Phạm Cư	Phó Ban Tổ chức Tỉnh uỷ.
26	Nguyễn Văn Thắng (Quyết)	Phó Chủ tịch UBND tỉnh
27	Lâm Trường Thắng	Bí thư Huyện uỷ Cam Ranh.
28	Nguyễn Quý Hanh	Chủ tịch UBND huyện Cam Ranh.
29	Đặng Nhiên	Phó Chủ tịch UBMTTQ tỉnh.
30	Đình Hoà Khánh	Trưởng Ty Giáo dục.
31	Võ Đông Thu	Chủ tịch UBND huyện Tuy Hoà.
32	Phạm Quang Minh	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
33	Phạm Hữu Châu	Trưởng Ty Thương nghiệp.
34	Bùi Thị Thanh Vân	Hội trưởng Hội phụ nữ tỉnh.
35	Mai Xuân Cống	Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh.
36	Nguyễn Thị Minh	Trưởng ty Lao động
37	Nguyễn Biện (Quyết Tâm)	Phó Ban Tổ chức Tỉnh uỷ.
<b>C. Tỉnh uỷ viên dự khuyết.</b>		
38	Cao Sơn Hà	Trưởng ty Nông nghiệp.
39	Võ Hoá	Trưởng ty Lâm nghiệp.

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ KHÁNH KHOÁ II (10/1979 – 2/1983)**

<b>A. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ:</b>		
<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Nguyễn Xuân Hữu	UVTV Đảng, Bí Thư Tỉnh uỷ.
2	Nguyễn Phụng Minh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ.
3	Mai Dương	Phó Bí thư, Trưởng Ban Dân vận và Mặt trận tỉnh.
4	Trần Suyền	Trưởng Ban Kinh tế Tỉnh uỷ.
5	Hồ Ngọc Nhung	Chủ tịch UBND tỉnh.
6	Nguyễn Duy Luân	Giám đốc Công an tỉnh.
7	Võ Cừ	Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh uỷ.
8	Cao Xuân Thiêm	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
9	Triết Giang	Trưởng Ban Tuyên huấn Tỉnh uỷ.
10	Lê Huân	Chính uỷ kiêm tư lệnh trưởng BCH quân sự tỉnh.
11	Nguyễn Lương	Bí thư Thành uỷ Nha Trang.
12	Nguyễn Quyết	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
13	Bùi Hồng Thái	Trưởng Ban kiểm tra Tỉnh uỷ.
<b>B. Tỉnh uỷ viên chính thức:</b>		
14	La Chí Noa	Bí thư Huyện uỷ Tây Sơn
15	Mai Xuân Cống	Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh.
16	Nguyễn Điều	Phó Giám đốc Công an tỉnh.
17	Phạm Cư	Phó Ban Tổ chức Tỉnh uỷ.
18	Nguyễn Văn Ánh	Trưởng Ty Tài chính.
19	Lương Công Đoàn	Bí thư Tỉnh Đoàn.
20	Phạm Hồng Quang	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
21	Huỳnh Trúc	Chánh Văn phòng Tỉnh uỷ.

22	Cao Sơn Hà	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
23	Võ Hoà	Giám đốc Ty Giao thông vận tải.
24	Nguyễn Tiến Thanh	Bí thư Huyện uỷ Diên Khánh.
25	Quyết Tâm	Trưởng Ban Tổ chức Chính quyền tỉnh.
26	Nguyễn Văn An	Bí thư Huyện uỷ Vạn Ninh.
27	Đình Hoà Khánh	Trưởng Ty Giáo dục.
28	Nguyễn Quý Hanh	Bí thư Huyện uỷ Cam Ranh.
29	Trần Quốc Khánh	Chủ tịch UBND thành phố Nha Trang.
30	Nguyễn Tường Thuật	Trưởng Ban Kinh tế mới.
31	Lê Bích Hải	Trưởng Ty Thương nghiệp.
32	Bùi Thị Thanh Vân	Hội trưởng Hội Phụ nữ.
33	Bùi Tân	Bí thư Huyện uỷ Đồng Xuân.
34	Tạ Sơn Xuân	Nguyên Bí thư Huyện uỷ Đồng Xuân (đang chữa bệnh).
35	Nguyễn Thị Minh	Trưởng Ty Lao động.
36	Võ Đông Thu	Bí thư Huyện uỷ Tuy An.
37	Nguyễn Hữu Ái	Trưởng Ban Cải tạo nông nghiệp tỉnh.
38	Nguyễn Thị Hồng Vân	Trưởng Ty Công nghiệp
39	Nguyễn Ngọc Hoanh	Trưởng Ty Hải sản.
40	Nguyễn Văn Vân	Phó Ban Kinh tế Tỉnh uỷ.
41	Huỳnh Môn	Phó Chỉ huy chính trị BCH quân sự tỉnh.
42	Nguyễn Thị Miễn	Hội phó Hội Phụ nữ tỉnh.
43	Nguyễn Minh Trung	Nguyên Trưởng Ty Lâm nghiệp (đang đi học chính trị).

<b>C. Tỉnh uỷ viên dự khuyết</b>		
44	Nguyễn Chính	Trưởng Ban Công nghiệp Tỉnh uỷ.
45	Vũ Việt Hùng	Bí thư Huyện uỷ Tuy An (đang đi học chính trị).

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ KHÁNH KHOÁ III (2/1983 – 11/1986)**

<b>A. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ:</b>		
<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Nguyễn Xuân Hữu	Ủy viên BCHTW Đảng, Bí Thư Tỉnh uỷ.
2	Nguyễn Phụng Minh	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ.
3	Hồ Ngọc Như	Chủ tịch UBND tỉnh.
4	Trần Suyền	Trưởng Ban Dân vận, Chủ tịch Mặt trận tỉnh.
5	Nguyễn Duy Luân	Giám đốc Công an tỉnh.
6	Võ Cừ	Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh uỷ.
7	Cao Xuân Thiêm	Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh.
8	Lê Huấn	Chỉ huy trưởng BCH quân sự tỉnh.
9	Triết Giang	Trưởng Ban Tuyên huấn Tỉnh uỷ.
10	Bùi Hồng Thái	Trưởng Ban Kiểm tra Tỉnh uỷ.
11	Võ Hoà	Trưởng Ban Kinh tế Tỉnh uỷ.
12	Huỳnh Trúc	Chánh Văn phòng Tỉnh uỷ.
13	Nguyễn Lương	Bí thư Thành uỷ Nha Trang.
<b>B. Tỉnh uỷ viên chính thức:</b>		

14	Phạm Cư	Phó Ban Tổ chức Tỉnh uỷ.
15	Phạm Hồng Quang	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
16	Bùi Tân	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
17	Trần Quốc Khánh	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
18	Nguyễn Tường Thuật	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
19	Lê Văn Kế	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
20	Nguyễn Văn Ánh	Giám đốc Sở Tài chính.
21	Đình Hoà Khánh	Giám đốc Sở Giáo dục.
22	Nguyễn Ngọc Hoanh.	Giám đốc Sở Thủy sản.
23	Nguyễn Thị Hồng Vân	Giám đốc Sở Công nghiệp.
24	Võ Hoá	Giám đốc Sở Lâm nghiệp.
25	Nguyễn Ngọc Xuân	Giám đốc Sở Nông nghiệp.
26	Nguyễn Điều	Phó Giám đốc Công an tỉnh.
27	Huỳnh Môn	Chỉ huy Phó BCH quân sự tỉnh.
28	Nguyễn Thị Miến	Hội trưởng Hội phụ nữ tỉnh.
29	Quyết Tâm	Thư ký Liên hiệp Công đoàn tỉnh.
30	Đỗ Vĩnh Tân	Bí thư Tỉnh đoàn.
31	Trần Văn Trung	Bí thư Huyện uỷ Đồng Xuân.
32	Nguyễn Cóc	Bí thư Huyện uỷ Tuy An.
33	Ma Noa	Bí thư Huyện uỷ Tây Sơn.
34	Nguyễn Thành Quang	Chủ tịch UBND huyện Tuy Hoà.
35	Phạm Tuấn Kiệt	Phó Bí thư Huyện uỷ Vạn Ninh.
36	Trần Việt Á	Bí thư Huyện uỷ Ninh Hoà.
37	Lương Duy Ánh	Bí thư Huyện uỷ Diên Khánh.
38	Mai Văn Minh	Bí thư Huyện uỷ Cam Ranh.
39	Nguyễn Văn Trúc	Bí thư Thị uỷ Tuy Hoà.



40	Nguyễn Minh Trung	Đang học Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc.
41	Bùi Sơn Hải	Đang học Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc.
<b>C. Tỉnh uỷ viên dự khuyết:</b>		
42	Lê Duy Tùng	Đang học ở Liên Xô.
43	Cao Sơn Hà	Trưởng Ban Nông nghiệp Tỉnh uỷ.
44	Nguyễn Thị Minh	Giám đốc Sở Lao động.

### BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ KHÁNH KHOÁ IV (11/1986 – 2/1989)

<b>A. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ:</b>		
STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Duy Luân	Bí thư Tỉnh uỷ, phụ trách an ninh - quốc phòng.
2	Võ Hòa	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh.
3	Bùi Hồng Thái	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ.
4	Triết Giang	Trưởng Ban Tuyên huấn Tỉnh uỷ.
5	Quyết Tâm	Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh uỷ.
6	Trần Minh Mạch	Chủ nhiệm Uỷ ban kiểm tra Tỉnh uỷ.
7	La Chí Noa	Trưởng Ban Dân vận kiêm Trưởng Ban Dân tộc tỉnh.
8	Nguyễn Văn Ánh	Phó Chủ tịch trực UBND tỉnh.
9	Lê Văn Kế	Phó Chủ tịch UBND tỉnh kiêm Chủ nhiệm UB kế hoạch tỉnh
10	Nguyễn Điều	Giám đốc Công an tỉnh.

11	Lê Thái	Chỉ huy trưởng BCH quân sự tỉnh.
12	Nguyễn Thị Hồng Vân	Bí thư Thành uỷ Nha Trang.
13	Nguyễn Văn Trúc	Bí thư Thị uỷ Tuy Hoà.
<b>B. Tỉnh uỷ viên chính thức:</b>		
14	Phạm Cư	Bí thư Đảng uỷ các cơ quan tỉnh.
15	Bùi Sơn Hải	Giám đốc Sở Thương nghiệp.
16	Võ Hoá	Trưởng Ban Kinh tế Tỉnh uỷ.
17	Đỗ Vĩnh Tân	Giám đốc Nhà máy đường Tuy Hoà.
18	Nguyễn Thị Miến	Hội trưởng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh.
19	Nguyễn Thị Minh	Giám đốc Sở Lao động
20	Nguyễn Thành Quang	Trưởng Ban chuẩn bị công trình thuỷ điện Sông Hinh.
21	Lê Duy Tùng	Phó Giám đốc Sở Công nghiệp.
22	Nguyễn Tường Thuật	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
23	Trần Nguyên Cung	Phó Giám đốc Sở Giáo dục.
24	Trần Diệu	Giám đốc Sở Thuỷ lợi.
25	Trần Minh Duân	Đang học ở Liên Xô.
26	Lương Công Đoan	Thư ký Liên Hiệp Công đoàn tỉnh.
27	Đình Thanh Đồng	Bí thư Tỉnh Đoàn.
28	Nguyễn Thiết Hùng	Giám đốc Sở Thuỷ sản.
29	Trần Khắc Huỳnh	Phó Chủ nhiệm Uỷ ban kế hoạch tỉnh
30	Nguyễn Thị Nở	Giám đốc Sở Tài chính.
31	Nguyễn Văn Thám	Phó Ban Tổ chức Tỉnh uỷ.
32	Trần Thị Lượng	Phó Chủ nhiệm Uỷ ban kiểm tra Tỉnh uỷ.

33	Mẫu Văn Liên	Bí thư Huyện uỷ Khánh Sơn.
34	Hoàng Tám	Giám đốc Sở Nông nghiệp.
35	Mai Văn Minh	Bí thư Huyện uỷ Cam Ranh.
36	Cao Hà Mân	Bí thư Huyện uỷ Khánh Vĩnh.
37	Nguyễn Xuân Hải	Chủ tịch UBND huyện Diên Khánh.
38	Trần Việt Á	Bí thư Huyện uỷ Ninh Hoà
39	Phạm Tuấn Kiệt	Bí thư Huyện uỷ Vạn Ninh.
40	Phạm Ứng	Phó Bí thư thường trực Huyện uỷ Tuy Hoà.
41	Ngô Văn Chính	Bí thư Huyện uỷ Tuy An.
42	Nguyễn Sỹ Dur	Bí thư Huyện uỷ Sông Cầu.
43	Vũ Văn Thoại	Chủ tịch UBND huyện Đồng Xuân.
44	Nguyễn Thanh Sơn	Bí thư Huyện uỷ Sông Hinh.
45	Lê Văn Hữu	Bí thư Huyện uỷ Sơn Hoà.
<b>C. Tỉnh uỷ viên dự khuyết.</b>		
46	Nguyễn Thị Kim Cóc	Phó Chủ nhiệm Liên Hiệp xã.
47	Phạm Văn Chi	Giám đốc Nhà máy đại tu ô tô Phú Khánh.
48	Nguyễn Đình Hoàn	Phó Chủ nhiệm chính trị BCH quân sự tỉnh.
49	Dương Văn Khang	Giám đốc Nhà máy sợi Nha Trang.
50	Lê Tử Khôi	Quyền Chánh Văn phòng Tỉnh uỷ.
51	Phạm Thị Lành	Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh.
52	Lê Văn Liễm	Phó Giám đốc Công an tỉnh.
53	Nguyễn Văn Lộc	Phó Giám đốc Sở Xây dựng.

54	Bùi Mau	Chủ tịch UBND thành phố Nha Trang.
55	Phan Xuân Ngọc	Phó Giám đốc Sở Giao thông-vận tải.
56	Nguyễn Thị Nhon	Phó Giám đốc công ty vật tư kỹ thuật tỉnh.
57	Nguyễn Tô Phương	Quyền Tổng biên tập Báo Phú Khánh.
57	Lê Văn Tiến	Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh.
59	Bùi Thị Hồng Tiến	Phó Giám đốc Trường Đảng tỉnh.
60	Phạm Xuân Luân	Chủ tịch UBND huyện Tuy Hoà.

Ngày 26-1-1987, Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định bổ sung đồng chí Huỳnh Trúc, Trưởng đoàn chuyên gia Stung-Treng Campuchia vào Ban Chấp hành Đảng bộ Phú Khánh và tham gia Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ YÊN TỪ THÁNG 4-1989 ĐẾN THÁNG 1-1992 (Theo quyết định ngày 27-4-1989 của Ban Bí thư Trung ương Đảng)**

<b>A. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ:</b>		
<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Nguyễn Duy Luân	Ủy viên dự khuyết BCHTW Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ.
2	Quyết Tâm	Phụ trách tổ chức.
3	Trần Minh Mạch	Phụ trách Ủy ban kiểm tra Tỉnh uỷ.
4	La Chí Noa	Phụ trách Ban Dân vận Tỉnh uỷ.
5	Nguyễn Văn Trúc	Bí thư Thị uỷ Tuy Hoà.
6	Huỳnh Trúc	Thường trực Tỉnh uỷ, phụ trách Ban Tuyên huấn TU.

7	Lê Thái	Chỉ huy trưởng BCH quân sự tỉnh.
<b>B. Tỉnh uỷ viên chính thức:</b>		
8	Phạm Cư	Phó Ban Tổ chức Tỉnh uỷ.
9	Nguyễn Thị Miễn	Hội trưởng Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh.
10	Lương Công Doan	Phái viên Tỉnh uỷ
11	Đình Thanh Đồng	Bí thư Tỉnh đoàn.
12	Bùi Sơn Hải	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
13	Nguyễn Thành Quang	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
14	Nguyễn Tường Thuật	Chủ tịch UBND tỉnh.
15	Vũ Văn Thoại	Phó Bí thư Huyện uỷ Đông Xuân.
16	Nguyễn Sỹ Dur	Bí thư Huyện uỷ Sông Cầu.
17	Ngô Văn Chính	Bí thư Huyện uỷ Tuy An.
18	Phạm Ứng	Phó Ban Tổ chức Tỉnh uỷ.
19	Lê Văn Hữu	Bí thư Huyện uỷ Sơn Hoà.
20	Nguyễn Thanh Sơn	Bí thư Huyện uỷ Sông Hinh.
21	Đỗ Vĩnh Tân	Giám đốc Nhà máy đường Đông Bò.
<b>C. Tỉnh uỷ viên dự khuyết:</b>		
22	Nguyễn Thị Kim Cóc	Giám đốc Công ty xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ tỉnh.
23	Lê Tử Khởi	Chánh Văn phòng Tỉnh uỷ.
24	Lê Văn Liễm	Phó Giám đốc Công an tỉnh.
25	Phạm Xuân Luân	Bí thư Huyện uỷ Tuy Hoà.
26	Nguyễn Thị Nhon	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
27	Nguyễn Tô Phương	Tổng biên tập Báo Phú Yên.
28	Lê Văn Tiến	Chánh án Toà án nhân dân tỉnh.

Ngày 17-11-1989, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 813 về việc chuyển các đồng chí Tỉnh ủy viên dự khuyết nói trên lên chính thức và chỉ định bổ sung các đồng chí sau đây tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Phú Yên:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Trần Văn Mười	Chỉ huy trưởng BCH quân sự tỉnh.
2	Nguyễn Văn Đăng	Giám đốc Sở Lâm nghiệp.
3	Trần Văn Trung	Bí thư Huyện ủy Đồng Xuân
4	Đào Tấn Lộc	Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch tỉnh.
5	Trần Đặng	Chủ tịch Liên đoàn lao động tỉnh.

Ngày 10-12-1989, Tỉnh ủy họp bầu đồng chí Huỳnh Trúc làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy; bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm: Đ/c Nguyễn Tường Thuật, đ/c Lương Công Đoan và đ/c Trần Văn Mười. Ngày 15-1-1990, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 860 chuẩn y các đồng chí trên vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên.

### **BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ YÊN KHOÁ XI (1/1992 – 5/1996)**

<b>A. Ban Thường vụ Tỉnh ủy:</b>		
STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Duy Luân	UVTV Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, phụ trách chung
2	Lương Công Đoan	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.
3	Phạm Ứng	Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy.
4	Nguyễn Văn Trúc	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.
5	Nguyễn Sỹ Dur	Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.
6	Lê Tỷ Khởi	Trưởng Ban Kinh tế Tỉnh ủy.

7	Lê Văn Hữu	Trưởng Ban Dân vận Tỉnh uỷ.
8	Nguyễn Tường Thuật	Chủ tịch UBND tỉnh.
9	Trần Minh Mạch	Phó Chủ tịch trực UBND tỉnh.
10	Nguyễn Thành Quang	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
11	Lê Văn Liêm	Phó Giám đốc Công an tỉnh.
<b>B. Tỉnh uỷ viên chính thức:</b>		
12	Nguyễn Văn Chín	Phó Chủ nhiệm Uỷ ban kiểm tra Tỉnh uỷ.
13	Nguyễn Tô Phương	Tổng biên tập Báo Phú Yên.
14	Nguyễn Thanh Sơn	Phó Trưởng Ban Dân tộc - Miền núi.
15	Trần Đăng	Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh.
16	Trần Thị Minh Chánh	Hội trưởng Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh.
17	Nguyễn Hoàng Hạnh	Thư ký Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.
18	Bùi Sơn Hải	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
19	Nguyễn Thị Nhon	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
20	Đào Tấn Lộc	Chủ nhiệm Uỷ ban khoa học kỹ thuật tỉnh.
21	Đinh Thanh Đồng	Bí thư Tỉnh đoàn.
22	Trần Thị Hà	Phó Giám đốc Sở Công nghiệp.
23	Nguyễn Minh Thái	Cục Trưởng cục thuế tỉnh.
24	Nguyễn Văn Tân	Phó Giám đốc Sở Tài chính.
25	Lê Đình Chí	Giám đốc Sở Thương mại – Du lịch.
26	Nguyễn Văn Đăng	Giám đốc Sở lâm nghiệp.
27	Nguyễn Thị Kim Phụng	Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh.

28	Nguyễn Xuân Đàm	Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo.
29	Lương Ngọc Ái	Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch tỉnh.
30	Hoàng Tự Điền	Giám đốc Sở lao động – Thương binh và xã hội.
31	Vũ Văn Thoại	Phó Giám đốc Sở Văn hoá – Thông tin.
32	Đình Thanh Tịnh	Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp.
33	Mang Cư	Phó Giám đốc Bệnh viện tỉnh.
34	Lê Văn Tiến	Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh.
35	Lê Quang Đạo	Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh.
36	Đặng Phi Thương	Chỉ huy phó BCH quân sự tỉnh.
37	Võ Châu	Bí thư Thị uỷ Tuy Hoà.
38	Phạm Xuân Luân	Bí thư Huyện uỷ Tuy Hoà.
39	Ngô Văn Chính	Bí thư Huyện uỷ Tuy An.
40	Trần Văn Trung	Bí thư Huyện uỷ Đồng Xuân.
41	Bá Thanh Kia	Ủy viên BTV Huyện uỷ Sơn Hoà, Thường trực Đảng

Ngày 28-10-1994, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định 796 chuẩn y đồng chí Trần Văn Mười và đồng chí Võ Châu tham gia Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

### **BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ YÊN KHOÁ XII (5/1996 – 12/2000)**

<b>A. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ:</b>		
<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Lương Công Đoan	UVBCHTW Đảng, Bí thư Tỉnh uỷ, Chủ tịch HĐND tỉnh.



2	Nguyễn Văn Trúc	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ.
3	Lê Văn Hữu	Phó Bí thư, Chủ tịch UBND tỉnh.
4	Phạm Ứng	Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh uỷ.
5	Đình Thanh Đồng	Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Tỉnh uỷ.
6	Bùi Sơn Hải	Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ.
7	Phạm Xuân Luân	Trưởng Ban Dân vận Tỉnh uỷ.
8	Lê Văn Liêm	Giám đốc Công An tỉnh.
9	Trần Văn Mười	Chỉ huy trưởng BCH quân sự tỉnh.
10	Nguyễn Thành Quang	Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh.
11	Ngô Văn Chính	Phó Chủ tịch HĐND tỉnh.
12	Võ Châu	Bí thư Thị uỷ Tuy Hoà
13	Trần Thị Hà	Giám đốc Sở Công nghiệp.
<b>B. Tỉnh uỷ viên chính thức:</b>		
14	Trần Văn Trung	Trưởng Ban bảo vệ chính trị nội bộ Tỉnh uỷ.
15	Nguyễn Thành Tâm	Trưởng Ban Tài chính Tỉnh uỷ.
16	Nguyễn Văn Chín	Phó Chủ nhiệm thường trực Ủy ban kiểm tra Tỉnh uỷ
17	Phạm Đình Cự	Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Tổ chức Tỉnh uỷ
18	Trịnh Thị Nga	Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh.
19	Trần Thị Minh Chánh	Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh.
20	Trần Đặng	Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh.

21	Huỳnh Tấn Việt	Bí thư Tỉnh đoàn.
22	Nguyễn Thanh Sơn	Phó Ban Dân vận Tỉnh uỷ, Phó Chủ tịch UBMTTQ tỉnh
23	Nguyễn Hoàng Hạnh	Phó Chủ tịch Hội nông dân tỉnh.
24	Nguyễn Văn Tân	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
25	Phạm Ngọc Chi	Phó Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, Trưởng Ban Tổ chức chính quyền tỉnh
26	Lương Ngọc Ái	Giám đốc Sở kế hoạch - đầu tư.
27	Nguyễn Bá Lộc	Giám đốc Sở tài chính - vật giá.
28	Nguyễn Minh Thái	Cục Trưởng Cục thuế tỉnh.
29	Võ Thị Tuyết Na	Giám đốc Kho Bạc Nhà nước tỉnh.
30	Đình Thanh Tịnh	Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn
31	Lê Đình Chí	Giám đốc Sở Thương mại – Du lịch.
32	Nguyễn Văn Dũng	Phó Giám đốc Sở Xây dựng.
33	Nguyễn Thị Kim Cóc	Giám đốc Công ty Xuất nhập khẩu-Thủ công mỹ nghệ tỉnh
34	Đào Tấn Lộc	Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
35	Hoàng Tự Điền	Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và xã hội.
36	Vũ Văn Thoại	Phó Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ, Giám đốc Sở VH-TT
37	Mang Cư	Giám đốc Bệnh viện đa khoa trung tâm tỉnh.
38	Hồ Văn Tùng	Phó Giám đốc Sở Giáo dục và đào tạo.
39	Lê Quang Đạo	Viện trưởng Viện Kiểm sát

		nhân dân tỉnh.
40	Nguyễn Đức Phan	Chánh Thanh tra Nhà nước tỉnh.
41	Trần Quang Nhất	Bí thư Đảng ủy Dân Chính Đảng tỉnh.
42	Nguyễn Văn Nhâm	Bí thư Huyện ủy Tuy Hoà.
43	Bá Thanh Kia	Bí thư Huyện ủy Sơn Hoà.
44	Vũ Thanh Bình	Bí thư Huyện ủy Tuy An.
45	Nguyễn Văn Hiền	Bí thư Huyện ủy Đồng Xuân.

### **DANH SÁCH BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH PHÚ YÊN KHOÁ XIII (12/2000)**

<b>A. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ:</b>		
<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>
1	Nguyễn Thành Quang	Bí Thư Tỉnh uỷ, phụ trách chung.
2	Đình Thanh Đồng	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ, Chủ tịch HĐND tỉnh.
3	Đào Tấn Lộc	Chủ tịch UBND tỉnh (từ ngày 21-2-2003 được bầu làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ).
4	Bùi Sơn Hải	Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ.
5	Trần Thị Hà	Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh.
6	Nguyễn Văn Nhâm	Phó Chủ tịch HĐND tỉnh.
7	Phạm Ngọc Chi	Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh uỷ.
8	Nguyễn Văn Chín	Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Tỉnh uỷ.
9	Bá Thanh Kia	Trưởng Ban Dân vận Tỉnh uỷ.
10	Đặng Phi Thương	Chỉ huy trưởng BCH quân sự tỉnh.
11	Nguyễn Tự Lực	Giám đốc Công an tỉnh
12	Phạm Đình Cự	Bí thư Đảng ủy Dân Chính Đảng tỉnh.
13	Trần Thị Minh Chánh	Chuyển công tác về Trung ương

<b>B. Tỉnh uỷ viên chính thức:</b>		
14	Nguyễn Văn Tân	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
15	Đình Thanh Tịnh	Phó Chủ tịch UBND tỉnh.
16	Lê Kim Anh	Chánh Văn phòng Tỉnh uỷ.
17	Vũ Văn Thoại	Phó Trưởng Ban thường trực Ban Tuyên giáo TU.
18	Huỳnh Trọng Danh	Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh.
19	Trịnh Thị Nga	Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh.
20	Lê Đù	Phó Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh.
21	Lê Quang Đạo	Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.
22	Tạ Tấn Đông	Giám đốc Đài truyền hình khu vực tỉnh Phú Yên.
23	Tạ Thị Bảy	Trưởng Ban Tổ chức chính quyền tỉnh.
24	Trần Văn Chương	Giám đốc Sở Giáo dục – đào tạo.
25	Nguyễn Văn Dũng	Giám đốc Sở Khoa học-công nghệ và Môi trường.
26	Nguyễn Hồng Hải	Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và xã hội.
27	Nguyễn Văn Hiền	Giám đốc Sở Văn hoá – Thông tin.
28	Phạm Hồng Khanh	Giám đốc Bưu điện tỉnh.
29	Nguyễn Bá Lộc	Giám đốc Sở Tài chính vật giá.
30	Trương Ngọc Phụng	Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh.
31	Nguyễn Thành Tâm	Giám đốc Sở Thương mại – Du lịch.
32	Nguyễn Minh Thái	Cục trưởng Cục thuế tỉnh.
33	Nguyễn Trúc Thơm	Chỉ huy trưởng BCH Bộ đội biên phòng tỉnh.
34	Trần Văn Tý	Phó Giám đốc Sở Y tế.
35	Nguyễn Đức Phan	Chánh Thanh tra Nhà nước tỉnh.
36	Huỳnh Tấn Việt	Giám đốc Sở Công nghiệp.
37	Nguyễn Thị Xinh	Cục trưởng Cục thống kê tỉnh.
38	Trương Văn Ba	Giám đốc Công ty vật tư tổng hợp tỉnh.
39	Phạm Hữu Nghĩa	Bí thư Huyện uỷ Sông Cầu.
40	Phan Xuân Phổ	Bí thư Huyện uỷ Đồng Xuân.

41	Nguyễn Ngọc Thọ	Bí thư Huyện uỷ Tuy Hoà.
42	Niê Y Ú	Bí thư Huyện uỷ Sông Hinh.
43	Nguyễn Xuân Chiến	Bí thư Thị uỷ Tuy Hoà.
44	Trương Phước Cường	Chủ tịch UBND huyện Sơn Hoà.
45	Võ Tuyết Na	Chuyên công tác vào Khánh Hoà.

Chỉ đạo biên soạn

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY PHÚ YÊN

Chủ nhiệm đề tài:

Vũ Văn Thoại

*Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ.*

Ban biên soạn:

Nguyễn Sỹ Dư

Huỳnh Xuân

Nguyễn Niên

Phạm Ngọc Trâm

Nguyễn Kiều Hưng

---

In 1.000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm tại CÔNG TY CP IN - THƯỜNG MẠI PHÚ YÊN.

Giấy phép xuất bản số 19/GP-SVHTT, do Sở VH TT Phú Yên cấp ngày 21/3/2007. In xong và nộp lưu  
chiều tháng 8/2007